

Trung Phong Tam Thời Hệ Niệm Pháp Sư Toàn Tập Giảng Ký

Phần 10

Chủ giảng: Lão pháp sư Thích Tịnh Không
Giảng tại: Tịnh Tông Học Hội Úc Châu
Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Chư vị đồng học!

Xin hãy xem phần “*chánh thị hành giả chấp trì danh hiệu dĩ lập hạnh*” (dạy hành giả chấp trì danh hiệu để lập hạnh). Phần giảng nghĩa được chia thành chín đoạn, hôm nay chúng ta xem đến đoạn cuối cùng. Đoạn thứ chín là “*trùng khuyến phát nguyện*” (lại khuyên phát nguyện). Chúng tôi đọc kinh văn một lượt:

Xá Lợi Phất! Ngã kiến thị lợi, cô thuyết thử ngôn, nhược hữu chúng sanh văn thị thuyết giả, ưng đương phát nguyện sanh bỉ quốc độ.

舍利弗。我見是利。故說此言。若有眾生。聞是說者。應當發願。生彼國土。

(Này Xá Lợi Phất! Ta thấy điều lợi ấy nên nói như thế này: Nếu có chúng sanh nghe nói như vậy, hãy nên phát nguyện sanh về cõi nước ấy).

Kinh văn nói “*ngã kiến thị lợi*” (ta thấy điều lợi ấy), [tổ Ngẫu Ích giảng] “*thị Phật nhãn sở kiến, cứu tận minh liễu dã*” (là do chính mắt đức Phật thấy, thấu hiểu rất ráo). Đây không phải là cái thấy của người tầm thường, mà là do chính Thích Ca Mâu Ni Phật đích thân thấy. Điều này rất quan trọng, chúng ta chớ vô tâm hời hợt đọc lướt qua. Điều Thích Ca Mâu Ni Phật trông thấy được, nói thật ra, chúng ta chẳng thể thấy được, [đức Phật thấy được] lợi ích hết sức lớn lao! Chúng ta coi tiếp đoạn văn [trong sách Yếu Giải], rốt cuộc điều lợi ích ấy chính là gì vậy? “*Thị lợi giả, hoành xuất ngũ trược, viên tịnh tứ độ, trực chí Bất Thoái vị, thị vi bất khả tư nghị công đức chi lợi*” (Điều lợi ích ấy là vượt thoát [cõi nước] ngũ trược theo chiều ngang, thanh tịnh trọn vẹn bốn cõi, đạt thẳng đến địa vị Bất Thoái, đây là lợi ích công đức chẳng thể nghĩ bàn). Lợi ích tuyệt diệu như vậy đó! Trong hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian, không có gì hơn được lợi ích này! Vô lượng vô biên pháp môn của hết thảy chư Phật trọn khắp pháp giới hư không giới đều chẳng thể sánh bằng lợi ích này. Chúng ta được hạnh ngộ pháp này quả thật chẳng phải là chuyện dễ!

Thứ nhất là "*hoành xuất ngũ trước*", quý vị phải nhớ kỹ điều này! Bất luận tu học pháp môn nào khác cũng chẳng thể "*hoành xuất*" (vượt khỏi tam giới theo chiều ngang); nói cách khác, quý vị tu học nhất định phải tiến lên từng bước một, giống như đi học: Tiểu học, sơ trung (trung học đệ nhất cấp, cấp hai), cao trung (trung học đệ nhị cấp, hay cấp ba), đại học, nghiên cứu sinh, tiến lên dần dần. Mỗi một giai đoạn gồm một năm học, hai năm học, ba năm học, bốn năm học. Phương pháp ấy gọi là "*thụ xuất*" (vượt thoát [tam giới] theo chiều dọc), khó lắm! Rất ư là khó! Nay pháp môn này thật đặc biệt, hoành xuất! Nay chúng ta đang mang thân người, phía trên cõi người là cõi trời, tức Dục Giới Thiên. Quý vị phải biết Dục Giới Thiên gồm Tứ Vương Thiên, Đao Lợi Thiên, Dạ Ma Thiên, Đâu Suất Thiên, tiến lên từng bước một. Nay chúng ta không cần phải như thế, từ nhân đạo vượt ngang ra khỏi tam giới (hoành xuất), thoát khỏi lục đạo luân hồi, có đạo lý như vậy hay chẳng? Vì thế, pháp môn này được gọi là pháp khó tin, thực sự khó tin lắm!

Vượt thoát bèn đến đâu vậy? Phi phạm lắm! Giống như đi học, nay chúng ta đang học tiểu học, tiểu học là lớp Một, không cần học lớp Hai, chúng ta thoát ra bèn học ngay lớp dành cho nghiên cứu sinh. Chẳng phải là không có người như vậy, nhưng hiếm lắm, phải là đứa trẻ thiên tài kia! Thế nhưng chúng ta không phải là thiên tài, dẫu chẳng phải là thiên tài mà vẫn vượt cấp được, đã vượt cấp học ngay vào lớp nghiên cứu sinh, mà còn thực sự thành tựu nữa kia, chẳng thể nghĩ bàn! Bởi thế, câu "*ngã kiến thị lợi*" (ta thấy điều lợi này) ở phía trước [đoạn kinh văn vừa nói trên đây] hết sức quan trọng. Vì sao? Đức Phật phải nêu chứng minh cho chúng ta thấy; nếu không phải do chính đức Phật nói, chúng ta sẽ chẳng thể tin nổi pháp môn này. Vì sao? Vì không tìm được căn cứ để lý luận! Nay chúng ta tin lời A Di Đà Phật, nhưng thật ra trên mặt căn cứ lý luận chúng ta vẫn hồ đồ, vẫn không biết. Thế nhưng chúng ta tin lời Thích Ca Mâu Ni Phật chắc chắn là chân thật: "*Như Lai thị chân ngữ giả, thật ngữ giả, như ngữ giả, bất cưỡng ngữ giả, bất vọng ngữ giả*" (Như Lai là bậc nói lời chân thành, nói lời thành thật, nói đúng như sự thật, không nói lời gặt gặm, không nói dối). Chắc chắn Ngài chẳng lừa dối chúng ta, chúng ta nghe lời Ngài, thực hành theo lời Ngài dạy, chắc chắn không lầm. Thế là tốt! Thực sự có phước báo, người như vậy thực sự có thiện căn, người như vậy thực sự phi phạm, chư Phật, Bồ Tát đều tán thán, hoành siêu mà!

Sanh về Tịnh Độ, "*viên tịnh tứ độ*" (thanh tịnh viên mãn bốn cõi), "*viên*" là viên mãn, "*tịnh*" là thanh tịnh, "*tứ độ*" là Phạm Thánh Đồng Cư Độ, Phương Tiện Hữu Dư Độ, Thật Báo Trang Nghiêm Độ, và Thường Tịch Quang Độ; quý vị sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới bèn chứng trọn vẹn bốn cõi ấy. Chúng được một, bèn chứng hết thảy, sanh vào Đồng Cư là

sanh cõi Phương Tiện, là sanh vào Thật Báo, là sanh vào Tịch Quang, có đạo lý như vậy hay chẳng? Chính Thích Ca Mâu Ni Phật thấy như thế, Thích Ca Mâu Ni Phật vì chúng ta chứng thực, Thích Ca Mâu Ni Phật khuyên dạy chúng ta, chúng ta cứ tin tưởng đi theo lão nhân gia là không sai. Nếu cứ thuận theo thành kiến, phiền não, tập khí của chính mình, cứ suy cái này nghĩ cái nọ là sai lầm quá rồi! Đúng là chẳng thể nghĩ bàn!

"*Trực chí Bất Thoái vị*" (đạt thẳng đến địa vị Bất Thoái): Không vòng vèo, quanh co, thẳng chóng chứng đắc trọn vẹn ba thứ Bất Thoái. Chứng trọn vẹn ba thứ Bất Thoái là địa vị nào vậy? Đẳng Giác Bồ Tát! Do đọc kinh Hoa Nghiêm, chúng tôi biết Sơ Trụ Bồ Tát thuộc Viên Giác chứng được ba thứ Bất Thoái là Vị Bất Thoái, Hạnh Bất Thoái, và Niệm Bất Thoái, nhưng chưa viên mãn. Cho đến Thập Địa Bồ Tát vẫn chưa thể nói là viên mãn, bởi còn có địa vị cao hơn. Do vậy, quý vị phải hiểu: Chứng trọn vẹn ba thứ Bất Thoái chính là Đẳng Giác Bồ Tát, là địa vị Bồ Xứ. Những ai chứng trọn vẹn? Quán Âm Bồ Tát, Đại Thế Chí Bồ Tát, Văn Thù Bồ Tát, Phổ Hiền Bồ Tát, Di Lặc Bồ Tát. Những vị ấy chứng trọn vẹn ba thứ Bất Thoái, Đẳng Giác Bồ Tát mà! Pháp Vân Địa Bồ Tát vẫn chưa thể nói là Viên, còn kém một phần nên chưa Viên, gần như Viên, nhưng vẫn còn thiếu một chút. Thật ra, không có cách gì để diễn tả sự lợi ích ấy cả, người gặp được pháp môn này hết sức may mắn!

"*Thị vi bất khả tư nghị công đức chi lợi*" (đây là lợi ích công đức chẳng thể nghĩ bàn); trong kinh nói "*bất khả tư nghị công đức chi lợi!*" có nghĩa là như vậy đó. Chúng ta phải suy nghĩ mấy câu nói này, phải nghĩ cho thông, phải suy cho thấu, rồi mới hạ quyết tâm dũng mãnh tinh tấn, thành tựu viên mãn quyển kinh này và danh hiệu này; chẳng còn lãng phí quá nhiều tinh thần và thời gian la cà nơi các kinh điển thuộc vô lượng pháp môn khác, không cần dùng đến chúng nữa, chỉ riêng pháp này là đủ thành công rồi.

Lại xem tiếp tiểu đoạn thứ hai: "*Hựu thị lợi, ước mạng chung thời tâm bất điên đảo nhi ngôn*" ([Nói] lợi ích này còn có nghĩa là lúc lâm chung, tâm không điên đảo). Lợi ích này càng giảng càng thù thắng, càng giảng càng chẳng thể nghĩ bàn. Quý vị phải nhớ kỹ: Lợi ích chẳng thể nghĩ bàn là lúc người ấy lâm chung, tâm không điên đảo, lúc lâm chung rất sáng suốt, tỉnh táo, không mê hoặc tí ti nào thì người ấy mới có thể tin, có thể nguyện, có thể niệm, có thể cầu sanh về Tịnh Độ, A Di Đà Phật bèn đến tiếp dẫn người ấy. Đó chính là nguyện thứ mười tám trong bốn mươi tám nguyện. Trong bốn mươi tám nguyện, Phật giáo Nhật Bản bảo nguyện mười tám này là nguyện trọng yếu nhất. Lúc lâm chung sáng suốt, tỉnh táo; nếu lâm chung hôn mê điên đảo là không được rồi! Dầu trợ niệm cũng không chắc được vãng sanh. Bởi thế, từ xưa đến nay, chẳng những các vị đại đức nhà Phật,

ngay cả các bậc đại đức thế gian đều khuyên người ta trong một đời hãy nên tu phước, tu phước nhưng đừng hưởng phước, phước báo dành cho người khác hưởng thì phước báo của chính mình càng lớn. Lúc nào mình mới hưởng phước? Chỉ một dịp thôi: Khi lâm chung thần trí sáng suốt, ở đây nói là "*tâm không điên đảo*", các phước báo khác đều chẳng cần đến, để người khác hưởng thụ, mình chịu khổ chút không sao cả!

Trước kia, tôi học với thầy Lý mười năm, cả đời thầy Lý sống hết sức đạm bạc. Không hề ăn bữa nào mà có tới hai món ăn! Suốt đời thầy Lý chưa từng ăn hai món, quý vị chưa trông thấy sẽ không biết đâu! Thầy tự nấu cơm, tự chăm sóc mình, đến chín mươi tuổi vẫn tự chăm sóc mình, nêu tấm gương rất tốt cho chúng ta trong thời kỳ Mạt Pháp. Trong thời Mạt Pháp, phong hóa thế gian mỗi ngày mỗi tệ, con người không biết hiếu thuận cha mẹ, không biết tôn sư; nếu quý vị không biết tự chăm sóc mình làm sao quý vị có thể sống như thế được! Thầy Lý ăn cơm từ một cái niêu nhỏ, mang theo cái niêu nhỏ. Thầy thường ăn mì, ở Đài Loan gọi là "tuyển miến", còn Trung Hoa Đại Lục gọi là "quải miến", sợi mì rất nhỏ, rất dễ nấu. Nước đun sôi rồi, thả mì và vài cọng rau vào, lại đun cho sôi, đây nắp lại, tắt lửa, ủ mấy phút là xong, đơn giản như vậy đó. Mỗi bữa ăn nấu chừng bao lâu? Mười lăm phút! Giải quyết một bữa cơm như vậy đó.

Thầy không có chén, dùng niêu làm chén luôn; bởi thế, rửa sạch hết sức thuận tiện. Trước kia, tôi học theo lão nhân gia, tôi học được, sống như thế không ít năm, cho đến khi ở nhà Hàn Quán Trưởng tôi mới thôi không tự nấu cơm. Trước khi ở nhà Hàn Quán Trưởng, tôi tự nấu cơm lấy, lúc ấy còn dùng bếp dầu (có lẽ người lớn tuổi mới biết tới bếp dầu, người trẻ tuổi không biết đâu!) rất thuận tiện, không dùng bếp củi mà dùng bếp dầu. Thầy Lý sống suốt đời như thế, trước khi bếp dầu được phát minh thì dùng bếp than. Bởi lẽ, thầy biết tiếc phước, thầy có thâm nhập tương đối khá; lúc ấy, thầy muốn thuê một hai người đẩy tở là chuyện dễ dàng; thầy thừa sức nhưng không làm như thế, tự mình chăm sóc mình, sống hết sức tiết kiệm, một ngày xài hai đồng, cả tháng tiêu hết sáu mươi đồng thôi!

Kiểm được bao nhiêu tiền đều đổ vào sự nghiệp từ thiện, cụ xướng suất kiến tạo Đài Trung Liên Xã, dựng thư viện Từ Quang, lập y viện Bồ Đề, mọi người quyên tặng, cụ đứng ra lo liệu. Đạo tràng thành lập xong, khi đã đi vào nề nếp, cụ bèn giao cho người khác. Mời làm Đồng Sự Trưởng hay Chấp Sự, cụ đều từ khước, giao cho người khác làm. Không mảy may có tâm tham, không mảy may lưu luyến. Do cụ tu phước nên lúc lâm chung đích thực tâm không điên đảo, ra đi sáng suốt, tự tại. Trước lúc mất, cụ còn dặn dò đồ đệ, lời dặn rất sáng suốt, minh bạch như thế này: "*Thế gian đã loạn rồi, Phật, Bồ Tát, thần tiên giáng hạ cũng không cứu được. Chúng ta chỉ có một con đường sống là niệm Phật cầu sanh về Tịnh Độ mà thôi!*" Di ngôn tối

hậu của lão nhân gia là như vậy đó; quý vị thấy cụ sáng suốt, minh bạch như thế đó. Đối với tình hình xã hội hiện thời, chúng ta thấy rất rõ. Cụ đã mất mười mấy năm rồi.

Lúc cụ bảo xã hội loạn, tánh tình giác của chúng tôi vẫn chưa cao! Nay nghĩ lại mấy câu ấy, đúng là cụ thấy quá rõ ràng, rất thấu triệt! Bởi thế, câu nói sau đây quan trọng hơn bất cứ gì khác: "*Lâm mạng chung thời, tâm bất điên đảo*" (Lúc lâm chung, tâm không điên đảo), đó là điều kiện trọng yếu để quý vị được vãng sanh hay không. Vì sao lúc lâm chung người ta lại bị điên đảo? Vì chẳng biết tu phước; nhất là con người hiện thời chỉ biết hưởng phước, chứ không biết tu phước! Kể ra đạo tràng này cũng khá, vẫn còn bố thí cúng dường; nay ở địa phương này, chúng ta phải bố thí cúng dường cho đại chúng trong xã hội, phải thường mang cái tâm ấy, phải có nguyện vọng ấy, phải có hành động ấy, chứ chẳng mong cầu chính mình hưởng thụ. Tự mình phải biết tiết kiệm, phải biết đoạn ác, phải biết tu phước, hy vọng khi chính mình lâm chung tâm có thể thực sự không điên đảo.

Đoạn kế tiếp nói: "*Cái uế độ tự lực tu hành, sanh tử quan đầu, tôi nan đắc lực*" (Vì tự lực tu hành trong uế độ, nơi cửa ải sanh tử là khó đắc lực nhất). Câu này nói thật đấy, phải thường tự răn nhắc mình. Hiện tại, trước uế đã đến mức cùng cực, con người hoàn toàn trái nghịch đạo làm người, chẳng biết hiếu thuận, không biết tôn kính, kiêu căng, ngạo mạn, ngỡ mình là đúng, tưởng mình siêu phàm! Khởi tâm động niệm không gì chẳng cạnh tranh, đấu tranh, tổn người, lợi mình; đó là căn nguyên của hết thảy động loạn. Bởi vậy, tham sống sợ chết, lúc lâm chung tay chân luống cuống. Người nghiệp chướng nặng, lúc tuổi cao khó tránh khỏi căn bệnh nay gọi là bệnh si ngốc nơi người già (Alzheimer). Chứng si ngốc ấy chính là điên đảo, hồ đồ. Người vừa bị điên đảo, hồ đồ liền bị phiền phức ngay, lưu chuyển theo nghiệp chướng, chẳng thể tự làm chủ.

Quý vị phải hiểu: Vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới là chính mình có thể làm chủ. Tôi muốn đến thế giới Cực Lạc, tôi muốn thân cận A Di Đà Phật, tự mình có thể làm chủ. Nếu tự mình không làm chủ được thì vẫn phải luân hồi trong lục đạo. Luân hồi trong lục đạo là bị nghiệp lực lôi dẫn, một đời này thiện nhiều, ác ít, lúc lâm chung không có ác niệm, sẽ theo nghiệp lực sanh vào ba đường lành. Nếu ác nhiều, thiện ít, sự ác bao trùm ý niệm, ý niệm ác nhiều, ý niệm thiện ít, sẽ sanh vào ba ác đạo. Bởi thế, chính mình phải thường suy nghĩ đời sau mình sẽ sanh vào đường nào, điều này hết sức quan trọng! Đời sau sanh vào đường nào đừng hỏi ai khác, chính mình phải biết rõ ràng, minh bạch!

Mỗi ngày tụng kinh sáng tối (điều này chúng tôi đã nói quá nhiều rồi), khóa sáng là để tự cảnh tỉnh mình; khóa tối là phản tỉnh, kiểm điểm, sám hối, sửa lỗi. Chúng ta có làm được như thế hay không? Phản tỉnh, kiểm

điểm chính là phát hiện những lỗi lầm của chính mình, sám hối là sửa đổi những lầm lỗi của chính mình, đó chính là quý vị thực sự tu công phu đoạn ác tu thiện. Công phu có thành tích thì lúc lâm chung hiệu quả sẽ hiện tiền, thần trí sáng suốt, tâm không điên đảo, ý chẳng tham chấp. Lúc ấy, niệm Phật cầu sanh về Tịnh Độ sẽ cảm ứng đạo giao; dưới đây, chúng tôi sẽ kể về [gương tu hành] của một vị pháp sư cận đại:

Pháp sư Viên Anh dốc lòng nơi Tịnh Độ, tự xưng là Tam Cầu Đường Chủ Nhân, tức là cầu phước, cầu huệ, cầu sanh Tịnh Độ. Pháp sư suốt đời giảng kinh hoằng pháp, soạn chú giải cũng rất phong phú. Ngài có bộ Viên Anh Pháp Sư Pháp Vượng được lưu truyền trong thế gian. Suốt đời lão nhân gia chuyên dốc công nơi kinh Lăng Nghiêm. Từ bài tựa cuốn Lăng Nghiêm Kinh Giảng Nghĩa, ta thấy năm hai mươi lăm tuổi, Ngài phát tâm học Lăng Nghiêm, đến năm bảy mươi lăm tuổi mới hoàn thành tác phẩm Lăng Nghiêm Kinh Giảng Nghĩa, suốt cả năm mươi năm! Ngài làm gương cho chúng ta thấy thâm nhập một môn, trường thời huân tu mới có thành tựu như thế. Từ xưa đến nay, chú giải kinh Lăng Nghiêm hết sức phong phú. Xưa kia, lúc tôi theo học với thầy Lý ở Đài Trung cũng là học kinh Lăng Nghiêm; khi đó, tôi sưu tập được hơn ba mươi bản cổ chú. Thầy Lý dạy tôi: Tuy những bản cổ chú hay, nhưng không dễ hiểu cho lắm. Đại khái, những bản chú giải kinh Lăng Nghiêm xưa nay, pháp sư Viên Anh đều đã đọc qua; nói cách khác, cuốn Lăng Nghiêm Kinh Giảng Nghĩa của Ngài chính là tác phẩm tổng hợp toàn bộ chú giải xưa nay. Thầy Lý chỉ tôi: Anh hãy bắt đầu bằng bộ Giảng Nghĩa của pháp sư Viên Anh, đúng là đối với người mới học tác phẩm này rất thuận tiện. Tiêu biểu nhất trong số những bản chú giải cổ là bản Trường Thủy Sớ¹[1] đời Tống, bản Lăng Nghiêm Chánh Mạch của Giao Quang đại sư vào cuối đời Minh. Hai bản ấy đại biểu cho những bản chú giải xưa nay, thầy Lý khuyên tôi nên tham khảo!

Lăng Nghiêm khai trí huệ! Pháp sư Viên Anh thông minh, ở Thượng Hải, Ngài có một đạo tràng gọi là Viên Minh Giảng Đường. Viên Minh là kinh Lăng Nghiêm, [chữ “viên minh” chỉ] hai mươi lăm môn viên thông trong kinh Lăng Nghiêm, Ngài dùng ý nghĩa ấy nên đặt tên [nơi ấy] là Viên Minh Giảng Đường. Thập niên chín mươi tôi đến thăm Thượng Hải, bãi phỏng pháp sư Minh Dương, đến viếng đạo tràng của lão pháp sư Viên Anh, thấy

[1] Trường Thủy là hiệu của ngài Từ Tuyền (965-1038). Sư có pháp hiệu là Đông Bình, thường được gọi là Trường Thủy đại sư (vì Ngài thường trụ tại chùa Trường Thủy). Sư là người huyện Tiền Đường, Hàng Châu, là cao tăng thuộc tông Hoa Nghiêm. Sư xuất gia từ nhỏ, xuất gia với ngài Hồng Mẫn, theo học với ngài Khế Tông chùa Phổ Huệ, chuyên dốc sức nơi kinh Lăng Nghiêm. Năm 13 tuổi, Sư đã được đặc cách thọ Cụ Túc Giới. Sư cực lực hoằng dương tông Hoa Nghiêm, được coi là người có công lớn nhất trong công cuộc trung hưng tông Hoa Nghiêm thời Tống. Những tác phẩm trọng yếu nhất của Sư là Lăng Nghiêm Kinh Giảng Nghĩa Sớ Chủ Kinh, Lăng Nghiêm Kinh Khoa, Kim Cang Bát Nhã Toàn Yếu Khoa, Đại Thừa Khởi Tín Luận Bút Tước Ký.

tiểu giảng đường của Ngài không lớn, Tam Cầu Đường hoàn toàn không to, không lớn bằng giảng đường của chúng ta; ước chừng bằng một phần ba giảng đường hiện tại của chúng ta mà thôi, có thể chỉ bằng một phần tư, cho nên không lớn lắm. Tôi ước tính chừng năm, sáu chục người là ngồi chật giảng đường; rất nhỏ! Năm sáu chục người là ngồi kín hết. Trong đạo tràng ấy, hai bên tượng Phật treo một đôi liễn do chính lão pháp sư viết, trên liễn viết "*cầu phước, cầu huệ, cầu sanh Tịnh Độ*". Ngài gọi Phật đường ấy là Tam Cầu Đường. "Phước": Tâm không điên đảo là phước; "Huệ": Niệm Phật vãng sanh là huệ, trí huệ chân thật. Bởi thế, trong câu cuối cùng Ngài nói rất rõ ràng: "*Cầu sanh Tịnh Độ*". Ngài là bậc chuyên gia về kinh Lăng Nghiêm trong thời cận đại đấy!

Kinh Lăng Nghiêm và pháp môn Tịnh Độ có mối quan hệ gì, chúng ta phải hiểu! Câu hỏi này tôi đã gặp vào năm thứ hai sau khi tôi thọ giới, [lúc ấy] tôi đảm nhiệm vai trò thư ký trong giới đàn chùa Lâm Tế. Một ngày nọ, có mấy vị đồng học thuộc đại học Đài Loan dẫn một vị giáo sư của họ, vị này là giáo sư tại trường đại học Đài Loan (vị giáo sư ấy là một hòa thượng Nhật Bản) đến gặp tôi. Tôi tiếp họ trong khách đường, vị giáo sư ấy nêu câu hỏi: "Kinh Lăng Nghiêm và Tịnh Độ có mối quan hệ gì?" Bởi ông ta hỏi tôi học kinh gì, lúc đó nhằm lúc tôi đang học kinh Lăng Nghiêm, nhưng tôi tu pháp môn Tịnh Độ. Vì thế, ông ta mới nêu câu hỏi ấy; ông cảm thấy rất ngạc nhiên, bởi lẽ, mọi người cho rằng kinh Lăng Nghiêm chỉ liên quan đến Thiên, đến Mật. Năm hội thần chú Lăng Nghiêm chính là Mật mà! Ông cho rằng Lăng Nghiêm không dính dáng gì đến Tịnh Độ cả. Tôi cũng chẳng trả lời mà hỏi ngược lại: "Đại Thế Chí và Quán Thế Âm có liên quan gì đến Tịnh Độ chẳng?"

Tôi vừa hỏi như vậy, ông ta hiểu liền. Tây Phương Tam Thánh ngoại trừ A Di Đà Phật thì chẳng phải là Quán Âm, Thế Chí hay sao? Phương pháp tu hành chủ yếu trong kinh Lăng Nghiêm chính là phương pháp của Quán Âm Bồ Tát và Đại Thế Chí Bồ Tát; thuộc phần nào vậy? Chính là đoạn kinh văn nói về Hai Mươi Lăm Pháp Viên Thông. Trong hai mươi lăm pháp môn có nêu những pháp thông thường, có pháp môn đặc biệt. Trình bày như thế nào? Theo cách liệt kê. Các đồng học học kinh giáo phải lưu ý: Trình bày theo thứ tự thuận chính là những pháp môn thông thường; nếu không trình bày theo thứ tự thuận thì pháp môn ấy là đặc biệt. Hai mươi lăm pháp đó từ đâu mà có? Quý vị phải hiểu: Đó chính là những phương pháp tu hành chứng quả do Thích Ca Mâu Ni Phật đã chỉ dạy cho các đồ đệ.

Vô lượng vô biên pháp môn quy nạp thành hai mươi lăm loại, trong mỗi một loại chọn ra một pháp làm đại biểu. Hai mươi lăm pháp ấy quy nạp thành sáu Căn, sáu Trần, sáu Thức, ba lần sáu là mười tám, gọi là Thập Bát Giới. Sau đấy lại thêm vào Thất Đại: Địa, Thủy, Hỏa, Phong, Không, Kiến,

Thức, đó chính là Thất Đại. Thập Bát Giới cộng Thất Đại thành hai mươi lăm. Đó là theo thứ tự thuận. Pháp tu của Quán Thế Âm Bồ Tát là Nhĩ Căn trong sáu căn, chiếu theo thứ tự thuận thì đáng lẽ phải nêu thành pháp thứ hai, như quý vị thấy đó: Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân, Ý, phải trình bày như vậy. Nêu sáu Căn đầu tiên rồi đến sáu Trần, rồi đến sáu Thức; cuối cùng là bảy Đại là thứ tự thuận. Nhưng pháp Nhĩ Căn của Quán Thế Âm Bồ Tát không theo thứ tự thuận, lại rút ra trình bày cuối cùng, xếp thành pháp thứ hai mươi lăm.

Trong bảy Đại, pháp tu của Đại Thế Chí Bồ Tát thuộc về Căn Đại, theo thứ tự "Địa, Thủy, Hỏa, Phong, Không, Kiến, Thức" thì Kiến là Căn Đại. Bởi vậy, pháp tu của Đại Thế Chí Bồ Tát đáng lẽ phải kể là pháp hai mươi ba, nhưng pháp tu của Ngài cũng không được trình bày theo thứ tự thuận, [đáng lẽ] pháp cuối cùng phải là Thức Đại của Di Lặc Bồ Tát; không theo thứ tự này mà xếp pháp Căn Đại sau [pháp tu của] Di Lặc Bồ Tát. Vì thế, trong hai mươi lăm pháp Viên Thông có hai pháp đặc biệt là pháp môn Niệm Phật của Đại Thế Chí Bồ Tát và pháp môn Nhĩ Căn của Quán Thế Âm Bồ Tát. Tôi vừa phân tích như thế, vị giáo sư Nhật bèn chịu phục. Pháp sư Viên Anh truyền dạy đề cao Lăng Nghiêm, nhưng hạnh tại Di Đà là chính xác, hoàn toàn chính xác!

Ở đây, chúng ta phải chú ý chuyện "*cầu phước*". Muốn cầu phước phải tu phước, có tu phước thì mới cầu phước được. Cầu phước mà không biết tu phước thì phước từ đâu mà có? Có phước lại còn phải có huệ, nếu không có huệ thì phước báo ấy không phải là chân phước, trong kinh Phật thường gọi là "*phước báo hữu lậu thế gian*". Có phước mà không có huệ thì chỉ sợ quý vị phước báo càng lớn, tạo nghiệp chướng càng nặng! Phước báo nhỏ hại người ít, phước báo lớn hại người nhiều, hậu quả chẳng thể tưởng tượng được nổi! Một người không có phước báo trong một đời này không làm được chuyện lành lớn, nhưng cũng chẳng tạo sự ác lớn. Nếu phước báo lớn thì phải có trí huệ. Nếu người ấy có trí huệ và tu đại phước báo thì sẽ là điều tốt lành to lớn. Nếu không có trí huệ, sẽ tạo chuyện đại ác. Vì thế, cầu huệ hết sức quan trọng; thậm chí so với cầu phước, cầu huệ càng trọng yếu hơn. Đức Phật dạy người ta phước huệ song tu, cầu huệ đừng quên cầu phước, cầu phước chẳng được quên cầu huệ, phước - huệ song tu! Đức Thế Tôn vì chúng ta nêu gương, vì chúng ta nêu rõ: Mục tiêu chung cục phải thuần chánh, tức là "*quyết định cầu sanh Tịnh Độ*". Chiếu theo kinh Vô Lượng Thọ, kinh A Di Đà, biến các đạo lý được giảng trong những kinh ấy thành tư tưởng và kiến giải của chính mình, thực hiện những giáo huấn trong kinh điển trong cuộc sống của chính mình, đó là "*tu chân*" đấy! Có như vậy mới hòng nắm chắc chuyện cầu sanh Tịnh Độ!

Lại xem tiếp điều thứ ba: "*Vô luận ngoan tu cường huệ, đáo sanh tử quan đầu, bất năng đắc lực, toàn nhiên vô dụng, tức ngộ môn thâm viển, tháo lý tiềm xác chi nhân, thắng phân hào tập khí vị trừ, vị miễn tùy cường thiên đọa*" (Đừng nói là những kẻ tu hành ngoan bướng, trí huệ nông cạn đến cửa ải sanh tử không làm được gì, hoàn toàn vô dụng; ngay cả những người chứng ngộ sâu xa, tu tập tiềm dưỡng đích xác nếu còn chút phần may mắn tập khí chưa trừ sẽ khó tránh khỏi thuận theo nghiệp lực nào mạnh hơn mà đọa lạc theo nghiệp lực đó). Đây là Ngẫu Ích đại sư cảnh tỉnh chúng ta, dạy chúng ta phải thời thời khắc khắc tỉnh giác cao độ. "*Ngoan tu cường huệ*" (tu hành ngoan bướng, trí huệ nông cạn) chính là nói đến những kẻ không thực sự tu hành trong Tông môn và Giáo Hạ, trong xã hội hiện tại [những hạng người như vậy] hết sức phổ biến. "*Đáo sanh tử quan đầu, bất năng đắc lực, toàn nhiên vô dụng*" (đến cái ải sanh tử, chẳng làm được gì, hoàn toàn vô dụng): Điều này nay chúng ta thấy rất rõ ràng, minh bạch; quý vị chỉ cần lưu tâm một chút mà thôi, sẽ thấy người xuất gia hiện tại, nói thật ra, xuất gia còn kém cả tại gia. Người tu hành tại gia lúc lâm chung tâm không điên đảo, tôi thấy không ít; còn người xuất gia lúc lâm chung tâm không điên đảo cả đời tôi chưa gặp được một ai!

Những người xuất gia tôi được gặp lúc mất đều điên đảo, mê hoặc; trái lại, chính tôi đã gặp mấy vị cư sĩ tại gia lúc mất sáng suốt, tỉnh táo, không điên đảo. Bởi thế, câu nói "*bất năng đắc lực, toàn nhiên vô dụng*" (chẳng làm được gì, hoàn toàn vô dụng) là đúng, không sai chút nào. Câu kế tiếp "*tức ngộ môn thâm viển*" (ngay cả người chứng ngộ sâu xa) nhằm chỉ những người thực sự chân tu, là người xuất gia tốt lành trong nhà Thiền; "*tháo lý tiềm xác chi nhân*" (người tu tập tiềm dưỡng đích xác) là những người trì giới rất thanh tịnh, rất nghiêm nhặt, nghiêm trì giới luật. Mấy câu tiếp đó của đại sư rất quan trọng: Nếu anh vẫn còn một điểm tập khí chưa đoạn hết, tập khí gì vậy? Tập khí tham - sân - si - mạn còn chưa đoạn hết, chỉ e rằng đến lúc lâm chung, tập khí đó sẽ hiện tiền, vẫn phải theo nghiệp lực đọa lạc. "*Vị miễn tùy cường*" (khó tránh khỏi thuận theo nghiệp lực nào mạnh mẽ), nghiệp lực mạnh, đạo lực mỏng yếu; nói cách khác, "*cường giả tiên khiên*" (nghiệp nào mạnh lôi trước), vẫn phải lưu chuyển theo nghiệp lực, rất đáng sợ! Không đùa đâu, quan hệ đến tiền đồ đấy!

Bởi lẽ, đối với những người thực sự tu hành, tập khí lớn nhất là ngạo mạn, cho là "ta tu hành, các người không tu, các người thua ta". Kiêu căng, ngạo mạn, không để ai vào mắt, thường phê bình người không tu hành, không trì giới. Đây chính là tập khí hiện tiền, chẳng phải người thực sự tu hành. Vì sao kẻ đó không phải là người thực sự tu hành? Lục Tổ đại sư đã nói rồi: "*Nhược chân tu đạo nhân, bất kiến thế gian quá*" (Nếu người thật tu hành, không thấy lỗi thế gian). Kẻ nào suốt ngày từ sáng đến tối thấy lỗi

của người khác thì kẻ đó chính là người đọa đày Ngẫu Ích nói đến ở đây.
A! Nay đã đến giờ rồi!

*

Chư vị đồng học!

Xin tiếp tục xem tiểu đoạn thứ tư:

"*Vĩnh Minh sở vị: 'Thập nhân cứu tha lộ, ẩm cảnh hốt hiện tiền, miết nhĩ tùy tha khứ', thử thành khả hàn tâm dã*" (Ngài Vĩnh Minh nói: 'Mười người chín lạc đường, ẩm cảnh chợt hiện tiền, chớp mắt đi theo nó', đúng là lời nói lạnh buốt cõi lòng). Vĩnh Minh Diên Thọ đại sư là người thời Nam Bắc Triều, theo sử truyện ghi chép, Ngài là A Di Đà Phật hóa thân tái lai, cũng nhằm biểu diễn cho chúng ta thấy. Trong thời ấy, Thiền phong rất thịnh, bởi thế, lão nhân gia thị hiện trước hết học Thiền, đại triệt đại ngộ nơi Thiền. Thị hiện đại triệt đại ngộ xong, quay về Tịnh Độ, tu Tịnh. Vì thế, vào thời đó, lão nhân gia đề xướng Thiền Tịnh song tu, quý vị phải hiểu: Đó là nhằm khế hợp căn cơ của người thời ấy. Vì thế, Ngài có bài Tứ Liệu Giản dạy chúng ta phân biệt pháp nào thù thắng, ba câu trên đây trích từ bài thứ nhất. Câu đầu tiên là "*hữu Thiền, vô Tịnh Độ*" (có Thiền, không Tịnh Độ), mười người tu hành chín người đi lầm đường, vì sao?

Lúc lâm chung, "*ẩm cảnh hiện tiền*", tức lúc sắp mất, nếu Thiền không đặc lực, nói trắng ra phải Thiền làm sao mới đặc lực? Phải đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh mới là đặc lực. Không đạt đến triệt ngộ tức là chưa thể phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân thì vẫn phải theo nghiệp lực luân hồi. Đây cũng có nghĩa là quý vị tu Thiền đắc Thiền Định, nhưng chưa khai ngộ, đắc Thiền Định rất chẳng dễ dàng! Tùy theo công phu Thiền Định của quý vị sâu hay cạn, quý vị sẽ thọ sanh nơi đâu? Sanh vào Tứ Thiên Thiên. Nếu công phu càng sâu sẽ sanh lên Tứ Không Thiên, nhưng không thoát khỏi luân hồi trong lục đạo, vẫn là lưu chuyển theo nghiệp lực! Quý vị sanh về Tứ Thiên Tứ Không Thiên, khi thọ mạng hết lại bị đọa lạc xuống [những cõi thấp hơn], chuyện như vậy rất nhiều.

Đương thời, Thiền phong thịnh hành, Vĩnh Minh đại sư cũng không có cách nào khuyên dạy người ta bỏ Thiền tu Tịnh, [dạy như vậy] họ chẳng thể tiếp nhận. Bởi thế, Ngài dạy họ "*có Thiền, có Tịnh Độ*", tức là tu Thiền kiêm tu Tịnh Độ; thật là khổ tâm! Công phu Thiền không đặc lực sẽ nhờ Tịnh mà đắc độ. Chúng ta nghe những lời ấy của đại sư, ngàn vạn phần chớ có Thiền Tịnh song tu, nếu không là lầm! Quý vị phải hiểu dụng ý Thiền Tịnh song tu của Ngài: Đối với những kẻ chẳng chịu bỏ tu Thiền, chẳng chịu quay đầu, Thiền Tịnh song tu nhằm dạy những kẻ ấy, không phải dành cho người chuyên tu Tịnh Độ. Chuyên tu Tịnh Độ thù thắng lắm, "*vô Thiền, hữu Tịnh Độ, vạn tu, vạn nhân khứ*" (không Thiền, có Tịnh Độ, vạn người tu vạn

người về). Bởi thế, xem văn tự của cổ nhân phải hiểu: Ngài nói những lời ấy, viết lách như thế ấy là dành cho hạng người nào; dụng ý ở đâu? Nhất định phải hiểu cho rõ ràng, minh bạch thì chúng ta mới hòng thọ dụng. Nếu quý vị nhìn lầm, nghe lầm, đừng trách móc Ngài, Ngài đâu có lầm, lỗi tại chính mình mà!

Huống chi trong kinh Đại Tập, đức Thế Tôn đã dạy chúng ta một nguyên tắc chung: "*Trong thời kỳ Chánh Pháp, Giới Luật thành tựu. Thời kỳ Tượng Pháp, Thiền Định thành tựu. Thời kỳ Mạt Pháp, Tịnh Độ thành tựu*". Nay chúng ta sanh nhằm thời Mạt Pháp, chiếu theo ghi chép của cổ nhân Trung Quốc, gần đây Ấn Quang đại sư và lão hòa thượng Hư Vân đều chiếu theo những tài liệu của Trung Quốc cổ đại [để tính toán thì] Thích Ca Mâu Ni Phật nhập diệt đến nay đã hơn ba ngàn hai mươi năm. Nói cách khác, Chánh Pháp một ngàn năm, Tượng Pháp một ngàn năm, Mạt Pháp đã trải qua một ngàn năm rồi, nay đang mở đầu một ngàn năm thứ hai của thời Mạt Pháp. Mạt Pháp là một vạn năm; nói cách khác, thời Mạt Pháp hãy còn chín ngàn năm nữa. Rất nhiều người nói đến ngày Tận Thế, nhưng Phật pháp không nói đến ngày đó, Phật pháp chỉ nói đến Mạt Pháp. Mạt Pháp là pháp vận theo thông lệ có lên, có xuống, có lúc cao trào, có lúc thoái trào, dẫu vào lúc cao trào vẫn khó thể sánh bằng Chánh Pháp và Tượng Pháp; nhưng vắng sanh Tịnh Độ lại thù thắng, thực sự vượt cả những lúc cao trào trong thời Chánh Pháp, Tượng Pháp thì chỉ có mình pháp môn này. Pháp môn này thù thắng khôn sánh. Kinh sách chẳng thể nghĩ bàn nhất trong số những kinh sách Vãng Sanh chính là sách Di Đà Kinh Yếu Giải. Câu nói của Vĩnh Minh đại sư là lời cảm thán hết sức, các đồng học học Phật chớ nên coi thường pháp môn Tịnh Độ này.

Lại xem tiếp đoạn kể đó [trong sách Yếu Giải]: "*Tu hành duy hữu niệm Phật tối vi ổn đáng, tự hữu tín nguyện trì danh tịnh nghiệp chi lực. Hựu trượng Di Đà từ bi nguyện lực, sở dụng chi công, quyết định bất hư, Phật cập thánh chúng, hiện tiền úy đạo, cố đắc vô điên đảo, tự tại vãng sanh dã*" (Tu hành chỉ có niệm Phật là ổn thỏa, thích đáng nhất, tự có sức tịnh nghiệp tín nguyện trì danh, lại còn nhờ vào từ bi nguyện lực của A Di Đà Phật nên sự dụng công ấy quyết chẳng hư luống, Phật và thánh chúng hiện trước mặt vô về, chỉ dạy, nên được không điên đảo, tự tại vãng sanh). Mấy câu này đều là lời thật, câu nào cũng đều là chân tướng sự thật. Nhất định phải hiểu ý nghĩa hai chữ "*tu hành*" cho thật rõ ràng, quyết chớ hàm hồ! "*Hành*" là hành vi; hành vi rất nhiều, đức Thế Tôn quy nạp thành ba loại lớn: Ngôn ngữ nơi miệng, tức hành vi khẩu nghiệp; tạo tác nơi thân, tức hành vi thân nghiệp; ý niệm khởi lên, diệt mất, đó là hành vi nơi ý nghiệp. Hành vi dẫu nhiều, nói chung không ngoài ba loại trên. Vì sao? Chúng được gây tạo bởi thân - ngữ - ý! Hành vi là tạo tác, nhưng trong tạo tác có thiện, có ác; vì

thế, đức Phật dạy hàng sơ học chúng ta phải đoạn hành vi ác, phải học hành vi thiện, tức đoạn ác tu thiện. Đức Phật dạy kẻ sơ học như vậy.

Tu học nhất định có thành tựu thì đức Phật lại nâng tu hành lên một mức nữa: Thiện và ác đều là nhiệm, đều là nhiệm trước. Vì thế, đức Phật nhất định lại dạy chúng ta phải đoạn nhiệm, phải tu thanh tịnh, nâng cao cảnh giới! Xa lìa hết thảy nhiệm ô, nhiệm ô là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Đoạn ác nhưng không chấp tướng đoạn ác, tu thiện không chấp tướng tu thiện, vĩnh viễn giữ gìn thân tâm thanh tịnh, bình đẳng, đó chính là tịnh nghiệp! Thân tâm thanh tịnh, niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, thừa cùng quý vị, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới phẩm vị khác biệt: Người đoạn ác tu thiện niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ thì sanh vào cõi Phạm Thánh Đồng Cư. Vừa đoạn ác tu thiện lại vừa không chấp tướng thì hạng người như vậy thân tâm thanh tịnh, vãng sanh vào cõi Phương Tiện Hữu Dư hay sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm, phẩm vị cao lắm!

Chúng ta tu Tịnh Độ không ít năm thì đương nhiên phải nâng cao cảnh giới thêm lên. Vì thế, trong mấy năm qua, chúng tôi đặc biệt nhấn mạnh vấn đề "*thuần tịnh, thuần thiện*", vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm, chứ không phải cõi Phương Tiện Hữu Dư, chúng ta phải nỗ lực, tinh tấn không lười nhác nơi chuyện này. Vì thế, đại sư dạy chúng ta: "*Tu hành duy hữu niệm Phật tối vi ổn đáng*" (Tu hành chỉ có Niệm Phật là ổn thỏa, thích đáng nhất). Tu tịnh nghiệp như thế nào? Dùng phương pháp Niệm Phật. Ý niệm vừa mới khởi lên bèn biến thành "A Di Đà Phật", bất kể là thiện niệm hay ác niệm, niệm vừa khởi lên bèn quy nạp vào A Di Đà Phật, A Di Đà Phật là thuần tịnh, thuần thiện, đây là [cách tu] ổn thỏa, thích đáng, đơn giản, dễ dàng, nhanh chóng, thành tựu cao nhất!

Ở phần trên, tôi đã trình bày cùng quý vị căn cứ lý luận của việc Niệm Phật rồi. Trong kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, đức Thế Tôn đã nói: "*Thị tâm thị Phật, thị tâm tác Phật*" (Tâm này là Phật, tâm này làm Phật), đó chính là căn cứ lý luận của Niệm Phật. Chân tâm bốn tánh của hết thảy chúng sanh và mười phương hết thảy chư Phật Như Lai không hai, không khác, cùng một chân tâm, cùng một bốn tánh. Chân tâm bốn tánh là thuần thiện, thuần tịnh, trọn chẳng có mảy may bất thiện xen tạp, quyết định không có mảy may bất tịnh xen tạp, thuần thiện, thuần tịnh. Do vậy, quý vị vốn sẵn là Phật, đó là "*tâm này là Phật*". Kinh Hoa Nghiêm và kinh Viên Giác nói "*nhất thiết chúng sanh bốn lai thành Phật*" (hết thảy chúng sanh vốn đã thành Phật), tức là nhìn từ góc độ này mà nói. Nay chúng ta tuy mê, nhưng mê cũng không sao, mê thì sao? Chân tâm bốn tánh chúng ta không biến đổi mảy may. Kinh Đại Thừa giảng rất nhiều về chân tâm bốn tánh: không sanh diệt, không đến đi, không một, không khác, nên bảo là "*không sanh,*

không diệt, không đến, không đi, không một, không khác, không phải có, chẳng phải không". Đó là đặc tánh của nó, nhưng trong đặc tánh ấy vẫn trọn đủ linh minh giác tri.

Trong hội Lăng Nghiêm, đức Thế Tôn đã giảng cho chúng ta biết: Bản tánh đầy đủ "kiến văn giác tri"! Hư không, pháp giới, cõi nước và chúng sanh là "*duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*". Kể cả hư không, pháp giới, hết thảy chúng sanh; những thứ ấy do đâu mà có? Do tâm hiện, thức biến! Bởi vậy, Lý Thể của chúng là tâm tánh, tâm tánh đầy đủ linh tri. Do đây biết rằng: Hư không, thế giới, hết thảy vạn vật đều có linh tri; nói cách khác, đều có kiến văn giác tri, cũng có nghĩa là chúng có thể thấy, có thể nghe, có thể cảm nhận, có thể biết. Chẳng phải chỉ động vật mới có khả năng ấy, mà thực vật cũng có, khoáng vật cũng có, hư không cũng có, chẳng thể nghĩ bàn!

Trong những năm vừa qua, tiến sĩ Giang Bốn Thắng dùng phương pháp thực nghiệm khoa học để quan sát, ông ta phát hiện nước có khả năng thấy nghe hay biết. Mở rộng ra, ông ta quan sát rất nhiều loại thực vật, nhận thấy thực vật cũng thấy nghe hay biết. Ngay cả những vật dụng trong cuộc sống thường nhật, thực phẩm cũng thấy, nghe, hay, biết. Cơm, bánh mận, dầu, chuối, táo đều được thí nghiệm, chứng tỏ chúng thực sự thấy, nghe, hay, biết. Thấy - nghe - hay - biết là pháp tánh, do đâu mà có? Pháp như vậy, nghĩa là chúng vốn sẵn là như vậy. Vì thế, nếu quán sát thí nghiệm sâu hơn thì bùn, cát, đá, đất đều thấy nghe hay biết. Đại khái, khó quan sát nhất là hư không, hư không cũng thấy nghe hay biết, không pháp nào chẳng thấy nghe hay biết. Vì thế, đối với những điều được nói trong kinh Đại Thừa quý vị phải tin sâu, chớ ngờ vực, các nhà khoa học phát hiện những điều ấy rồi báo với quý vị, quý vị chẳng cảm thấy lạ lùng chút nào hết, quý vị chỉ cảm thấy: "Chuyện ấy bình thường! Kinh Phật đã nói rồi, các ông chỉ dùng phương pháp khoa học để chứng thực đó thôi, chúng vốn dĩ là như vậy, không lạ lùng chi hết!"

Nếu chúng ta hiểu được đạo lý này thì quý vị mới hiểu Tịnh Độ và Uế Độ là như thế nào, Tịnh và Uế bất nhị! Tâm con người lành thì tất cả hết thảy vạn vật kết tinh đều lành. Tâm con người chẳng lành thì tất cả hết thảy vạn vật đều kết tinh chẳng lành. Kinh Phật chẳng thường nói như thế này hay sao? "*Cảnh tùy tâm chuyển!*" Trong kinh Lăng Nghiêm, đức Phật giảng: "*Nhược năng chuyển vật, tắc đồng Như Lai*" (Nếu có thể chuyển được vật thì giống với Như Lai). Bởi thế, hết thảy vạn vật chuyển biến theo tâm tánh của chúng ta, tâm ta thiện thì không một pháp nào chẳng thiện, toàn là thiện. Tâm ta bất thiện, hết thảy mọi pháp đều bất thiện. Vì sao có uế độ? Vì sao có tai nạn? Vì ý niệm bất thiện, do nghiệp cảm bất thiện chiêu cảm, duyên do là như thế.

Chúng ta muốn chuyển biến thế giới này không khó! Chỉ cần chúng sanh sống trong thế giới này thực sự đoạn ác tu thiện thì tất cả hết thảy thiên tai và nhân họa đều tiêu diệt, không còn nữa. Như vậy thì phải chuyển từ đâu? Chuyển từ tâm địa. Bao nhiêu năm qua thế giới bàn chuyện bảo vệ môi trường, tôi cũng đã nói khá nhiều lần: "Muốn bảo vệ môi trường thì phải bắt đầu từ đâu? Từ tâm địa!" Tâm tịnh thì hoàn cảnh sẽ thanh tịnh; tâm thiện thì hoàn cảnh bèn thiện. Cái tâm, cái ý niệm của chúng ta không thay đổi thì không có cách gì thay đổi được hoàn cảnh, dù có đổi cũng chẳng đạt hiệu quả gì! Đức Phật dạy rất hay: "*Nhất thiết pháp tùng tâm tướng sanh*" (Hết thảy pháp sanh từ tâm tướng). Dạy rõ ràng, minh bạch đến như vậy, cố sao quý vị nghe chẳng hiểu? Vì sao chẳng chịu làm theo? Nói thật ra, chuyện này quan trọng hơn bất cứ gì khác, nhất định chớ nên xem thường!

Vậy thì chúng ta cầu sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, Tây Phương Cực Lạc thế giới do tịnh nghiệp của chính mình thành tựu và cảm thành. Tâm chúng ta không thanh tịnh, hạnh không thanh tịnh, sẽ chẳng thể sanh về Tịnh Độ! Bởi vậy, niệm Phật, niệm một câu danh hiệu là tịnh tâm, tịnh ý, tịnh hạnh. Thân - ngữ - ý đều thanh tịnh thì chuyện sanh về Tịnh Độ sẽ được thành tựu. Nếu miệng niệm Di Đà, trong tâm không thanh tịnh, khởi tâm động niệm đều là tham - sân - si - mạn, vẫn là phiền não tập khí, niệm Phật như thế sẽ chẳng thể vãng sanh. Cổ nhân bảo: "*Khẩu niệm Di Đà tâm tán loạn, hãm phá hầu lung diệc uổng nhiên*" (Miệng niệm Di Đà tâm tán loạn, rách toạc cổ họng uổng công thôi) Vì sao? Thân - ngữ - ý không thanh tịnh, bởi vậy, chẳng thể thành tựu. Quý vị học Phật, học pháp gì cũng không học được. Trong cuộc sống hằng ngày vẫn là tâm tánh bộp chộp, xốc nổi, gặp chuyện không biết xử trí thế nào. Phiền não khởi hiện hành, chứ không phải trí huệ hiện hành, không sanh trí huệ, chỉ sanh phiền não. Học Phật như vậy khó lắm! Học Phật chẳng thể thành tựu, chắc chắn vẫn bị chuyển theo nghiệp lực!

Nếu quý vị hỏi rốt cuộc là do nguyên nhân nào ư? Do thiện căn, phước đức, nhân duyên của mỗi cá nhân khác biệt; từ kinh nghiệm của chính tôi mà nói thì là do nghe kinh quá ít, bởi thế, không giác ngộ, phiền não tập khí vẫn làm chủ y như cũ. Vì vậy, chúng ta phải thường suy nghĩ: Vì lẽ nào Thích Ca Mâu Ni Phật ngày ngày giảng kinh? Bốn mươi chín năm chưa từng gián đoạn một ngày nào. Vì sao phải ngày ngày giảng kinh? Chính là đau lòng rất miệng giúp cho quý vị giác ngộ, giúp quý vị quay đầu. Từ đâu quay đầu? Từ tập khí phiền não mà quay đầu lại, đừng nương theo tập khí phiền não cũ, nên tuân theo lời Phật, Bồ Tát răn dạy. Kinh điển chính là những răn dạy của Phật, Bồ Tát; những gì Phật, Bồ Tát răn dạy chính là tánh đức của chúng ta. Tùy thuận lời Phật, Bồ Tát răn dạy chính là tùy thuận tánh

đức của chính mình. Không tùy thuận tánh đức thì chắc chắn tùy thuận phiền não.

Tánh đức là gì? Tánh đức vốn lành, "*nhân chi sở, tánh bổn thiện*" (con người lúc thoát đầu tánh vốn lành); tánh đức là pháp tánh, tánh đức là Phật tánh. Phật tánh là thuần thiện, thuần tịnh. Đó là thực sự học Phật, học thực sự có ích. Không biết học thì đúng là nói trắng ra, dù chỉ học ngoài da cũng không được. Do đâu mà thấy? Từ khởi tâm động niệm, lời lẽ, hành vi mà thấy: Kẻ ấy vẫn tùy thuận tập khí phiền não, đúng là một phân, một mảy Phật pháp cũng chẳng thọ dụng được! Vì nguyên nhân gì vậy? Kinh Địa Tạng bảo là "*cang cường nan hóa*" (ương ngành, khó giáo hóa), tánh tình quá bướng bỉnh, quá tự phụ! Luôn tự cho mình có lý, rất khó thể tiếp nhận lời Phật, Bồ Tát dạy. Tập khí quá nặng, sửa không được, cứ như vậy thì đương nhiên phải lưu chuyển theo nghiệp.

Vì thế, chính mình phải thường xuyên tự phản tỉnh, thường xuyên kiểm điểm, phải tìm cho ra khuyết điểm của chính mình. Tự mình có năng lực phát hiện cái bệnh của mình, trong Phật pháp gọi là "*khai ngộ*" hay giác ngộ! Khai ngộ rồi mới khởi tu, khởi tu là sau khi khai ngộ bèn sửa đổi những căn bệnh tập khí của chính mình. Đó là thực sự tu hành. Nay chúng ta tu Tịnh Độ, tâm không thanh tịnh, ý niệm không thanh tịnh, hành vi không thanh tịnh, hoàn toàn chẳng tương ứng với Tịnh Độ. Vì thế, phải biết tín nguyện trì danh tu Tịnh nghiệp; tự mình thực sự chịu tu Tịnh nghiệp, Tịnh nghiệp là thiện, là tịnh, biểu hiện ra bên ngoài là thiện, thuần thiện thuần tịnh. Đây là Tự Lực.

Pháp môn Tịnh Độ được gọi là "*nhị lực pháp môn*": Tự Lực và Tha Lực. Tha Lực là A Di Đà Phật, "*hựu trợ Di Đà từ bi nguyện lực*" (lại nương vào nguyện lực từ bi của A Di Đà Phật), đó là Tha Lực. "*Trượng*" (仗) là nhờ cậy, phải làm sao mới hòng nhờ cậy nguyện lực của A Di Đà Phật? Dùng tịnh nghiệp của chúng ta để cảm lấy nguyện lực của A Di Đà Phật. Tịnh nghiệp của chúng ta là Năng Cảm, nguyện lực từ bi của A Di Đà Phật là Năng Ứng, cảm ứng đạo giao! Hết thầy chúng sanh do nghiệp lực cảm lấy Thập Ác; vì thế, phải quán sát kỹ càng, nếu thân - khẩu - ý chẳng lìa Thập Ác thì phiền lắm! Thập Ác cảm được gì? Quả báo khổ sở trong tam đồ! Thập Thiện khiến quý vị cảm được vui sướng và phước báo nơi ba đường lành trong sáu đường; nhưng không thoát khỏi luân hồi lục đạo. Vì thế, tịnh nghiệp quan trọng lắm!

Trong tâm là A Di Đà Phật, miệng niệm A Di Đà Phật, hết thầy tạo tác nơi thân chẳng lìa A Di Đà Phật. Tạo tác nơi thân như thế nào mới gọi là chẳng lìa A Di Đà Phật? Những giáo huấn trong Vô Lượng Thọ Kinh và Quán Kinh được biểu hiện nơi hành vi của chúng ta; đó là không lìa A Di Đà Phật!

A Di Đà Phật dạy chúng ta làm sao, chúng ta cứ làm như thế ấy, dạy ta đừng làm điều gì, chúng ta nhất định không làm! Như vậy là đúng! Niệm niệm cảm ứng đạo giao như thế, chính là "*một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật*", "*sở dụng chi công, quyết định bất hư*" (công phu đã vận dụng quyết chẳng luống uổng). "*Công*" (功) ở đây là công phu, đến lúc lâm chung, lúc thọ mạng sắp chấm dứt, Phật bèn đến. "*Phật cập thánh chúng, hiện tiền ủy đạo*" (đức Phật và thánh chúng hiện trước mặt vô về, chỉ dạy). "*Ủy*" (慰) là an ủi, Phật đến an ủi, Phật đến dẫn dắt, tức là tiếp dẫn quý vị. Bởi thế, quý vị chẳng bị điên đảo, tâm không bị loạn, nhất tâm bất loạn, tâm không điên đảo, tự tại vắng sanh! Tiếp đó là lời đại sư Ngẫu Ích cực lực tán thán pháp môn này:

"*Pháp môn thâm diệu*": "*Thâm*" là Lý sâu, chúng ta không có cách gì hiểu thấu đáo; "*diệu*" là Sự diệu, Tướng diệu, phương pháp xảo diệu, "*phá tận nhất thiết hý luận, trảm tận nhất thiết ý kiến*" (phá sạch hết thảy hý luận, chặt đứt hết thảy ý kiến). Hai câu này là nói thật đấy, Ngẫu Ích đại sư nêu ra những điều khó thể nói được lắm, vì nếu không nhập cảnh giới này, sẽ không thể nói ra những lời ấy, chẳng thể nghĩ bàn! Phá sạch hết thảy hý luận, hý luận là gì? Thưa cùng quý vị, hết thảy những gì chư Phật giảng kinh, thuyết pháp, nếu đem so với pháp môn Niệm Phật chúng đều là hý luận cả, không thể so sánh được! Tám vạn bốn ngàn pháp môn chẳng dễ tu, rất khó học tập, vẫn phải tốn thời gian rất dài; pháp môn này lại quá nhanh chóng, một đời thành tựu. Bởi thế, nó ổn thỏa, thích đáng, đơn giản, dễ dàng, nhanh chóng; thành thử, các pháp môn khác đương nhiên bị coi là hý luận. Chữ "*hý luận*" chỉ Phật pháp, có nghĩa là pháp xuất thế gian; chữ "*ý kiến*" chỉ các pháp thế gian. Như vậy, hai câu này có nghĩa là [pháp môn Tịnh Độ] siêu việt hết thảy pháp thế gian và xuất thế gian, pháp môn thâm diệu quá! Hết thảy pháp thế gian hay xuất thế gian đều chẳng thể sánh bằng!

"*Duy Mã Minh, Long Thọ, Trí Giả, Vĩnh Minh chi lưu, triệt để đảm hà đắc khứ*" (chỉ có những bậc như Mã Minh, Long Thọ, Trí Giả, Vĩnh Minh mới triệt để gánh vác được). Ai mới có thể tin nổi pháp môn này? Ai có thể chết lòng sát đất tu tập pháp môn này? Ngẫu Ích đại sư chỉ nêu tượng trưng vài vị trong số các tổ sư: Mã Minh Bồ Tát và Long Thọ Bồ Tát là người Ấn Độ, nêu tên hai vị trong số các tổ sư cổ Ấn Độ. Lịch đại tổ sư Trung Quốc cũng chỉ nêu hai vị: Trí Giả đại sư và Vĩnh Minh Diên Thọ đại sư. Trí Giả và Vĩnh Minh đều ở tại Chiết Giang, Trí Giả đại sư ở núi Thiên Thai; Vĩnh Minh Diên Thọ đại sư ở Hàng Châu, là tổ thứ sáu của Tịnh Tông. Chỉ có những vị như vậy, các Ngài thực sự chứng được quả vị Bồ Tát, không phải là Bồ Tát tầm thường mà là Pháp Thân Bồ Tát, đều đạt quả vị Pháp Thân Bồ Tát. Thế

nhưng chúng ta phải biết: Trí Giả đại sư là Thích Ca Mâu Ni Phật tái lai, ứng hóa trở lại; Vĩnh Minh Diên Thọ là A Di Đà Phật ứng hóa, cổ Phật tái lai! Các Ngài mới triệt để "*đảm hà đắc khứ*" (gánh vác nổi), gánh vác là tiếp nhận hoàn toàn, không một mảy mòi vực, y giáo phụng hành.

"*Kỳ dư, thể trí biện thông*" (Ngoài ra, những kẻ thể trí biện thông): Ngoài ra là những kẻ có trí huệ thể gian, người rất thông minh, người khéo ăn nói nhất. Tiếp đó, Tổ nêu mấy thí dụ: "*Thông Nho, Thiên khách*", các vị thông đạt kinh luận của bách gia chư tử thì gọi là "*thông Nho*", chúng ta thường gọi là bậc "*đại Nho*". "*Thiên khách*" là tổ sư đại đức trong Tông môn. "*Tận tư lượng độ, dữ thôi dữ viễn*" (Tận sức suy lường, càng suy lường, càng cách xa): Nếu những người ấy suy lường, nghiên cứu, thảo luận những kinh sách Tịnh Độ thì càng nghiên cứu chẳng những không thể hiểu nổi sự thâm diệu của pháp môn này mà ngược lại còn lạc xa hơn nữa. Vì sao? Pháp môn này là pháp môn chẳng thể nghĩ bàn, tuyệt đối chẳng thể dùng tư tưởng, suy tư, khảo sát, nghiên cứu để thấu hiểu được, tuyệt đối chẳng thể bàn luận suông để hiểu rõ được. Vì sao? Vì đó là cảnh giới Phật, cảnh giới thuộc về quả địa Như Lai. Đức Phật nói rất rõ, "*duy Phật dữ Phật phương năng cứu cánh*" (chỉ có mình Phật với Phật mới hiểu được rốt ráo"). Đối với pháp môn này, có thể dùng tỷ dụ để nói về Đẳng Giác Bồ Tát như sau: "*Do như cách la vọng nguyệt*" (giống như ngắm trăng qua một lớp the). Đẳng Giác Bồ Tát còn như thế, huống chi là phàm phu!

Từ ngữ "*thông Nho, Thiên khách*" chỉ những kẻ chưa kiến tánh. Dẫu có kiến tánh thì kiến tánh có phẩm vị bất đồng, trong minh tâm kiến tánh có đến bốn mươi một địa vị, gọi chung là Tam Hiền Thập Thánh. Đã chứng Thập Thánh thì không có vấn đề gì, chứ còn thuộc trong Tam Hiền thì vẫn chưa được. Vì sao Thập Thánh không có vấn đề gì? Đọc kinh Hoa Nghiêm, chúng ta thấy Địa Thượng Bồ Tát từ Sơ Địa đến địa vị thứ mười một (Đẳng Giác Bồ Tát) "*thủy chung chẳng rời niệm Phật*". Khai thủy (mở đầu) của Địa Thượng Bồ Tát là Sơ Địa, chung cục là Đẳng Giác Bồ Tát, mười một địa vị như thế từ đầu đến cuối tức là từ Sơ Địa đến Đẳng Giác, các Ngài đều niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ; bởi thế, các vị thuộc các địa vị này không có vấn đề gì. Mã Minh, Long Thọ đều là Địa Thượng Bồ Tát. Người minh tâm kiến tánh nếu thuộc địa vị Tam Hiền thì không thấy người ấy niệm Phật; nhưng nếu [vị nào] đăng địa (đã chứng từ Sơ Địa trở lên), nhất định [vị đó] niệm Phật. Vì thế, kinh Đại Thừa thường nói: "*Thập Địa Bồ Tát thủy chung bất ly niệm Phật*" (Hàng Thập Địa Bồ Tát từ đầu đến cuối chẳng rời niệm Phật). Pháp môn chẳng thể nghĩ bàn!

"*Hựu bất nhược ngu phu ngu phụ lão thật niệm Phật giả, vi năng tiệm thông Phật trí, ám hợp diệu đạo dã*" (Lại chẳng bằng kẻ ngu phu ngu phụ chắc thật niệm Phật, có thể ngầm thông với Phật trí, thầm hợp diệu đạo).

Thật vậy! Chúng ta không bằng những ông bà già cả nhà quê, chúng ta thua xa họ! Dẫu họ chuyện gì cũng không biết, cũng chẳng nghĩ ngợi, hiểu biết gì, dạy họ thật thà niệm Phật, họ bèn thật thà niệm Phật; dạy họ đoạn ác tu thiện, họ bèn thật thà chất phác đoạn ác tu thiện, thực sự thành công. Cách tu hành như vậy "*tiềm thông Phật trí, ám hợp diệu đạo*" (ngầm thông với Phật trí, thâm hợp diệu đạo). Dẫu chưa học qua, nhưng tâm hạnh họ lại rất ngầm khế hợp với pháp môn thâm diệu này; vì thế, họ có thể thành tựu. Họ thành tựu phẩm vị cao hay thấp cũng chẳng thể nghĩ bàn, chúng ta không có cách gì suy lường được hết. Những người như vậy chẳng tầm thường đâu nhé, thiện căn trong đời quá khứ rất sâu dày!

Cuối cùng là lời tổng kết: "*Ngã kiến thị lợi, cố thuyết thử ngôn*" (ta thấy điều lợi ấy, nên nói lời này). "*Ta*" ở đây là Thích Ca Mâu Ni Phật tự xưng, Thích Ca Mâu Ni Phật trông thấy sự lợi ích đó, vì thế Ngài nói ra. Ngẫu Ích đại sư nói: "*Phân minh dĩ Phật nhãn, Phật âm, ấn định thử sự, khởi cảm vi kháng, bất thiện thuận nhập dã tai?*" (Phân minh dùng mắt Phật, tiếng Phật để ấn định việc này, há dám chống báng, chẳng ngoan ngoãn theo vào ư?) Nếu quý vị thực sự là đệ tử của Phật, quý vị phải hiểu ý nghĩa sâu xa của câu kinh văn này, vì sao? Điều do chính mắt đức Phật thấy, do chính miệng đức Phật nói, tức là đức Phật đã khẳng định dứt khoát chuyện A Di Đà Phật đến tiếp dẫn vãng sanh rồi. Nếu chúng ta trái nghịch, chẳng tuân thủ lời Phật dạy, tức là chúng ta chẳng thuận theo ý Phật, chẳng chấp thuận Phật dạy rồi thì chẳng phải là đồ đệ của Phật. Đồ đệ của Phật há chẳng vâng lời, làm theo lời thầy dạy ư? Tùy thuận Phật, Bồ Tát dạy dỗ, chắc chắn thành tựu. Không tùy thuận là không có cách chi hết, phải luân hồi dài lâu. Chúng tôi giảng đoạn lớn này đến đây thôi.

Tập 29

6.4. Lưu Thông Phần

6.4.1. Chư Phật khuyến tấn lưu thông

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp đơn vị thứ sáu: "*Chư Phật khuyến tấn lưu thông*". Đoạn kinh văn này quý vị hay quen gọi là Sáu Phương Chư Phật Tán Thán. Trước hết, chúng tôi đọc một đoạn kinh văn:

Xá Lợi Phất! Như ngã kim giả tán thán A Di Đà Phật bất khả tư nghị công đức chi lợi. Đông phương diệc hữu A Súc Bệ Phật, Tu Di Tướng Phật, Đại Tu Di Phật, Tu Di Quang Phật, Diệu Âm Phật, như thị đẳng Hằng hà sa số chư Phật, các ư kỳ quốc, xuất quảng trường

thiệt tướng biến phú tam thiên đại thiên thế giới, thuyết thành thực ngôn: 'Nhữ đẳng chúng sanh đương tín thị Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm kinh.

舍利弗。如我今者。讚歎阿彌陀佛。不可思議功德之利。東方亦有阿閼鞞佛。須彌相佛。大須彌佛。須彌光佛。妙音佛。如是等恆河沙數諸佛。各於其國。出廣長舌相。遍覆三千大千世界。說誠實言。汝等眾生。當信是稱讚不可思議功德一切諸佛所護念經。

(*Này Xá Lợi Phất! Như nay ta tán thán lợi ích công đức chẳng thể nghĩ bàn của A Di Đà Phật, phương Đông cũng có A Súc Bệ Phật, Tu Di Tướng Phật, Đại Tu Di Phật, Tu Di Quang Phật, Diệu Âm Phật. Hằng hà sa số chư Phật như thế đó, mỗi vị ở trong nước mình, hiện tướng lưỡi rộng dài, che khắp tam thiên đại thiên thế giới, nói lời thành thực: "Chúng sanh các người nên tin kinh Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm này").*

Đến đây là một đoạn. Chúng tôi chia đoạn thành năm đoạn nhỏ để giới thiệu. Đoạn thứ nhất là "*thứ kinh dĩ Thật Tướng vi Thể, thị Thế Tôn triệt để bi tâm, vô vấn tự thuyết, thù kham nhiệm lưu thông chi trách*" (kinh này lấy Thật Tướng làm Thể, do tâm bi triệt để nên đức Thế Tôn không ai hỏi mà tự nói, ai là người có thể gánh vác trách nhiệm lưu thông). Trước hết, chúng tôi giới thiệu đại lược ý tưởng này. Bộ kinh A Di Đà này kích thước không lớn, phàm là kinh Đại Thừa đều lấy Thật Tướng làm Thể. Thật Tướng là gì? Nhìn từ mặt chữ, "*chân tướng sự thật*" được gọi là Thật Tướng. Chân tướng sự thật chính là Chân Như Bản Tính, là Lý Thể của Pháp Thân và [chủ thể] có thể hiện, có thể biến, [cũng như tất cả các pháp] được hiện, được biến, đó là chân tướng sự thật! Những gì đức Thế Tôn dạy chúng ta không ngoài những điều như vậy.

Pháp hội này do bi tâm triệt để của Thích Ca Mâu Ni Phật mà có, cũng có thể nói là từ tâm đại từ đại bi viên mãn rất rạo, không ai thưa hỏi, từ đầu đến cuối chỉ mình đức Thế Tôn tự nói; vì thế, tựa đề kinh ghi là "*Phật Thuyết*". Kinh điển như vậy ai mới là người có năng lực, hay như ta thường nói là "có đủ tư cách" đảm nhiệm lưu thông? Quả thật, kinh này khác hẳn với mọi kinh đức Phật đã nói trong bốn mươi chín năm. Ngay cả kinh Hoa Nghiêm cũng có người khái thỉnh; tuy vậy, khái thỉnh trong kinh Hoa Nghiêm không phải là nói ra mà là trong tâm có nghi vấn nhưng không nói ra, đức Phật biết ngay, còn kinh này không ai nghĩ đến, không ai có thể nêu được câu hỏi. Đức Phật thấy duyên phận của đại chúng chín muồi, bèn vì chúng ta nói ra pháp môn thù thắng khôn sánh, là pháp hết thảy chúng sanh khó tin. Vì sao gọi là "duyên chín muồi"? Đức Phật nói ra chắc chắn có

người tin tưởng, có người có thể thấu hiểu, có người chịu y giáo phụng hành, đó là “duyên chín muồi”. Đức Phật chẳng đợi ai hỏi, gấp gáp nói ra; vì thế, kinh này mới là lòng “độ sanh thành Phật” (hóa độ cho chúng sanh thành tựu Phật quả) triệt để, viên mãn rất ráo vậy!

Ở đây, Ngẫu Ích đại sư vì chúng ta nêu lên câu hỏi: Ai là người có năng lực, có tư cách lưu thông? Lão nhân gia nói rất hay. Kinh chia thành ba phần, Ngài phán định từ đây trở đi thuộc phần Lưu Thông. Từ trước đến nay khi tổ sư đại đức giảng kinh A Di Đà, chưa vị nào coi phần này là Lưu Thông, đều cho đoạn này thuộc về phần Chánh Tông; riêng mình Ngẫu Ích đại sư huệ nhãn trọn đủ, phán định từ đây trở đi là phần Lưu Thông, “*chư Phật khuyến tín lưu thông*”. Trong phần Lưu Thông, Ngài cũng chia thành ba khoa (ba tiểu đoạn): Khuyến tín, khuyến nguyện, khuyến hành. Trong ba phần, Tự Phần cũng là Tín - Nguyện - Hạnh, phần Chánh Tông cũng là Tín - Nguyện - Hạnh, trong phần Lưu Thông cũng là Tín - Nguyện - Hạnh, dùng ba tư lương quán triệt cả ba phần. Ai có thể khuyến tín (khuyên nên tin tưởng)? Chư Phật Như Lai!

Dưới đây là phần lược giải ý nghĩa của chữ Lưu Thông, [sách Yếu Giải viết]: “*Lưu giả, lưu truyền vạn cổ, thông giả, thông đạt thập phương*” (Lưu là lưu truyền muôn đời, Thông là thông đạt mười phương). Giáo huấn của thánh hiền nếu không có ai lưu truyền sẽ chẳng thể lợi ích hết thảy chúng sanh. Con người hiện thời không gọi là “lưu thông” mà gọi là “tuyên truyền, tuyên đạo^{2[2]}”, đều mang ý nghĩa lưu thông. Cổ Trung Hoa gọi là “truyền thừa”, đều thuộc về ý nghĩa lưu thông. Đời đời có truyền nhân thực hiện công tác hoằng truyền, xiển dương chánh pháp. Bộ kinh này là pháp khó tin, ngoại trừ Phật ra, ai là người có thể đảm nhiệm tốt đẹp hơn? Bởi thế, “*duy Phật dữ Phật, nãi năng cứu cánh chư pháp Thật Tướng, kham cộng lưu thông*” (chỉ có Phật với Phật mới có thể rất ráo Thật Tướng các pháp, mới có thể cùng nhau lưu thông). Chỉ có Như Lai Quả Địa, tức là thành Phật, mới có thể triệt để rất ráo chứng đắc Thật Tướng của các pháp; vì thế, đối với pháp môn khó tin này, chư Phật không hoài nghi, các Ngài lưu thông bằng cách nào? Vì hết thảy chúng sanh giảng kinh điển này, đó là lưu thông.

Từ câu này chúng ta phải hiểu: Tuyệt đối không phải Ngẫu Ích đại sư tự chế ra câu nói ấy mà Ngài có kinh điển để làm căn cứ. Quý vị thấy trong cả đoạn kinh văn dài như vậy, sáu phương Phật thật ra là mười phương, bản dịch kinh A Di Đà của ngài Huyền Trang ghi mười phương, La Thập đại sư dịch ý, tinh lược. Người Hoa thích đơn giản, không thích rườm rà, bởi thế, [ngài La Thập] tinh lược mười phương thành sáu phương: Đông, Nam, Tây, Bắc, trên, dưới; còn thì tinh lược Đông Nam, Tây Nam, Tây Bắc, Đông Bắc.

2[2] Tuyên đạo (宣導): Tuyên nói, chỉ dạy, hướng dẫn.

Mười phương tam thế hết thầy chư Phật, không vị Phật nào chẳng giảng pháp môn này. Nói cách khác, khi Phật ứng hóa trong thế gian thì vô lượng vô biên pháp môn chưa chắc đã giảng, mà phải giảng những kinh nào?

Kinh Phật được gọi là Khế Kinh, nguyên tắc giảng kinh nhất định phải là khế hợp căn tánh của chúng sanh, khế hợp lòng chúng sanh ưa thích, khế hợp trình độ của chúng sanh, khế hợp thói quen **sinh** sống hiện tại của chúng sanh, bởi thế, gọi là Khế Kinh. Nếu không thích hợp trình độ hoặc có chỗ nào không thích hợp, đức Phật sẽ không giảng. Giống như thầy dạy trò, thầy thực sự học vấn đầy ắp bụng, mời thầy dạy học trò tiểu học: “Được! Tôi cũng hoan hỷ dạy các bạn nhỏ”. Dạy các em nhỏ có phương pháp dạy trò nhỏ, dạy sao cho chúng hiểu được, tiếp nhận được, vui thích làm theo, phải có phương pháp dạy riêng. Dạy thanh thiếu niên, tuổi tác lớn rồi, mười mấy tuổi, hai mươi tuổi, người như thế nào có phương pháp dạy học dành cho giai đoạn ấy. Vì sao? Sức hiểu biết cao hơn; còn tuổi nhi đồng có sức ghi nhớ mạnh mẽ. Căn tánh như vậy đó, phải thích hợp căn tánh!

Vì thế, quan trọng nhất khi dạy tiểu học là phải làm cho trẻ nhớ kỹ những đạo lý và giáo huấn của thánh hiền trong giai đoạn đó, đọc nhiều, thuộc kỹ, không cần phải giảng giải. Thầy nêu gương, làm gương có tác dụng rất lớn, tác dụng như thế nào? Khiến cho học trò khởi lòng tin đối với thầy, hết sức quan trọng đấy nhé! Học sinh không hoài nghi thầy. Dạy học như vậy là dạy trong giai đoạn đầu tiên, gia trưởng (phụ huynh học sinh) và thầy hợp tác mật thiết khiến cho học sinh ghi vào lòng, in vào mắt, nhớ kỹ trong tâm. Nói trắng ra, đó cũng là diễn tuồng, thầy và cha mẹ cùng diễn cho học trò xem tuồng.

Lúc tôi lên sáu bảy tuổi đi học trường tư, tôi đã kể cùng quý vị rồi đó. Cha tôi mang lễ vật đến biếu thầy, xin cho tôi theo học. Vào trường (trường này là trường tư đặt trong từ đường của một người nọ), trước hết, đối trước bài vị của Khổng lão phu tử (lúc ấy chưa có tranh vẽ, chỉ có bài vị của Khổng lão phu tử), hành lễ theo cách cung kính nhất là quỳ lạy ba lần, dập đầu chín cái. Cha tôi lễ đằng trước, tôi ở đằng sau lễ theo, quỳ lạy ba lần, dập đầu chín cái. Lễ Khổng lão phu tử xong, thỉnh thầy ngồi lên cao, hành đại lễ quỳ ba lần, dập đầu chín cái đối với thầy, hết sức kính lễ. Thầy tuổi chưa cao, xem chừng còn kém tuổi cha tôi, cha tôi hướng về thầy lễ ba lần, dập đầu chín cái, tôi ở đằng sau làm theo. Vì sao vậy? Để in vào mắt, ghi vào lòng kẻ làm học trò, cha tôn kính đối với thầy như thế đó, bọn ta không được hoài nghi. Lời thầy giống hệt như thánh chỉ, không ngờ vực chi, đương nhiên không phản đối, thầy dạy làm sao, học theo làm vậy. Phụ huynh cung kính thầy như thế ấy, thầy không tích cực dạy học trò làm sao xứng với phụ huynh? Làm sao dám nhìn mặt học trò? Có cảm giác trách nhiệm mà!

Không như nhà trường bây giờ, nhà trường hiện thời không còn quy cách như vậy nữa.

Nay toàn bộ xã hội hướng theo thương nghiệp hóa. Thầy dạy học để làm gì? Vì tiền lương, được trả lương giờ, vì như vậy đó! Học sinh đi học để làm gì? Để kiếm văn bằng. Đạo nghĩa thầy trò không còn nữa, tình bè bạn giữa đồng học cũng không còn, không thể sánh bằng khi xưa được. Trước kia, mỗi quan hệ thầy trò đúng là "*nhất nhật vi sư, chung sanh vi phụ*" (một ngày là thầy, suốt đời là cha), thầy trò như cha con, đồng học không khác gì anh chị em ruột. Nay loại tình cảm ấy đã biến mất, quan hệ giữa người với người hiện tại là mối quan hệ lợi - hại, chứ đạo nghĩa và tình bạn không còn nữa. Nhân gian bi thương không gì hơn được nữa!

Vì thế, kinh văn này cần phải có người thực sự hiểu thấu, thông đạt, không ngờ vực để lưu thông. Chư Phật lưu thông, chư Phật đều tán dương, không vị Phật nào chẳng hoan hỷ, không tán thán. Chúng ta đọc kinh Vô Lượng Thọ thấy Thích Ca Mâu Ni Phật tán thán A Di Đà Phật, chính là thay mặt mười phương ba đời hết thảy chư Phật cùng tán thán A Di Đà Phật, xưng tán Di Đà là "*quang trung cực tôn, Phật trung chi vương*" (quang minh cao quý nhất, vua trong các đức Phật)! Tán thán đến cùng cực. Nếu chúng ta lảng lờ suy nghĩ, sẽ nhận rõ: Hết thảy chư Phật đều tán thán A Di Đà Phật là "*quang trung cực tôn, Phật trung chi vương*"; vậy thì chúng ta học Phật, không học với A Di Đà Phật còn học với ai đây? "*Thập phương tam thế Phật, A Di Đà đệ nhất*" (Mười phương ba đời Phật, A Di Đà Phật bậc nhất). Nay chúng ta phải học với vị thầy bậc nhất, vị thầy bậc nhất ấy do chính Thích Ca Mâu Ni Phật giới thiệu cho chúng ta!

Thích Ca Mâu Ni Phật giống như cha chúng ta, A Di Đà Phật là thầy. Cha đem con đến bái sư, giao con cho thầy; nếu chúng ta không tuân lời thầy dạy thì chính là đại bất hiếu. Thế nhưng có rất nhiều kẻ tình chấp quá sâu, hết sức chấp trước, cứ khẳng khẳng nhất định phải theo Thích Ca Mâu Ni Phật. Họ cũng niệm Phật, nhưng niệm Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, không niệm A Di Đà Phật. Vì sao? Họ chưa từng đọc Phật Thuyết A Di Đà Kinh, hoặc là đọc rồi nhưng không hiểu. Nếu thực sự hiểu, sẽ không như thế, nhất định nghe lời Thích Ca Mâu Ni Phật niệm A Di Đà Phật cầu sanh về Tịnh Độ, Thích Ca Mâu Ni Phật dạy chúng ta như vậy.

"*Thử kinh điển vô thượng viên đốn pháp môn*" (kinh này là pháp môn vô thượng viên đốn), kinh này viên đốn như các kinh Đại Thừa lẫn Nhất Thừa! Hoa Nghiêm là viên đốn, Pháp Hoa là viên đốn, Lăng Nghiêm là viên đốn, Tịnh Độ Tam Kinh ngoài viên đốn còn thêm hai chữ "*vô thượng*"! Không thể nói kinh Hoa Nghiêm là "*vô thượng viên đốn*", vì sao? Phía trên còn có kinh Vô Lượng Thọ, kinh A Di Đà. Vì sao biết vậy? Quý vị thấy kinh Hoa Nghiêm đến cuối cùng là "*mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát*

dẫn về Cực Lạc”, tức là quy về kinh Vô Lượng Thọ, quy về A Di Đà Phật. Vì thế, kinh này được gọi là pháp môn vô thượng viên đốn là như vậy đó.

“*Duy thuyên Phật chi cảnh giới*” (chỉ nói về cảnh giới của chư Phật): Kinh này hoàn toàn nói đến cảnh giới thuộc Quả Địa Như Lai, chẳng phải cảnh giới Bồ Tát! “*Cố viết duy Phật dữ Phật khả dữ lưu thông nhĩ*” (Nên nói chỉ có Phật với Phật mới có thể lưu thông vậy). Chỉ có đức Phật [Thích Ca Mâu Ni] và chư Phật Như Lai mới đủ năng lực, đủ điều kiện để lưu thông bộ kinh này. Từ đây, chúng ta có thể khẳng định hết thảy chư Phật Như Lai giáo hóa chúng sanh đều phải diễn nói kinh này, hết thảy những kinh khác chưa chắc chư Phật đều nói, chỉ riêng mình kinh này, hết thảy chư Phật không vị Phật nào chẳng nói, không vị Phật nào không khuyên người, không khuyên hết thảy chúng sanh niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, Phật Phật đạo đồng mà! Chúng ta phải hiểu rõ ràng, thấu suốt điều này.

Lại xem tiếp phân đoạn thứ hai, Ngẫu Ích đại sư bảo: “*Bất khả tư nghị, lược hữu ngũ ý*” (Chẳng thể nghĩ bàn, nói đại lược có năm ý). Lược nói năm ý nghĩa của chữ “*bất khả tư nghị*” (chẳng thể nghĩ bàn), phải nói đại lược vì nói mãi cũng không hết!

1) Thứ nhất là “*hoành siêu tam giới, bất sĩ đoạn Hoặc*” (vượt thoát tam giới theo chiều ngang, chẳng cần đợi đến lúc đoạn Hoặc). Đó là điều chẳng thể nghĩ bàn! Chúng ta biết: Muốn thoát khỏi tam giới lục đạo, ở phần trên tôi đã nói rồi, phải dần dần nâng cao lên mới hòng vượt thoát, không phải là chuyện dễ dàng! Pháp môn này không cần! Vượt thoát theo chiều ngang, chứ không cần theo chiều dọc, vượt thoát ngay từ nhân đạo (loài người). Thụ xuất (vượt thoát tam giới theo chiều dọc) thì phải đoạn Hoặc. Nếu chẳng đoạn Kiến Tư phiền não, chắc chắn chẳng thể vượt khỏi tam giới lục đạo.

Đoạn Kiến Hoặc, quý vị thoát khỏi tam đồ, nhưng chưa thoát khỏi lục đạo, quý vị vĩnh viễn không đọa tam đồ; tức là trong lục đạo, quý vị vĩnh viễn chẳng đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Đoạn sạch Kiến Tư Hoặc mới thoát khỏi lục đạo luân hồi, vượt thoát cả ba thiện đạo. Phải đoạn được Tư Hoặc! Sau khi vượt thoát lục đạo, sanh trong Tứ Thánh pháp giới: Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, và Phật pháp giới trong mười pháp giới. Trong cảnh giới ấy phải đoạn Trần Sa phiền não, phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân thì mới có thể thoát khỏi Tứ Thánh pháp giới. Vì thế, phải đoạn Hoặc!

Nay trong pháp môn Tịnh Độ không cần đoạn Hoặc mà đơi nghiệp vãng sanh! Dầu không đoạn Hoặc, nhưng cố đại đức nói rất rõ là ta phải chế phục Hoặc nghiệp. “*Hoặc*” là tập khí phiền não. Quý vị phải khuất phục được tập khí phiền não, dầu chưa đoạn Hoặc, nhưng trong cuộc sống thường ngày chẳng để cho chúng phát tác, phải có bản lãnh ấy. Không có

bản lãnh ấy sẽ chẳng thể vãng sanh, chẳng thể vượt ngang tam giới được! Phải có bản lãnh! Bản lãnh gì vậy? Trong kinh Phật dạy: Trì danh niệm Phật, chấp trì danh hiệu! Phải tốn thời gian bao lâu? Không dài lắm đâu! Quý vị thấy "*hoặc một ngày, hoặc hai ngày, hoặc ba ngày, hoặc đến bảy ngày*". Đúng là dễ dàng quá, đơn giản quá! Người ta không tin: Há dễ dàng vậy ư? Đại pháp vô thượng viên đốn mà! Nếu không dễ dàng, đơn giản, ổn thỏa, thích đáng, nhanh chóng như thế, sao là pháp vô thượng viên đốn cho được?

Ai có thể sanh về đó được? Ai tin là sanh về được, ai y giáo phụng hành là sanh về được. Ngẫu Ích đại sư giảng kinh này rất hay: "*Được vãng sanh hay không hoàn toàn cậy vào tín nguyện có hay không?*" Quý vị có thực sự tin tưởng hay không, thực sự muốn ra đi hay không, quý vị có thể hội đủ điều kiện ấy hay không? Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, phẩm vị cao hay thấp là do công phu trì danh sâu hay cạn. Giống như trong thế gian này của chúng ta, lục đạo chúng sanh luân hồi xả thân thọ sanh, sẽ có hai sức mạnh:

a. Một là Dẫn Nghiệp dẫn dắt quý vị thọ sanh trong đường nào; như lần này ta được làm thân người là do Dẫn Nghiệp dẫn ta sanh vào thân người.

b. Trong một đời này, chúng ta gặp gỡ, chúng ta hưởng nhận những nỗi khổ niềm vui. Quả báo khổ hay sướng ấy gọi là Mãn Nghiệp ("*mãn*" là viên mãn). Mãn Nghiệp là quả báo của cả một đời, nhất định phải hứng chịu.

Tây Phương Cực Lạc thế giới cũng có hai điều kiện, cũng có Dẫn Nghiệp tức là Tín Nguyện. Tín Nguyện hướng dẫn chúng ta sanh vào Tây Phương Cực Lạc thế giới. Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, trong thế giới ấy có chín phẩm ba bậc trong bốn cõi, quý vị vãng sanh vào phẩm vị nào giống như Mãn Nghiệp, là do công phu niệm Phật sâu hay cạn. Công phu niệm Phật sâu, phẩm vị cao; công phu niệm Phật nông cạn, phẩm vị thấp kém. Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, phẩm vị bất đồng, thọ dụng khác biệt. Bởi thế, chư vị hãy nghĩ đi: Tợ hồ có Dẫn Nghiệp và cũng có Mãn Nghiệp. Tín - Nguyện - Hạnh: Tín Nguyện dẫn đường, Hạnh là phẩm vị cao hay thấp. Trong Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư đã giảng rất hay! Vì vậy, pháp môn này không cần đoạn Hoặc, một phẩm phiền não chưa đoạn, chỉ cần chế ngự; việc chế ngự phiền não phải được tu tập trong cuộc sống hằng ngày. Tu tập như thế nào? Tôi thường nói: "*Thuận cảnh thiện duyên chẳng khởi tham luyến, không có tâm tham luyến; nghịch cảnh ác duyên không khởi sân khú*". Phải rèn luyện trong cuộc sống thường ngày!

Mấy năm gần đây, tôi đặc biệt nhấn mạnh chuyện thuần thiện, thuần tịnh. Giảng kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo xong rồi, tôi vẫn cứ nói mãi: "*Tâm phải thuần tịnh, chẳng dung một phần bất tịnh xen tạp, hành vi phải thuần thiện, chẳng dung mảy may bất thiện xen tạp!*" Thuần tịnh thuần thiện là

dùng một câu A Di Đà Phật, dùng phương pháp ấy khiến cho chúng ta trong một đời này tu thành thuần tịnh thuần thiện, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới phẩm vị sẽ cao! Đó là cái chúng ta có thể mang theo được, tất cả hết thảy pháp thế gian không một thứ gì có thể mang theo được! Những gì không mang theo được không thềm bận lòng nữa, hết thảy tùy duyên! Những gì mang theo được phải nghiêm túc nỗ lực làm cho được. Tín - Nguyện - Hạnh mang theo được. Đó là bất khả tư nghị thứ nhất.

2) Bất khả tư nghị thứ hai, "*tức Tây Phương hoàn cụ tứ độ, phi do tiệm tấn*" (tức là Tây Phương trọn đủ cả bốn cõi Tịnh Độ theo chiều ngang, chẳng do tiến lên dần dần). Thật chẳng thể nghĩ bàn! Các thế giới phương khác ngoại trừ thế giới Cực Lạc, không có thế giới nào giống như thế giới Cực Lạc, thế giới Cực Lạc đặc biệt quá. Hết thảy các cõi Phật khác đều có bốn cõi, thế giới của Thích Ca Mâu Ni Phật cũng có bốn cõi, nhưng bốn cõi không ở cùng một chỗ, bốn cõi có cao - thấp. Phạm Thánh Đồng Cư Độ thấp nhất, Phương Tiện Hữu Dư Độ cao hơn. Trong thế giới Sa Bà của Thích Ca Mâu Ni Phật, lục đạo là Phạm Thánh Đồng Cư Độ, Tứ Thánh pháp giới là Phương Tiện Hữu Dư Độ, Nhất Chân pháp giới là Thật Báo Trang Nghiêm Độ, là Thường Tịch Quang Độ. Phật Thích Ca có bốn cõi, hết thảy chư Phật đều có bốn cõi, nhưng không bày theo hàng ngang. Tây Phương Cực Lạc thế giới khác hẳn, "*hoàn cụ tứ độ*" (trọn đủ bốn cõi theo chiều ngang). Thế giới ấy có bốn cõi, bốn cõi bình đẳng, bốn cõi cùng ở một chỗ.

"*Phi do tiệm tấn*" (chẳng do tiến dần dần), chẳng giống như chỗ chúng ta, phải đoạn Kiến Tư phiền não rồi mới có thể dự vào Phương Tiện Hữu Dư Độ. Đoạn sạch Trần Sa phiền não, phá một phẩm vô minh, quý vị mới sanh vào Thật Báo Trang Nghiêm Độ. Đó là tu hành tiệm tấn cao dần lên, không thể đạt ngay được. Tây Phương Cực Lạc thế giới là đạt được ngay; bởi vậy, sanh vào cõi Đồng Cư sẽ đồng thời sanh vào Phương Tiện Hữu Dư, sanh vào Thật Báo Trang Nghiêm, sanh vào cõi Tịch Quang; một chính là bốn, bốn nhưng mà một; chẳng thể nghĩ bàn! Chỉ có Tây Phương Cực Lạc thế giới là như thế, bốn cõi ở cùng một chỗ. Các vị Bồ Tát như Quán Âm, Thế Chí, Văn Thù, Phổ Hiền trụ trong Thật Báo Trang Nghiêm độ! Chúng ta vãng sanh, Kiến Tư phiền não chưa đoạn, sanh trong Phạm Thánh Đồng Cư Độ, ngày ngày chúng ta nhiếp niệm ở cùng một chỗ với các vị Quán Âm, Thế Chí, Văn Thù, Phổ Hiền, đúng là pháp khó tin! Ta là phàm phu, sao ở cùng một chỗ với thánh nhân cho được? Lại là đại thánh, chứ không phải tiểu thánh, chẳng phải bậc thánh nhân tầm thường đâu nhé!

3) Điều thứ ba là "*đản trì danh hiệu, bất giả Thiên Quán chư phương tiệm*" (chỉ trì danh hiệu, chẳng nhọc công dùng đến các phương tiện Thiên Quán). Quý vị thấy đó, thuận tiện quá đi! Phương pháp quá đơn giản, quá dễ dàng: Chỉ cần chấp trì danh hiệu, suốt ngày từ sáng đến tối trong mười

hai thời một câu A Di Đà Phật chẳng gián đoạn. Đại Thế Chí Bồ Tát dạy: "*Đồ nhiếp lục căn, tịnh niệm tương kế*" (nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối). Giác Minh Diệu Hạnh Bồ Tát dạy chúng ta "*không hoài nghi, không gián đoạn, không xen tạp*"; không hoài nghi, không xen tạp là tịnh niệm, không gián đoạn là tiếp nối, tịnh niệm tiếp nối vậy! Điều này làm được, ai cũng có thể làm được, chỉ sợ quý vị không chịu làm thì không còn có cách gì hết. Nếu quý vị chịu làm, không một ai chẳng làm được. Đó là sự chẳng thể nghĩ bàn thứ ba, "*đản trì danh hiệu, bất giả Thiên Quán chư phương tiện*" (chỉ trì danh hiệu, chẳng nhọc công dùng đến các phương tiện Thiên Quán). Không cần phải tham cứu, cũng chẳng cần dùng đến các pháp môn khác hỗ trợ, chỉ một câu Phật hiệu niệm đến cùng tột là được rồi.

4) Sự bất khả tư nghị thứ tư "*nhất thất vi kỳ, bất tạ đa kiếp, đa sanh, đa niên nguyệt*" (lấy một thất làm kỳ hạn, không cần mất nhiều kiếp, nhiều đời, nhiều năm tháng). Quý vị thấy đó: Pháp môn này hết sức nhanh chóng như vậy, một thất là bảy ngày; kinh nói từ một ngày đến bảy ngày. Chẳng giống như các pháp môn khác, đức Phật thường dạy phải tu vô lượng kiếp, phải tu ba đại A-tăng-kỳ kiếp, cần thời gian rất dài, nhiều đời, nhiều kiếp, rất nhiều năm tháng! Pháp môn này bảy ngày thành công. Bảy ngày tu thành công là chuyện thực sự có, từ xưa đến nay quả thật đã có ghi chép, bảy ngày thực sự có thể thành công. Nếu nói pháp môn này đúng là bảy ngày bèn vãng sanh thì không những pháp môn này là pháp khó tin mà còn biến thành một pháp môn rất đáng sợ. Vì sao? Bảy ngày bèn phải chết rồi! Ai dám tu pháp môn này nữa! Hết thầy chúng sanh trong lục đạo có kẻ nào không tham sống sợ chết? Nói cách khác, người không sợ chết mới tu được pháp môn này, kẻ tham sống sợ chết sẽ chẳng dám tu.

Không ít đồng học chúng ta thường tham gia đả thất, vẫn có người phát tâm đả tinh tấn Phật thất, rất tốt, hiếm có! Đả trọn bảy ngày, đả trọn một trăm lần bảy ngày vẫn chưa vãng sanh là vì nguyên nhân nào vậy? Làm chưa giống như kinh dạy. Kinh dạy bảy ngày thành công, nay chúng ta niệm hết bảy mươi ngày, bảy trăm ngày vẫn chưa thành công là vì nguyên nhân gì? Là vì chính mình tu chưa đúng lý, không đúng pháp; nếu đúng lý đúng pháp, không ai chẳng thành công. Bởi thế, dù quý vị niệm Phật đã lâu, A Di Đà Phật chẳng đến tiếp dẫn quý vị.

A Di Đà thấy rõ quý vị không muốn vãng sanh nên Ngài không đến tiếp dẫn kéo quý vị sợ điếng người. A Di Đà Phật rất từ bi, không dọa dẫm người khác, đợi đến khi quý vị thực sự muốn vãng sanh, Ngài bèn đến; lúc lâm chung quý vị có nguyện vọng khẩn thiết, Ngài bèn đến. Quý vị không có nguyện vọng khẩn thiết, đối với Cực Lạc chẳng mười phần quy hướng, khẩn thiết mong cầu, Ngài cũng không đến. Vì sao? Vì chẳng tương ứng với bốn nguyện của A Di Đà Phật. Ba điều kiện Tín - Nguyện - Hạnh thiếu một điều

không được; vì thế, chúng ta phải cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, chẳng được xem thường nguyện. Phải nguyện như thế nào? Trong bản Pháp Sự này, thiền sư Trung Phong đã giảng rất rõ, nhất định phải lấy bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật làm bốn nguyện của chính mình; khi giảng đến phần sau chúng tôi sẽ giới thiệu chi tiết cùng quý vị. Bởi lẽ tâm chúng ta không giống với tâm của A Di Đà Phật, nguyện chẳng giống với nguyện A Di Đà Phật, nên chẳng thể vãng sanh! Phải đồng tâm, đồng nguyện, đồng đức, đồng hạnh thì mới chắc chắn vãng sanh, chớ nên coi thường!

5) Điều bất khả tư nghị thứ năm là "*trì nhất Phật danh, tức vị chư Phật hộ niệm, bất dị trì nhất thiết Phật danh*" (trì một danh hiệu Phật liền được chư Phật hộ niệm, không khác gì trì hết thảy danh hiệu). Đạo lý này quá sức sâu xa! Chúng ta bình thường niệm Phật là niệm A Di Đà Phật, là niệm danh hiệu của một vị Phật, đâu biết danh hiệu ấy là danh hiệu chung của hết thảy chư Phật, niệm một danh hiệu này chính là niệm trọn tất cả hết thảy chư Phật. Vì thế, trong đoạn này, tổ sư giảng rất rõ ràng: Quý vị niệm A Di Đà Phật sẽ được hết thảy chư Phật hộ niệm; người Hoa thường nói "*hết thảy chư Phật đều bảo hộ mình*", ta niệm Phật, Phật cũng niệm ta. Trì danh hiệu của một đức Phật giống như trì danh hiệu của hết thảy chư Phật, vì sao? Quý vị phải chú tâm xem xét đoạn kinh văn này mới hòng hiểu rõ được. Hết thảy chư Phật không một vị Phật nào chẳng niệm A Di Đà Phật, nay ta cũng niệm A Di Đà Phật chính là đồng tâm, đồng nguyện, đồng đức, đồng hạnh với hết thảy chư Phật, lẽ đương nhiên cảm được hết thảy chư Phật hộ niệm!

Niệm Phật không linh, gặp phải ma chướng, Phật hiệu không niệm được, chẳng biết làm sao ư? Vì nguyên nhân gì? Đều là do chẳng chết lòng sát đất tin, nguyện, hành đối với A Di Đà Phật. Nếu thực sự tâm, nguyện, đức, hạnh giống với A Di Đà Phật thì hết thảy chư Phật đều hộ niệm quý vị, hết thảy oán thân trái chủ, yêu ma quỷ quái đều tôn kính, bội phục, ủng hộ quý vị, lẽ đâu làm hại quý vị? Chúng ta phải suy nghĩ đạo lý ấy cho nhiều mới thông suốt được. A! Nay đã hết giờ rồi!

*

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp tiểu đoạn thứ ba: "*Tự tha bất khả tư nghị*" (Ta và người chẳng thể nghĩ bàn). Ngẫu Ích đại sư nói: "*Hành nhân tín nguyện trì danh*", hành nhân là những ai y giáo phụng hành, đầy đủ lòng tin chân thật, nguyện thiết tha, nhất tâm trì danh, hội đủ những điều kiện ấy. "*Toàn nhiếp Phật công đức thành tự công đức*" (Nhiếp hoàn toàn công đức của Phật thành công đức của chính mình), [tức là] đem công đức của A Di Đà Phật chuyển biến thành công đức của chính mình. Vì thế, học Phật quan trọng

nhất là học chuyển được cảnh giới, biến hoàn cảnh bất thiện thành hoàn cảnh thiện, phải chuyển từ nơi đâu? Chuyển từ nơi khởi tâm động niệm của chính mình, phải bắt đầu từ ý niệm. Ý niệm chẳng thiện phải lập tức biết ngay, nhà Phật gọi sự nhận biết ngay ấy là "*giác ngộ*".

Khi giảng pháp, chúng tôi thường nói: "*Giác chứ không mê, chánh chứ không tà, tịnh chứ không nhiễm*". Niệm niệm phải giác, ý niệm vừa khởi lên liền lập tức nhận biết, quan sát. Nếu ý niệm ấy chẳng lành, chẳng chánh, chẳng tịnh, lập tức chuyển ngay, chuyển thành thuần thiện, thuần chánh, thuần tịnh, phải chuyển cho lạ! Cách chuyển như thế nào? Dùng một câu A Di Đà Phật thuần giác, thuần chánh, thuần tịnh, giác - chánh - tịnh viên mãn rất ráo. Vừa khởi ý niệm, quyết chẳng để bất giác, bất chánh, bất tịnh xen tạp, phải chuyển cho lạ! Nếu quý vị chuyển được, bèn có thể chuyển Sa Bà thành Cực Lạc, chuyển phàm ngã (cái ngã phàm phu) thành A Di Đà Phật, rất giống với A Di Đà Phật.

Lúc tôi giảng kinh đã nói rất nhiều lần, nếu như chính mình có thể thực hiện toàn bộ bản kinh Vô Lượng Thọ, biến bộ kinh ấy thành tư tưởng, kiến giải, và ngôn hạnh của chính mình thì chẳng phải là quý vị biến thành A Di Đà Phật hay sao? Quý vị không là A Di Đà Phật, còn ai là A Di Đà Phật nữa! Đó gọi là "*chuyển phàm thành thánh*". Tâm - nguyện - giải - hạnh của quý vị hoàn toàn tương ứng với A Di Đà Phật, quý vị không đến được thế giới Cực Lạc còn ai đến nữa đây? Lại thưa thật cùng quý vị, chỗ quý vị đang ở chính là thế giới Cực Lạc, cảnh chuyển theo tâm! Nếu tâm quý vị là tâm Phật, cảnh giới quý vị đang ở sao không phải là cảnh Phật? Như vậy, chính nội tâm chúng ta chuyển tạp nhiễm thành thanh tịnh, chuyển tà tri tà kiến thành chánh tri chánh kiến, chuyển mê hoặc điên đảo thành chánh giác chẳng loạn. Người học Phật quý ở chỗ chuyển được, chư Phật Như Lai đều chuyển chính mình thành A Di Đà Phật, khiến cho chính mình và A Di Đà Phật dung hợp thành một Thể, cùng pháp giới hư không dung hợp thành một Thể; đây chính là chuyển biến viên mãn rất ráo, chẳng thể nghĩ bàn!

"*Hạ kinh vân*" (Trong phần sau, kinh nói): Đây chính là trong đoạn cuối cùng của kinh này có nói "*chư Phật bất khả tư nghị công đức, ngã bất khả tư nghị công đức*" (công đức chẳng thể nghĩ bàn của chư Phật, công đức chẳng thể nghĩ bàn của ta); tức là đoạn kinh sau đây: "*Xá Lợi Phất! Như ngã kim giả, tán tán chư Phật bất khả tư nghị công đức, bỉ chư Phật đẵng, diệc xưng tán ngã bất khả tư công đức*" (Này Xá Lợi Phất! Như ta nay xưng tán công đức chẳng thể nghĩ bàn của chư Phật, các vị Phật ấy cũng xưng tán công đức chẳng thể nghĩ bàn của ta); ở đây, sách Yếu Giải trích dẫn câu kinh này. "*Tắc chư Phật Thích Ca, giai dĩ A Di Đà Phật vi tự đã*" (như vậy, chư Phật và Phật Thích Ca đều lấy A Di Đà Phật làm chính mình). Chư Phật và Phật Thích Ca đều lấy A Di Đà Phật làm chính mình, chính mình là hóa

thân của A Di Đà Phật, A Di Đà Phật là bốn thân của ta, ta là hóa thân của A Di Đà Phật, hóa thân và bốn thân là một, chứ không phải hai. Chư Phật Như Lai chuyển thành cảnh giới ấy, chúng ta có làm được chăng? Được chứ! Câu trả lời là khẳng định. Vấn đề là quý vị có chuyển hay không, có chịu chuyển hay không, có bằng lòng chuyển hay không. Nếu quý vị muốn chuyển, chịu chuyển, lẽ đâu chẳng thể chuyển được!

Chúng ta tu Tịnh Độ, tu Tịnh Độ là học theo A Di Đà Phật, chúng ta phải học cho giống. Giống với A Di Đà Phật là trúng, học chẳng giống là trật. Phải nghiêm túc, phải nỗ lực! A Di Đà Phật đại từ đại bi, bốn mươi tám nguyện, nguyện nào cũng đều là muốn cứu độ chúng sanh khổ nạn khắp pháp giới hư không giới, nhưng vì bi tâm triệt để, giúp cho chúng sanh vắng sanh Tịnh Độ viên thành Phật đạo ngay trong một đời hiện tại này, chẳng cần mất nhiều kiếp, nhiều đời, nhiều năm tháng. Vậy thì sao không dạy cho họ được sớm thành tựu hơn một chút, thành tựu nhanh chóng hơn một chút? Chẳng phải là phụ bạc chúng sanh ư? Đức Thế Tôn dạy rất nhiều pháp môn, vì sao nói nhiều đến thế? Đó là vì chúng sanh chẳng thể tiếp nhận pháp môn này!

Quý vị phải hiểu: Đây là pháp môn vô thượng viên đốn, chẳng phải là một pháp môn bình thường, những ai không có căn tánh, không có thiện căn, phước đức, nhân duyên, đức Phật không nói! Đức Phật luôn thuyết pháp thích ứng với căn cơ. Đức Phật rất từ bi, nhưng không ép buộc kẻ khác, dạy học mà ép buộc là không xong, nhất định phải đợi đến khi chính kẻ ấy giác ngộ, chính kẻ ấy muốn học, khi đó duyên chín muồi. Nếu người ta không biết, bản thân họ chẳng khởi ý niệm muốn học, tức là duyên vẫn chưa chín muồi. Chẳng thể không hiểu điều này! Cũng có nghĩa là chúng ta đọc xong phải nên học tập, Ngẫu Ích đại sư giúp chúng ta rất lớn, Ngài khai thị, chỉ dẫn chúng ta.

Trong đoạn tiếp theo đó, chúng ta bước vào kinh văn "*lục phương hằng sa chư Phật tán kinh khuyến tín*" (sáu phương hằng sa chư Phật tán thán, khuyến tin tưởng kinh này), lẽ tự nhiên kinh văn được chia thành sáu đoạn. Sáu đoạn kinh văn này ý nghĩa hết sức rõ ràng, mỗi một đoạn nêu đại lược vài danh hiệu, "*lược cử danh hiệu sở biểu tu nhân chứng quả chi sự, bất khả tư nghị dã*" (nêu đại lược danh hiệu để biểu thị sự việc tu nhân chứng quả chẳng thể nghĩ bàn). Tuy chỉ nêu đại lược danh hiệu, nhưng nêu tên năm vị, sáu vị, bảy vị cho đến mười vị đều có ý nghĩa, đều chẳng phải là nêu tên tùy tiện. Danh hiệu đều nhằm biểu thị pháp nghĩa, những bản chú giải kinh Di Đà xưa nay không giảng rõ, quả thật những danh hiệu ấy mang ý nghĩa biểu thị pháp, chúng tôi đọc kinh Hoa Nghiêm mới hiểu rõ. Kinh Hoa Nghiêm là bộ kinh đầu tiên đức Thế Tôn giảng sau khi thị hiện thành đạo. Trong bộ kinh được giảng đầu tiên này, tất cả hết thảy danh hiệu đều nhằm

biểu thị pháp. Nói cách khác, hết thầy pháp đức Phật đã giảng trong suốt bốn mươi chín năm không danh hiệu nào chẳng biểu thị pháp!

Đọc phẩm Danh Hiệu [của kinh Hoa Nghiêm], chúng tôi thấy chẳng những danh hiệu của Phật, Bồ Tát biểu thị pháp, mà danh hiệu của hết thầy chúng sanh, tức danh hiệu của hết thầy chúng sanh khắp pháp giới hư không giới được nhắc đến trong kinh đều là biểu thị pháp, đều là danh hiệu Phật. Đây mới thực sự là chẳng thể nghĩ bàn, mới thực sự là giảng đến viên mãn rất ráo. Đối với câu nói: "*Phật thị môn trung, bất xả nhất pháp*" (Trong cửa nhà Phật, chẳng bỏ một pháp). Nếu chúng tôi không đọc phẩm Danh Hiệu thì chỉ hiểu câu nói ấy lơ mờ qua quít, chẳng thể hiểu rõ ý nghĩa thực sự. Kệ Khai kinh nói: "*Nguyện hiểu Như Lai chân thật nghĩa*" (Nguyện hiểu nghĩa chân thật của Như Lai), há nói dễ dàng sao!

Tiếp theo đây, chúng tôi chia phần này thành mấy tiểu đoạn. Tiểu đoạn thứ nhất là câu trình bày tổng quát, Đông phương Hằng hà sa số chư Phật, phương Nam, phương Tây, phương Bắc, phương trên, phương dưới là sáu phương. "*Các ư kỳ quốc, xuất quảng trường thiết tướng, biến phú tam thiên đại thiên thế giới, thuyết thành thực ngôn, nhữ đẳng chúng sanh, đương tín thị Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh*" (Trong mỗi một nước, hiện tướng lười rộng dài, che khắp tam thiên đại thiên thế giới nói lời thành thực: "Chúng sanh các người nên tin tưởng kinh Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Được Hết Thầy Chư Phật Hộ Niệm này"). Đó là câu nói chung trong [phần kinh văn nêu lên sự tán thán của] chư Phật trong sáu phương. Chúng ta biết ở mỗi phương, trong mỗi một tam thiên đại thiên thế giới có một đức Phật, đó là tối thiểu! Cũng có những đức Phật giáo hóa hai đại thiên thế giới, ba đại thiên thế giới, thậm chí mười đại thiên thế giới, hai mươi đại thiên thế giới; tối thiểu là giáo hóa một đại thiên thế giới. Phật nhiều như số cát trong sông Hằng, không cách gì tính đếm được, như vậy ta biết số thế giới cũng nhiều như cát sông Hằng. Chư Phật Như Lai không thể đếm hết. Đông, Nam, Tây, Bắc là dựa trên thế giới Sa Bà của chúng ta để nói, tức là phương Đông, phương Nam, phương Tây, phương Bắc, phương trên, phương dưới của thế giới Sa Bà! Lúc đức Thế Tôn tại thế còn nói phương Đông Bắc, phương Đông Nam, phương Tây Bắc, phương Tây Nam, [gọi chung là] mười phương. Ở phần trên, chúng tôi đã thưa cùng quý vị, La Thập đại sư dịch kinh đã tỉnh lược, chỉ nói sáu phương là đủ rồi.

Mỗi một đức Phật trong số ấy đều nói, không vị Phật nào chẳng giảng kinh này, bởi thế, kinh này là pháp môn được hết thầy chư Phật cùng nhau hoằng dương. Không một đức Phật nào chẳng khuyên con người vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, quý vị hãy nghĩ xem pháp môn này như thế nào? Thực sự là chẳng thể nghĩ bàn! Lười rộng dài là một trong ba mươi hai

tướng, trong kinh Phật đã dạy: "Ai ba đời không nói láo (phải tu suốt ba đời, cả ba đời đều không vọng ngữ), *đầu lưỡi thè ra có thể chạm đến chót mũi*", ba đời không vọng ngữ đấy nhé! Như vậy, tướng hảo là quả báo, đều là có nhân. Không có nhân sẽ chẳng thể có tướng hảo như vậy. Thích Ca Mâu Ni Phật le lưỡi có thể che hết cả mặt, dùng điều đó để chứng tỏ mình nói lời thành thật, vì sao? Ba đời không nói dối có thể liếm đến chót mũi; lưỡi Phật che kín mặt, chứng tỏ Ngài đời đời kiếp kiếp không nói dối cho nên lời Ngài nói được người khác tin tưởng.

Nay đức Phật hiện tướng lưỡi rộng dài chẳng thể nghĩ bàn, "*biển phú tam thiên đại thiên thế giới*" (che khắp tam thiên đại thiên thế giới), không phải lưỡi thè ra che khắp mặt mà là che khắp trọn vẹn tam thiên đại thiên thế giới; đây là Tánh Đức, thực sự chẳng thể nghĩ bàn. "*Thuyết thành thực ngôn*" (nói lời thành thật): Trước hết, nêu ra chứng cứ thành thật, anh nói anh thành thật, vậy chứng cứ ở đâu? Lưỡi rộng dài là chứng cứ đấy; thực sự có cái tướng ấy hay chẳng? Thực sự có! Thân tướng đó là thân gì vậy? Báo Thân Phật, Pháp Thân Như Lai! Chẳng giả tí nào! Pháp Tánh Thân mà! Trí Huệ Thân mà! Hiện thần thông chẳng thể nghĩ bàn, thành tựu khôn sánh, hy hữu khó được!

Đức Phật vì chúng ta nói lời thành thật, lời thành thực gì vậy? "*Nhữ đẳng chúng sanh, đương tín thị*" (Chúng sanh các người hãy nên tin kinh này), khuyên mọi người hãy nên tin tưởng vào bộ kinh này, kinh này là kinh gì? "*Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh*" (kinh khen ngợi công đức chẳng thể nghĩ bàn được hết thảy chư Phật hộ niệm), đó chính là tên kinh này. Lúc La Thập đại sư dịch kinh, đã không dùng tên gốc của kinh mà dùng danh hiệu Di Đà làm tên kinh, dụng ý rất sâu, vì lẽ gì? Đọc đến tên kinh này là đã niệm một câu Phật hiệu, phương pháp tu hành trong kinh này là chấp trì danh hiệu; nên dùng danh hiệu làm tên kinh, dụng ý hết sức hay! Đây chính là huệ nhãn, bi tâm của Tổ Sư; người khác trông thấy kinh điển này, đọc đến tên kinh chính là niệm một tiếng Phật hiệu. Tên gốc của kinh này do chính đức Thế Tôn đã nói và chư Phật cùng nói là ***Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh***.

Tên kinh chẳng thể nghĩ bàn! Từ tựa đề kinh, chúng ta thấy kinh này là công đức chẳng thể nghĩ bàn. Do ai nói? Do hết thảy chư Phật khen ngợi, chẳng riêng mình đức Phật Thích Ca, mà hết thảy chư Phật đều khen ngợi; kinh này được hết thảy chư Phật hộ niệm. Nói cách khác, quý vị phải chân chánh phát nguyện, thâm nhập một môn, trường thời huân tu thì quý vị sẽ được hết thảy chư Phật khen ngợi, được hết thảy chư Phật hộ niệm. Từ kinh này chúng ta thấy một sự thực đã được chứng tỏ: Sáu phương chư Phật đều nói như thế. Bởi vậy, vào thời Càn Long nhà Thanh xưa kia, pháp sư Từ Vân

Quán Đảnh khi chú giải kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật đã nói: "*Hết thảy chúng sanh nếu có nghiệp chướng cực nặng, tất cả kinh, luật, luận, sám nghi không tiêu diệt được nghiệp chướng ấy, không có cách gì tiêu diệt được nghiệp chướng sâu nặng thì rất cuộc vẫn còn có một phương pháp: Niệm A Di Đà Phật [nghiệp chướng] bèn tiêu*". Quý vị có tin được hay không? Quý vị không tin chứ tôi tin. Lời Tổ Sư nói không sai, vì sao nói niệm A Di Đà Phật tiêu được nghiệp chướng? Người niệm A Di Đà Phật được hết thảy chư Phật hộ niệm, được hết thảy chư Phật tán thán, lẽ đâu không tiêu? Đây chẳng phải là sức của một đức Phật, mà thực sự là sức của tất cả hết thảy chư Phật trong mười phương ba đời gia trì. Niệm bản kinh này cũng giống như vậy. Niệm bản kinh này, niệm một câu A Di Đà Phật, hết thảy chư Phật đều hộ niệm quý vị! Quý vị đừng quên nhé!

Nay quý vị niệm Phật chẳng đạt được hiệu quả to lớn như vậy là do nguyên nhân nào? Do quý vị không hiểu đạo lý, dẫu niệm Phật, nhưng tâm chẳng tương ứng với hết thảy chư Phật; hết thảy chư Phật gia trì, hộ niệm, tán thán quý vị, nhưng chính quý vị không có cách gì tiếp nhận được. Giống như hết thảy chư Phật phát ra làn sóng điện, máy nhận sóng của chúng ta đã hư, không thu được, đúng như vậy đó! Vì sao không thu được? Tâm chúng ta không thanh tịnh, vọng tưởng, tạp niệm quá nhiều, cũng giống như chúng tôi thường nói: Tâm quý vị không giống tâm của A Di Đà Phật, nguyện cũng không giống, ngôn ngữ, hành vi cũng không giống, bởi thế, thu không được. Không phải Phật chẳng hộ niệm mình, không gia trì mình, Phật rất từ bi, rất bình đẳng gia trì hộ niệm, nhưng có người tiếp thu được, có kẻ không tiếp thu được. Kẻ tiếp thu được là tâm - nguyện - giải - hạnh đồng Phật, không tiếp thu được là do tâm - nguyện - giải - hạnh khác với Phật, quý vị tiếp thu không được. Đạo lý là như vậy.

Phương Đông liệt kê đức hiệu của năm vị Phật: "*Lược cử ngũ Phật danh, biểu pháp môn tu học căn bản*" (Nêu đại lược danh hiệu của năm vị Phật để biểu thị căn bản tu học của pháp môn). Trong Ngũ Hành, phương Đông tượng trưng cho sanh thành. Đem Xuân - Hạ - Thu - Đông phối hợp với bốn phương: Xuân sanh, Hạ trưởng, Thu thu, Đông ẩn; vì vậy, phương Đông biểu thị căn bản tu học. Chúng ta muốn tu Tịnh Độ phải hội đủ những điều kiện nào? Căn bản của mọi căn bản là "*tín tâm*". Bởi vậy, trong các kinh to luận lớn, đức Phật thường nói: "*Tín vi đạo nguyên công đức mẫu, trường dưỡng nhất thiết chư thiện căn*" (Tín là nguồn đạo, mẹ công đức; nuôi lớn hết thảy các căn lành). Tín tâm hết sức quan trọng, bởi thế, đức Phật đầu tiên là A Súc Bệ Phật. Nếu dịch nghĩa chữ A Súc Bệ (Aksobhya) thì A Súc Bệ có nghĩa là Bất Động. Người thường nghe kinh, đọc kinh đều biết chữ A trong tiếng Phạn dịch là Vô. Quý vị thấy chữ A Di Đà, A là Vô, Di Đà là Lượng, Phật là Giác. Vì thế, nếu dịch trên mặt danh nghĩa, A Di Đà Phật là

Vô Lượng Giác. Phật cũng có nghĩa là trí huệ, [A Di Đà Phật là] Vô Lượng Trí, Vô Lượng Giác. Ở đây, A là Vô, Súc Bệ là Động, tức Vô Động; người Hoa quen nói là Bất Động. Phật dịch là Giác, [A Súc Bệ Phật] là Bất Động Giác.

Tiếp theo đây, chúng ta hãy chú tâm lãnh hội ý nghĩa của danh hiệu Phật. [Tổ Ngẫu Ích giảng]: "*Bất vị bát phong sở động*" (Chẳng bị tám thứ gió thổi động). "*Bát phong*" (tám thứ gió) chính là pháp thể gian: danh văn, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần, chẳng bị gió cảnh giới lay động! Đối với pháp thể gian, tâm quý vị không động; rồi thì trong đối với Phật pháp, tâm cũng không động: "*Bất vị tha pháp môn sở động*" (Chẳng bị các pháp môn khác lay động). Pháp thể gian hay xuất thế gian đều chẳng động tâm, không dao động, nhất tâm nhất ý tuyển chọn pháp môn này, cả một đời cũng không thay đổi. "*Ta học pháp môn này đến rốt ráo, thành tựu viên mãn pháp môn này*". Bởi thế, đây là căn bản của mọi căn bản. Nếu vừa tiếp xúc pháp thể gian hay Phật pháp bèn bị dao động thì khó lắm! Chính mình phải tỉnh giác cao độ, bị dao động bởi pháp thể gian sẽ chẳng thể thoát khỏi luân hồi lục đạo, dao động bởi Phật pháp chắc chắn sẽ chẳng thể thâm nhập một môn! Nói cách khác, bị gió cảnh giới trong pháp thể gian lay động, tâm quý vị bèn dao động, sẽ vẫn phải tiếp tục luân hồi sanh tử; đối với pháp môn trong Phật pháp mà bị lay động thì bất luận tu một pháp môn nào, chắc chắn cũng chẳng thể đạt "công phu thành phẩm".

Chính mình phải tự suy nghĩ, thường xuyên phản tỉnh, vì sao học Phật nhiều năm dường ấy mà chẳng thể thành tựu? Vì căn bản của quý vị bị dao động. Nói lên điều gì? Quý vị không có tín tâm, chẳng có trí huệ, chẳng có công phu định lực, chẳng có lòng tin vào bản thân, không có lòng tin nơi pháp môn, tâm không tin thầy. Do vậy, tâm quý vị thô phù, xáo động, luôn luôn động, làm sao mà có thể thành tựu cho được? Quý vị thấy đó, đức Phật thứ nhất đã đem nguyên tắc chung, tức là nguyên lý và nguyên tắc mẫu chốt của việc thành bại dạy cho quý vị đấy.

Tiếp đó, chúng tôi nêu thí dụ sau đây: "*Như Hoa Nghiêm Thiện Tài nữ thập tam tham, tham tham luyến đức lễ từ, bất vị sở động*" (Như năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài trong Hoa Nghiêm, mỗi phen tham học đều luyến mộ đức hạnh [của thiện tri thức], lễ bái từ tạ, chẳng bị lay động). Trong hội Hoa Nghiêm, Thiện Tài đồng tử đã nêu gương tu học cho chúng ta. Làm gương như thế này: Đối với chính mình phải có tín tâm, đối với thầy phải có tín tâm, đối với pháp môn có tín tâm, trọn chẳng bị ngoại cảnh lay động, nên Ngài thành công. Ngài tham học năm mươi ba lần, sau khi tham phỏng, luyến mộ đức hạnh của vị thiện tri thức, lễ bái từ tạ, nhưng chẳng bị lay động. Luyến mộ đức hạnh là đối với pháp môn của vị thiện tri thức đó tu học bèn hoan hỷ, lễ bái từ tạ là ý gì? Tôi không học pháp môn của Ngài, nhưng tôi hoàn toàn hiểu rõ pháp môn của Ngài. Hiểu rõ là trí huệ, tức Hậu

Đặc Trí! Pháp thế gian, pháp xuất thế gian, không pháp nào chẳng hiểu rõ! Lễ bái từ tạ nhằm ý gì? Lễ để cảm tạ, từ tạ là không học. Tôi vẫn niệm A Di Đà Phật của tôi, tuyệt đối chẳng bị lay động. Hết thấy pháp thế gian và xuất thế gian đều tiếp xúc, nhưng chẳng bị lay động, như như bất động. Đó là Niệm Phật tam-muội thành tựu! Tiếp xúc hết thấy đều hiểu rõ thì là trí huệ viên mãn, chứ không phải là chẳng tiếp xúc, không tiếp xúc thì điều gì cũng chẳng biết vì chưa từng khảo nghiệm qua, tiếp xúc chính là thông qua khảo nghiệm.

Tôi đã nhiều lần giới thiệu cùng quý vị năm mươi ba lần tham học ấy rồi, năm mươi ba vị thiện tri thức ấy nam, nữ, già, trẻ, các ngành, các nghề, những gì chúng ta tiếp xúc từ sáng đến tối đều là năm mươi ba lần tham học. Quý vị phải học sao cho giống hệt như Thiện Tài đồng tử. Quý vị không học sẽ thành ra "ở ngay trước mặt mà bỏ lỡ!" Nơi hoàn cảnh, từ sáng đến tối chúng ta gặp rất nhiều trai, gái, già, trẻ, các nghề nghiệp, người thiện, kẻ ác, thuận cảnh, nghịch cảnh, tiếp xúc toàn bộ, tâm chúng ta bị cảnh giới chuyển hay cảnh giới bị ta chuyển, công phu ở chỗ này. Đức hạnh của Thiện Tài đồng tử là có thể chuyển cảnh giới, chẳng bị cảnh giới chuyển. Bởi thế, Ngài thành công, một đời chứng đắc vô thượng Bồ Đề!

Sở dĩ chúng ta thất bại hoàn toàn là vì bị cảnh giới xoay chuyển, chẳng thể thành tựu trí huệ nơi cảnh giới. Thành tựu trí huệ là thông đạt, hiểu rõ; thành tựu Thiền Định là như như bất động, chúng ta không thể thành tựu điều này cho nên hoàn toàn thất bại. Thiện Tài đồng tử có thể thành công viên mãn vì Ngài hoàn toàn khác với chúng ta. Sáu căn của Ngài tiếp xúc cảnh giới sáu trần, thành tựu trí huệ rốt ráo viên mãn và Thiền Định rốt ráo viên mãn. Ngài tu Niệm Phật tam-muội, trong kinh này gọi [Niệm Phật tam-muội] là "*nhất tâm bất loạn*". Thiện Tài chứng đắc Lý nhất tâm bất loạn. Chứng ở chỗ nào? Chứng ngay từ nơi sáu căn tiếp xúc sáu trần. Chúng ta phải học, phải hiểu [như thế] nhé!

Ngài có thể "*luyện đức, lễ từ, bất vị sở động, thành tựu tự tha công đức trang nghiêm, thị thử pháp môn tu học chi đại bản dã*" (luyện mộ đức, lễ bái từ tạ, chẳng bị lay động, thành tựu công đức trang nghiêm cho mình lẫn người, đó chính là cái gốc lớn lao của việc tu học pháp môn này). A Súc Bệ Phật biểu thị ý nghĩa như vậy. Ở đây, danh hiệu đức Phật nhằm dạy chúng ta, chứ không phải để niệm tụng. Thế nào là "*thành tựu tự - tha công đức?*" Thành tựu chính mình là thành tựu người khác, tự và tha là một, không hai. Sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần bên ngoài, thành tựu công đức chính mình là gì vậy? Đối với cảnh giới, hiểu rõ ràng, thấu suốt, thành tựu trí huệ của chính mình, tức Hậu Đặc Trí, đó là công đức. Chẳng bị cảnh giới lay động là thành tựu tam-muội cho chính mình, đó là công đức.

Vì thế, người biết tu hành, trí huệ, tam-muội ngày càng tăng trưởng, chẳng sanh phiền não. Sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần chỉ sanh trí huệ, chỉ sanh tam-muội, quyết định chẳng sanh phiền não. Bởi thế, tôi thường nói người thực sự tu hành sống giống như Phật, Bồ Tát, đúng là lìa khổ được vui, khoái lạc khôn sánh! Trung Phong quốc sư nói rất hay: "*Thử xứ tựu thị Cực Lạc, Cực Lạc tựu thị thử xứ. Ngã tâm tựu thị Di Đà, Di Đà tựu thị ngã tâm*" (chỗ này chính là Cực Lạc, Cực Lạc chính là chỗ này, tâm ta là Di Đà, Di Đà là tâm ta), quý vị thấy cảnh giới ấy là cảnh giới nào vậy? Hai câu ấy người tầm thường không thể nói được đâu. Đúng là nếu không phải thực sự là bậc từng trải sẽ chẳng thể nói nổi những lời ấy. Nếu quý vị nói được như vậy, quý vị phải là người từng trải.

Năm vị Phật ở phương Đông, ba trong số năm vị ấy chính là những mục tiêu người học Phật chúng ta luôn mong hướng đến. Chúng ta học Phật để làm gì? Vì muốn thành Phật. Phật là như thế nào? Kinh nói Pháp Thân, Báo Thân và Ứng Hóa Thân. Muốn thành Phật thì không có gì khác cả, chỉ là chứng đắc, viên ngộ tam thân của chính mình mà thôi! Trong kinh đức Phật thường dùng núi Tu Di để biểu thị Pháp Thân, biểu thị Lý Thể; vì vậy, đức Phật thứ hai là Tu Di Tướng Phật. Tu Di Tướng có nghĩa là "*tướng hảo, quang minh được chín pháp giới chiêm ngưỡng, tức là Báo Thân*". Tướng như núi Tu Di, tức là như trong kinh Đại Thừa thường nói: Phật có vô lượng tướng, mỗi tướng có vô lượng hảo, đó là Báo Thân Phật.

Tiếp theo là Đại Tu Di Phật, Đại Tu Di là "*đại pháp lý thể, pháp giới độc tôn, tức Pháp Thân*". Có thể hiện, có thể biến; Báo Thân và Ứng Hóa Thân là cái được hiện, cái được biến. Chúng ta thường gọi "đại pháp" là cõi nước, chúng sanh, hư không, pháp giới. Trong hết thảy pháp đều có hư không, nếu quý vị đã từng đọc Bách Pháp Minh Môn Luận của Tướng Tông, quý vị sẽ hiểu rõ. Thiên Thân Bồ Tát quy nạp hết thảy pháp thành một trăm loại, trong một trăm loại này, bao gồm cả hư không, hư không cũng là một pháp. Pháp giới, cõi nước (sát-độ), nay ta gọi "cõi nước" là "thiên thể" (astronomical object) trong vũ trụ, hoặc gọi là "tinh hệ" (galaxy). Tinh hệ lớn, tinh hệ nhỏ vô lượng vô biên. Trong những tinh hệ ấy lại có vô lượng vô biên chúng sanh cư trụ, như địa cầu thuộc vào một tinh hệ, trên địa cầu có rất nhiều chúng sanh sanh sống trong ấy. Đấy toàn là "*duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*"; do vậy, tánh thức là năng hiện, năng biến, hết thảy pháp là sở hiện, sở biến. Năng và Sở là một, không hai. Đó là Thật Tướng của vũ trụ, kinh Phật gọi [Thật Tướng của vũ trụ] là "Thật Tướng các pháp" (chư pháp Thật Tướng). Pháp Thân: Bản thể của Thật Tướng gọi là Pháp Thân.

Kế đó là Tu Di Quang Phật, "*quang minh chiếu khắp ứng trọn các căn cơ, ứng hóa vậy*". Chúng sanh có Cảm, Phật liền Ứng. Phật có mối quan hệ mật thiết với hết thảy chúng sanh, mối quan hệ gì vậy? Quan hệ là quang, còn

người hiện tại gọi [mỗi quan hệ ấy] là gì? Ba động (fluctuation, sự dao động theo làn sóng)! Ý nghĩa này hay lắm, quả thật làn sóng của Như Lai và làn sóng tư tưởng của chúng ta có mỗi quan hệ mật thiết. Như Lai lặng sóng nên gọi là Quang. Tư tưởng của chúng ta thật chẳng thể gọi là Quang, mà gọi là Sóng, vì sao? Trời lên, hụp xuống, nhô cao, xuống thấp, còn Phật thì bình lặng. Giống hệt như nước, nước của người ta phẳng lặng, nước của mình sóng trào, gió to, sóng lớn. Thế nhưng nước phẳng lặng và sóng trào vĩnh viễn nối tiếp nhau ở cùng một chỗ, niêm niêm cảm ứng đạo giao chẳng thể nghĩ bàn, ứng hóa là như vậy đó!

Pháp, Báo, Ứng Hóa đều là Huệ, tức trí huệ Bát Nhã nơi tự tánh. "*Nhất thể tam thân, sở cầu sở chứng*": Báo Thân, Pháp Thân, Ứng Hóa Thân, một chính là ba, ba nhưng là một; điều người học Phật chúng ta mong cầu chính là chứng đắc viên mãn ba thân này, giác ngộ trọn vẹn, ngộ nhập viên mãn. Nay đã hết giờ rồi, đoạn sau còn một vị Phật nữa, đến giờ kế tiếp chúng tôi sẽ giảng tiếp.

Tập 30

Chư vị đồng học!

Lần trước chúng ta đã học đến phần sáu phương chư Phật khuyến tín lưu thông của kinh A Di Đà. Sáu phương chính là mười phương, đối với mỗi một phương, đức Thế Tôn chỉ nêu đại lược vài vị đại biểu. Mỗi danh hiệu đại biểu đều có ý nghĩa rất sâu, chúng ta nhất định phải hiểu những ý nghĩa biểu pháp ấy, chớ nên xem thường. Phương Đông có năm vị Phật, vị thứ nhất là:

A Súc Bệ Phật.

阿閼鞞佛。

Ngài tượng trưng cho sự bất động, tượng trưng cho nguyên tắc tu học căn bản. Chẳng riêng gì tu pháp môn Tịnh Độ niệm Phật [phải áp dụng nguyên tắc ấy], mà tám vạn bốn ngàn pháp môn, không một pháp nào ra ngoài lệ ấy. Trước hết, phải có tín tâm không lay động thì mới hòng thành tựu. Nếu tín tâm bất định, thấy lạ, nghĩ khác, cứ suy đi tính lại thì không riêng gì Phật pháp, mà ngay cả những pháp thế gian cũng chẳng thể thành tựu được. Thực sự thành tựu là như cổ đức thường nói: "*Thâm nhập một môn, trường thời huân tu*".

Trong đoạn kinh này, Thích Ca Mâu Ni Phật bốn lượt khuyên chúng ta vãng sanh Tịnh Độ, thân cận A Di Đà Phật, đúng là nói một lần rồi hai lần, hai lần rồi ba lần, ba lần rồi bốn lần, đau lòng rất miệng khuyên dạy chúng

ta. Trong đoạn kinh văn này, đức Phật cho biết: Không riêng mình Thích Ca Mâu Ni Phật khuyên dạy chúng ta, quý vị thấy đó, mười phương hết thầy chư Phật Như Lai, không vị Phật nào chẳng khuyên chúng sanh niệm Phật cầu sanh về Tịnh Độ. Có vậy, chúng ta mới biết pháp môn này thù thắng. Ở phần trên, chúng tôi đã lược thuật cùng quý vị năm thứ bất khả tư nghị; điều bất khả tư nghị cuối cùng chính là quý vị niệm danh hiệu một đức A Di Đà Phật sẽ được hết thầy chư Phật hộ niệm. Pháp môn này thật phi phàm; nói cách khác, không khác gì niệm danh hiệu của hết thầy chư Phật. Niệm một câu A Di Đà Phật chính là niệm trọn danh hiệu của mười phương tam thế hết thầy chư Phật, há còn có pháp môn nào thù thắng hơn được nữa hay không?

Chúng sanh trong thế gian này, quá khứ, hiện tại không tránh khỏi tạo nghiệp, không tránh khỏi kết oán cùng chúng sanh. Bởi vậy, chúng ta thường thấy rất nhiều chúng sanh bị oán thân trái chủ, ma quỷ dựa vào thân khuấy nhiễu, thần kinh thác loạn, khổ chẳng thể nói nổi. Những bệnh ấy là do hai nguyên nhân sau đây: Một là oán quỷ dựa thân, ngoài ra là do tự mình có nghiệp chướng sâu nặng. Hai nguyên nhân ấy cùng hòa vào, khó thể làm gì được! Chứng bệnh ấy có thuốc men cũng không chữa trị được, cầu thần, cầu Phật, Bồ Tát bảo hộ cũng khá khó khăn. Có cách gì trị được hay chẳng? Có chứ! Khoảng đầu triều Thanh, pháp sư Từ Vân Quán Đảnh nói niệm Phật có thể cứu được! Vì sao niệm Phật có thể cứu được? Bởi lẽ, quý vị niệm A Di Đà Phật, mười phương hết thầy chư Phật đều gia trì, đạo lý là đây! Mười phương hết thầy chư Phật đều gia trì, đều bảo hộ. Oan gia đối đầu, yêu ma, quỷ quái gì gì đi nữa cũng đều nhượng bộ mấy phần, chẳng phải là một đức Phật có mặt, mà là hết thầy chư Phật có mặt, chúng chẳng thể lấn lướt được.

Vì thế, đối với hết thầy bệnh tật khó trị, phương pháp nào cũng vô hiệu, hết cách chữa trị, tụng kinh, bái sám cũng vô hiệu, thì thưa cùng quý vị, cuối cùng chắc chắn hữu hiệu là Niệm Phật. Chúng tôi cũng đã từng thấy, quả thật là có rất nhiều người bị oán thân trái chủ dựa vào thân, dường như niệm Phật cũng vô hiệu, vì nguyên nhân nào vậy? Vì niệm Phật chẳng đúng pháp! Chuyện quan trọng nhất trong việc niệm Phật chẳng đúng pháp thì đầu tiên là tín tâm và nguyện tâm. Nếu quý vị trọn đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, chuyên trì một câu Phật hiệu, hiệu quả sẽ chẳng thể nghĩ bàn, thống khổ bèn lập tức tiêu trừ, sẽ bình phục như cũ. Pháp môn thật chẳng thể nghĩ bàn!

Tôi còn nghe có người nói, có người giảng: "Những kẻ niệm A Di Đà Phật đều là vong ân phụ nghĩa", vì sao vậy? Họ nói: "Bốn Sư trong thế giới chúng ta là Thích Ca Mâu Ni Phật, quý vị không niệm Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, lại niệm A Di Đà Phật ở phương khác, vậy là vong ân phụ nghĩa!"

Tôi nghe nói vậy mới hiểu rõ. Nói thật ra, vong ân phụ nghĩa không phải là chúng ta, mà là kẻ ấy. Sao lại là kẻ ấy? Kẻ ấy niệm Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, chính là kẻ ấy vong ân phụ nghĩa, vì sao? Chính Thích Ca Mâu Ni Phật dạy chúng ta niệm A Di Đà Phật, xót lòng rất miệng, quý vị thấy ngay trong kinh này đấy thôi: Bốn lượt khuyên chúng ta niệm A Di Đà Phật, cầu sanh về Tịnh Độ, chúng ta cứ khăng khăng không nghe theo, chẳng vui lòng niệm A Di Đà Phật, chẳng muốn cầu sanh về Tịnh Độ, cứ nhất định phải niệm Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, ắt Thích Ca Mâu Ni Phật bực đến chết! Đúng là vong ân phụ nghĩa, chẳng hiểu thế nào là ân, thế nào là nghĩa cả!

Ví như trong gia đình chúng ta, thế giới Sa Bà là gia đình, Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật là cha của chúng ta. Thế giới Cực Lạc thật ra là trường học, A Di Đà Phật là một vị thầy giỏi. Nay cha gửi con đến trường học hành, hòng con được thân cận một vị thầy giỏi, con cái cứ ương bướng không nghe lời, chẳng chịu đi. Quý vị nghĩ xem trong tình huống ấy, tâm cha mẹ rất khó chịu: Chọn cho người một vị thầy tốt đẹp như thế, bảo người đến thân cận thầy, người cứ khăng khăng không nghe lời, cứ ở lì trong nhà, không chịu đi học, còn ra thế thống chi nữa! Bởi thế, kẻ vong ân phụ nghĩa chẳng phải là chúng ta, chúng ta nghe lời, hiểu thuận. Thuận ý cha mẹ, thuận ý Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật răn dạy, chúng ta nhất tâm niệm A Di Đà Phật, thân cận A Di Đà Phật. Đó chính là bốn nguyện, là ý nghĩa chân chánh, là lời răn dạy chân thật của Thích Ca Mâu Ni Phật. Chớ có hiểu lầm!

Trong đoạn kinh văn này chúng ta thấy không những Thích Ca Mâu Ni Phật dạy chúng ta, mà mười phương ba đời hết thầy chư Phật Như Lai đều giáo hóa chúng sanh như thế, há còn sai được ư? Bởi thế, trong kinh Vô Lượng Thọ, đức Thế Tôn thay mặt hết thầy chư Phật khen ngợi A Di Đà Phật, nói A Di Đà Phật là "*quang trung cực tôn, Phật trung chi vương*" (quang minh cao quý nhất, là vua trong các Phật), há còn sai được ư?

Chúng ta niệm Phật, học Phật, để cầu điều gì? Tâm nguyện, mong cầu của hết thầy chúng sanh chẳng ngoài ba việc: Thứ nhất là trí huệ, thứ hai là tài nghệ (trong Phật pháp gọi là đức năng, hay năng lực, điều gì cũng biết, không gì không biết), thứ ba là phước báo, đều là cầu ba điều ấy! Những gì Thích Ca Mâu Ni Phật, hết thầy chư Phật Như Lai dạy chúng ta há chẳng phải là ba việc ấy đó ư? Trong ba việc ấy, đức Phật dạy trí huệ là chủ. Do vậy, từ đầu đến cuối, Phật pháp giảng về giác ngộ, điều Phật pháp mong cầu là A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Đây là phiên âm tiếng Phạn, dịch nghĩa sang tiếng Hán là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Kẻ mới học đầu nghe nói như vậy nhưng không hiểu, chúng tôi đành phải nói một cách phương tiện như sau: Từ ngữ ấy có ý nghĩa là trí huệ chân thật viên mãn rất rõ.

Quý vị có trí huệ, đương nhiên quý vị có năng lực. Tài nghệ, đa tài đa nghệ từ đâu mà có? Từ trí huệ mà có, trí huệ là căn bản, phước báo cũng từ trí huệ mà có. Quý vị phải có trí huệ, mới biết gieo phước tại nơi đâu. Vì sao? Quý vị nhận biết phước điền, quý vị biết gieo phước, quý vị sẽ đạt được vô lượng phước báo, vô lượng vô biên của cải. Thật đấy! Vô lượng vô biên của cải gì vậy? Trọn khắp pháp giới hư không giới, không một thứ gì chẳng phải là của cải của chính mình, thật đấy, không giả đâu! Quý vị có thể hưởng thụ viên mãn!

Trong những phước báo, phước báo quan trọng nhất là thọ mạng; thân cận A Di Đà Phật quý vị sẽ được vô lượng thọ, được thân kim cang bất hoại! Thân kim cang bất hoại không có sanh - lão - bệnh - tử. Sanh - lão - bệnh - tử khổ lắm! Không có cầu chẳng được, không có oán ghét mà cứ phải gặp gỡ, không có yêu thương mà phải chia lìa, thế gian này gọi những điều đó là tám nỗi khổ (bát khổ). Tám nỗi khổ điều nào cũng chẳng có, đó là chân lạc, bởi thế, gọi là Cực Lạc thế giới. Quan trọng nhất là tín tâm kiên định bất động. Do vậy, A Sóc Bộ Phật tượng trưng cho ý nghĩa này. Ba vị Phật tiếp theo chính là những điều chúng ta mong cầu.

Tu Di Tướng Phật.

須彌相佛。

Là Báo Thân Phật, tức trí huệ.

Đại Tu Di Phật.

大須彌佛。

Tượng trưng cho Pháp Thân Phật, tức Lý Thể.

Tu Di Quang Phật.

須彌光佛。

Là Ứng Hóa Phật, tức là thọ dụng. Chúng ta nói đến vô lượng vô biên phước báo, quang minh chiếu khắp, thích ứng trọn khắp các căn cơ, chúng sanh nơi nào có cảm, lập tức hiện thân đến giúp đỡ. Đại ý những danh hiệu này chúng tôi đã trình bày rồi. Vị Phật cuối cùng là:

Diệu Âm Phật.

妙音佛。

Diệu Âm Phật "*biểu thị pháp tu học cội gốc*", tức phương pháp tu học. Phương pháp tu học căn bản chính là nhất tâm xưng niệm Nam Mô A Di Đà Phật, đó là Diệu Âm! Âm thanh tuyệt diệu tốt bậc trong thế gian lần xuất thế gian là một câu Phật hiệu. Bởi thế, niệm ra một câu Phật hiệu này sẽ cảm động hết thảy chư Phật Như Lai khắp pháp giới hư không giới. Đã là cảm động chư Phật Như Lai thì chúng ta phải biết: Chư Phật Như Lai có trí huệ, phước đức viên mãn, các vị hộ pháp thần của chư Phật trọn khắp hư không pháp giới. Được chư Phật ủng hộ, chư Phật khen ngợi, lẽ nào thần hộ pháp chẳng xưng tán, chẳng ủng hộ? Vì vậy, niệm một câu A Di Đà Phật sẽ được hết thảy chư thiên thiên thần ủng hộ, chư thiên thiên thần bảo hộ quý vị! Quý vị niệm danh hiệu các đức Phật khác, chẳng thể khiến cho toàn thể thần hộ pháp khắp pháp giới bảo hộ, không được như vậy! Chỉ có niệm A Di Đà Phật, quý vị mới cảm được toàn thể. Chẳng thể không biết điều này!

Trong kinh Đại Thừa, đức Thế Tôn thường nói: Danh hiệu A Di Đà Phật này chẳng phải chỉ là danh hiệu của riêng mình đức Phật tại Tây Phương Cực Lạc thế giới mà còn tượng trưng cho bốn tánh, tự tánh Phật! Đây là đức hiệu của Tự Tánh Phật! Vì vậy, niệm Phật hiệu này chính là niệm Thể, Tướng, Dụng của Tự Tánh. Thể của Tự Tánh là Pháp Thân; Tướng của Tự Tánh là trí huệ; tác dụng của Tự Tánh - tức Tự Tánh khởi tác dụng - chính là vô lượng vô biên đại phước đức. Vì thế, nhất tâm xưng niệm nam mô A Di Đà Phật chính là Diệu Âm; ở đây, Ngài tượng trưng cho phương pháp căn bản tu hành trọng yếu nhất, "*Định Huệ giữ cân bằng*"! Nhất tâm xưng niệm, nhất tâm là Định, xưng niệm là Huệ. A! Chúng ta lại xem tiếp đoạn dưới, đoạn thứ hai chính là những thế giới ở phương Nam, chúng tôi đọc kinh văn một lượt:

Xá Lợi Phật! Nam phương thế giới hữu Nhật Nguyệt Đăng Phật, Danh Văn Quang Phật, Đại Diệm Kiên Phật, Tu Di Đăng Phật, Vô Lượng Tinh Tấn Phật, như thị đẳng Hằng hà sa số chư Phật, các ư kỳ quốc, xuất quảng trường thiết tướng biến phú tam thiên đại thiên thế giới, thuyết thành thực ngôn: 'Nhữ đẳng chúng sanh đương tín thị Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh.

舍利弗。南方世界。有日月燈佛。名聞光佛。大燄肩佛。須彌燈佛。無量精進佛。如是等恆河沙數諸佛。各於其國。出廣長舌相。遍覆三千大千世界。說誠實言。汝等眾生。當信是稱讚不可思議功德一切諸佛所護念經。

(Này Xá Lợi Phất! Nam phương thế giới có Nhật Nguyệt Đăng Phật, Danh Văn Quang Phật, Đại Diệm Kiên Phật, Tu Di Đăng Phật, Vô Lượng Tinh Tấn Phật. Hằng hà sa số chư Phật như thế đó, mỗi vị ở trong nước mình, hiện tướng lười rộng dài, che khắp tam thiên đại thiên thế giới, nói lời thành thực: "Chúng sanh các người nên tin kinh Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm này").

Quý vị phải thường ghi nhớ, bộ kinh này là hết thảy chư Phật "Khen Ngợi Công Đức Chẳng Thế Nghĩ Bàn", cũng là "Được Hết Thảy Chư Phật Hộ Niệm", kinh này chẳng thế nghĩ bàn! Ở phương Nam cũng nêu lên năm vị Phật, năm vị Phật này tượng trưng cho Tu Huệ; bởi lẽ, trong giáo học nhà Phật, trí huệ là bậc nhất. Hết thảy bọn chúng sanh chúng ta vốn sẵn có trí huệ, trong tự tánh vốn sẵn đầy đủ trí huệ. Thật vậy! Trí huệ bất sanh, bất diệt, không đến, không đi, đối với trí huệ của hết thảy chư Phật Như Lai không hai, không khác, hoàn toàn tương đồng! Vì sao nay chư Phật, Bồ Tát có trí huệ lớn lao đến thế, còn chúng ta tự hồ biến thành vô cùng ngu xuẩn, không có tí xíu trí huệ nào, vì nguyên nhân gì vậy? Phật bảo chúng ta: Trí huệ của chúng ta giống hệt như Phật, cũng không hề mất đi, vì sao nay lại thành ra nông nổi ấy? Là vì chính bản thân chúng ta có chướng ngại, tự mình chướng ngại trí huệ của chính mình! Đức năng và tướng hảo của chính mình cũng bị chướng ngại.

Trí huệ giống như vầng thái dương, chư Phật, Bồ Tát là thái dương lúc trời quang đãng, quang minh chiếu khắp; phàm phu chúng ta là mặt trời trong hôm u ám, trên đầu chúng ta có mây đen che phủ rất dày, dầu có ánh nắng, nhưng bị che lấp, không soi thấu được! Đạo lý là như vậy đó. Rốt cuộc những thứ che lấp ấy là gì vậy? Thích Ca Mâu Ni Phật dạy: Những thứ che lấp ấy chính là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Kinh Hoa Nghiêm giảng rất hay: "Nhất thiết chúng sanh giai hữu Như Lai trí huệ, đức tướng, đàn dĩ vọng tưởng, chấp trước, nhi bất năng chứng đắc" (Hết thảy chúng sanh đều có trí huệ, đức tướng như Như Lai; nhưng vì vọng tưởng, chấp trước nên chẳng thể chứng đắc). Vì thế, đức Phật dạy chúng ta tu hành, tu những gì? Chỉ là bỏ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước đi mà thôi! Chỉ cần bỏ được, trí huệ vốn sẵn có trong tự tánh sẽ hiện tiền, đức năng hiện tiền, tướng hảo hiện tiền, quý vị vốn là Như Như Phật! Nay vì ta có phiền não, có tập khí, kinh Hoa Nghiêm gọi phiền não tập khí là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Vọng tưởng là tập khí; phân biệt và chấp trước là phiền não. Quý vị có những thứ ấy nên trí huệ, đức năng, tướng hảo sẵn có nơi tự tánh đều chẳng thể hiện tiền.

Vọng tưởng, tập khí là vì chính mình mê mất bốn tánh, nên mới sanh ra những thứ ấy. Những thứ ấy không thật, là giả, lúc mê bèn có, lúc giác ngộ bèn không có. Vì thế, Phật pháp dạy con người giác chứ không mê, chánh chứ không tà, tịnh chứ không nhiễm, quý vị có thể bỏ được mà! Do vậy, giáo học của Phật pháp từ đầu đến cuối chẳng lìa trí huệ. Quý vị thấy đó: Trước hết là nói ra căn bản (căn bản tu học), tiếp đến là giảng về tu huệ, tu phước. Trước hết, chúng ta hãy xét danh hiệu năm vị Phật.

Vị Phật thứ nhất là Nhật Nguyệt Đăng Phật. Mặt trời chiếu ban ngày, mặt trăng soi ban đêm. Chỗ nào nhật nguyệt không soi thấu thì đèn (đăng) có thể soi được. Dùng Nhật, Nguyệt, Đăng để biểu thị quang minh chiếu khắp. Vì thế, đức Phật này tượng trưng "*tánh có đủ trí huệ Bát Nhã viên mãn, viên dung vô ngại, không đâu chẳng chiếu, là điều được mong cầu vậy*". Chúng ta mong cầu trí huệ viên mãn, không gì chẳng biết, không gì chẳng thể, không thiếu khuyết mảy may. Những điều danh hiệu Nhật Nguyệt Đăng biểu thị chính là những điều chúng ta mong cầu.

Tên của vị Phật thứ hai là Danh Văn Quang Phật. Xét đức hiệu của vị Phật này, Quang là trí huệ, hằng ngày đang tu, tu gì vậy? Tu đoạn phiền não. Tập khí phiền não nếu thực sự đoạn được đôi phần, trí huệ sẽ hiện tiền. Do vậy, đoạn một phần phiền não, trí huệ sẽ lộ ra một phần; đoạn hai phần phiền não, trí huệ sẽ lộ ra hai phần. Quý vị muốn trí huệ Bát Nhã nơi tự tánh hiện tiền thì không có gì khác cả, chỉ đoạn phiền não mà thôi! Nếu vọng tưởng, phân biệt, chấp trước của quý vị vẫn còn nặng nề như thế, chẳng chịu buông xuống thì nói cách khác, trí huệ của quý vị vĩnh viễn không thể hiện tiền. Đó là công phu đấy, chứ không phải là niệm kinh Phật cho nhiều. Đọc nhiều các loại sách thông thái, quý vị bèn có "trí huệ" thì trí huệ ấy là giả, chẳng thật! Giáo học Nho gia gọi cái học đó là cái học vay mượn^{3[3]}! Quý vị chẳng mở mang trí huệ, những gì quý vị có được toàn là của người khác, không có gì là của chính mình hết! Khi nào trí huệ của quý vị mở mang, lúc ấy sẽ được đại tự tại, chẳng cần phải nhớ những thứ của người khác nữa!

Chư Phật Như Lai, chư đại Bồ Tát có trí huệ, quý vị cũng có, quý vị vay mượn làm chi? Chỉ khi sơ học, trí huệ chưa mở mang, cần phải nhờ vả người khác, cầu người khác giúp đỡ. Người khác chỉ có thể giúp mình trong một giai đoạn, chẳng thể nương nhờ người ta vĩnh viễn, cứ vĩnh viễn nương tựa người ta sẽ không ngóc đầu lên được! Sau khi dựa dẫm người khác một thời gian, tự mình phải dần dần tự lập. Dựa vào Phật, nhưng trí huệ mở mang một chút, vì sao? Thực sự hiểu được ý nghĩa lời Phật dạy, có thể y giáo

3[3] Nguyên văn "*ký vấn chi học*" tức là nền học vấn do tìm đọc, học hỏi, ghi nhớ, chứ không phát xuất từ sự thể nghiệm, chứng nghiệm.

phụng hành. Đức Phật dạy chúng ta thấy thấu suốt, buông xuống, chúng ta phải thực sự buông xuống! Buông xuống một phần, trí huệ tăng trưởng một phần, quý vị thấy thấu suốt một phần. Thấy thấu suốt giúp quý vị buông xuống, buông xuống lại giúp quý vị thấy thấu suốt. Vì thế, tu học Phật pháp từ Sơ Phát Tâm cho đến địa vị Như Lai, thấy thấu suốt giúp hành giả buông xuống, buông xuống giúp cho hành giả thấy thấu suốt, giúp đỡ lẫn nhau, thành tựu lẫn nhau, thăng tiến trên con đường vô thượng đạo!

Phương pháp ấy do chính Chương Gia đại sư dạy tôi, rất hy hữu! Ngày đầu gặp mặt, Ngài dạy tôi phương pháp ấy. Suốt năm mươi năm qua tôi được đại lợi ích nơi phương pháp này. Cảm ân thầy, chẳng thể không buông xuống, nếu không buông xuống được thì đúng là ngu si, đúng là đáng tiếc. "*Pháp thượng ưng xả, hà huống phi pháp*" (Pháp còn nên bỏ, huống gì phi pháp). Cứ bỏ, quý vị sẽ đạt được, được gì vậy? Được những gì sẵn có nơi tự tánh! Chẳng phải do từ bên ngoài mà được, được trí huệ, được năng lực, được tướng hảo.

"*Danh Văn Quang Phật, biểu thị sự thành tựu nhỏ nơi tu huệ*". Có chút thành tựu nhỏ. Chút thành tựu nhỏ là quý vị có "danh văn" (tiếng tăm), nay chúng ta gọi là nổi tiếng. Chỉ cần có chút thành tựu nhỏ, bên ngoài người ta biết đến tiếng tăm mình, khen ngợi mình, "*ắt có danh văn*". Lúc ấy danh văn là cái cửa ải trọng yếu nhất: Nếu quý vị đọa lạc trong danh văn, lợi dưỡng là xong! Danh lợi là cửa ải quý vị phải đột phá! Nếu chẳng thể đột phá, bị nó chướng ngại, sẽ vẫn phải luân hồi trong lục đạo y như cũ. Vì thế, danh văn như bóng tối. Đó là nói tỷ dụ. Danh văn giống như bóng tối, ta vẫn phải y như cũ, dùng ánh sáng trí huệ để soi tan. Vì thế, "*trí quang chiếu đến liền diệt*". Đó là tỷ dụ. "*Phải bỏ danh văn, lợi dưỡng, sẽ không trở ngại cho việc thăng tấn đạo nghiệp*". Con người, có thể nói là đa số, đại đa số con người cứ hể danh văn, lợi dưỡng vừa hiện tiền bèn hồ hồ, khởi tâm tham chấp, từ tham chấp lại khởi lên kiêu căng, ngạo mạn, tự cho mình rất phi thường, khinh mạn người khác, đấy cũng là phiền não hiện hành! Bị đọa lạc liền!

Chắc quý vị đều đọc Từ Bi Tam Muội Thủy Sám rồi, quý vị thấy Ngộ Đạt quốc sư mười đời là cao tăng, chẳng phải là chuyện dễ dàng! Trong nhân đạo, Ngài chẳng bị đọa lạc, chết đi vẫn tái sinh trong nhân gian, cứ mỗi lần [tái sinh] phước báo lại càng lớn hơn. Vì sao? Do Ngài tu rất giỏi, trì giới, tu định, tu phước, phước huệ song tu, đời đời kiếp kiếp, mười đời là cao tăng. Đến đời thứ mười, phước báo càng lớn, làm thầy của hoàng đế. Hoàng đế bái Ngài làm sư phụ, tức là Quốc Sư. Có một ngày, hoàng đế cúng dường

một bảo tòa bằng trầm hương, nay chúng ta gọi bảo tòa là “Thái Sư ỷ”^{4[4]} (ghế Thái Sư), cái ghế Thái Sư ấy làm bằng trầm hương. Chúng ta biết hết thảy loài gỗ đều nổi trên mặt nước, nhưng nếu thả gỗ trầm hương (tức “trầm thủy hương”) xuống nước, nó liền chìm tận đáy. Trầm hương hết sức nổi tiếng, quý giá. Hoàng đế dùng trầm hương làm thành cái ghế Thái Sư để cúng cho thầy.

Ngộ Đạt quốc sư tiếp nhận tòa báu trầm hương ấy, trong tâm hết sức hoan hỷ, khởi lên tâm ngạo mạn: “Trong quốc gia hiện thời có bao nhiêu là đại pháp sư, có ai được ngồi cái tòa báu này? Chỉ có mình ta, trừ ta ra, không có người thứ hai!” Tâm ngạo mạn vừa khởi lên, thần hộ pháp bỏ đi. Thần hộ pháp không nói chuyện tình cảm, không có cảm tình riêng như con người đâu nhé! Hễ quý vị tu hành đúng pháp, các ngài nhất định đến hộ trì. Vì sao? Nguyên nhân là vì quý vị tu hành đúng pháp, chư Phật hộ niệm; chư Phật hộ niệm thì lẽ đâu thần hộ pháp chẳng ủng hộ! Thần hộ pháp phải ủng hộ! Nhưng nếu quý vị vừa sanh phiền não, phiền não tập khí vừa hiện hành, đạo tâm không còn, quý vị không còn chân thành, khiêm nhường nữa, nay quý vị kiêu căng, ngạo mạn, không để ai vào mắt, thần hộ pháp bỏ đi ngay! Thần hộ pháp bỏ đi là phiền lăm, oán thân trái chủ bèn tìm đến ngay, oán thân trái chủ trong đời quá khứ đấy!

Oán thân trái chủ cũng thường ở quanh quẩn quý vị, rình rập đợi cơ hội. Bên quý vị có thần hộ pháp thì họ chẳng dám đến gần, đợi ngày nào quý vị phạm lỗi, tạo tác tội nghiệp, thần hộ pháp bỏ đi, cơ hội đến rồi! Họ bèn đến tìm quý vị gây rối. Vì thế, quốc sư bị mọc một mụn ghẻ có hình mặt người, gần như sắp mất mạng. Đúng là trong đời quá khứ Sư tu cũng khá, cho nên trong lúc tai nạn, lập tức có cảm ứng, tôn giả Ca Nặc Ca là bậc Đại A La Hán đến cứu Sư. Phương pháp cứu chữa là điều giải (thương thảo, hòa giải). Oán thân trái chủ của Sư tiếp nhận sự điều giải ấy. Tiếp nhận xong, mụn ghẻ mặt người bèn nói cho biết mình là ai, trong đời quá khứ bị Sư sát hại, phải chết oan uổng: “Oán căn ấy đời đời kiếp kiếp không cách gì tiêu trừ được; vì thế, đời này thấy Sư tiếp nhận tòa báu trầm hương của hoàng đế cúng dường, sanh khởi tâm ngạo mạn (theo như người ấy nói), thần hộ pháp bỏ đi, ta mới có cơ hội đến báo cừ. Nay được tôn giả Ca Nặc Ca là

^{4[4]} Thái Sư Ỡ là loại ghế có lưng tựa cao, hai bên có chỗ đặt tay. Loại ghế này đã có từ thời Tống. Thoạt đầu nó giống như giao ỷ (giao ỷ là loại ghế có thể xếp được, có chỗ tựa lưng và đặt tay), nhưng không xếp được. Thành ghế và tay vịn hai bên ghế nối liền với lưng ghế và mặt ghế, chứ không tách khỏi mặt ghế như giao ỷ. Lưng ghế cũng thẳng chứ không xiên như giao ỷ. Đến thời Minh, lưng Thái Sư Ỡ làm cao hơn nữa và thường chạm thủng, hoa văn uốn lượn cầu kỳ sao cho phía trên của lưng ghế gồm nhiều đoạn uốn lượn, móc vào nhau, ghế cũng được làm to hơn trước, chân ghế, thành ghế đều được chạm trổ, uốn lượn thật thanh nhã. Có thuyết nói loại ghế này mô phỏng các pháp tọa giảng kinh của người Ấn Độ.

bạc đại A La Hán đến điều giải, ta bằng lòng tiếp nhận, chẳng gây rối nữa". Mụn ghẻ mặt người liền lành.

Đọc câu chuyện này, chúng ta phải khéo suy nghĩ, sánh với Ngô Đạt quốc sư, chúng ta tu hành như thế nào? Có hơn được Ngài hay không? Chúng ta tạo tác nghiệp chướng, phiền não tập khí ít ra phải nặng gấp trăm gấp ngàn lần Ngô Đạt quốc sư, nhưng không có oán thân trái chủ đến tìm chúng ta, là vì nguyên nhân gì vậy? Oán thân trái chủ ở quanh bên quý vị thấy rất rõ ràng, quý vị tu hành chẳng ra trò trống gì, cũng không thể vắng sanh, đợi mấy bữa nữa báo thù cũng không muộn. Chẳng phải là không có sự ấy đâu nhé! Chính là như trong Phật pháp nói "nhân quả báo ứng" đấy! Chẳng phải là không báo, chưa đến lúc đấy thôi! Oán thân trái chủ ở gần bên ta trông thấy, cười hề hề, không gấp gì! Tới khi quả báo xảy đến, quý vị có hối cũng không kịp!

Nói thật ra, những chuyện cũ của cổ đức, chúng ta phải xem cho nhiều mới hòng luôn đề cao tỉnh giác, nỗ lực tu hành đạo pháp, chẳng dám tạo tội nghiệp, chẳng dám khởi một ý niệm bất thiện. Đem công đức tu học của chính mình hồi hướng cho oán thân trái chủ bao đời, vì sao? Chúng ta có phước báo, mọi người cùng hưởng, hy vọng oán thân trái chủ bao kiếp chẳng gây chướng ngại, tôi thành tựu chính là quý vị cùng thành tựu. Lúc tôi thành tựu, nhất định chẳng quên quý vị, sẽ độ quý vị trước. Mọi người đều luân hồi trong lục đạo thọ khổ, tôi thoát khỏi lục đạo rồi sẽ nhất định giúp đỡ mọi người, mọi người đều cùng có thể thoát khỏi lục đạo luân hồi, đều có thể vắng sanh Cực Lạc Tịnh Độ. Vì thế, oán thân trái chủ đều biến thành Hộ Pháp, chẳng những không gây rối, mà còn ủng hộ, lại còn bảo hộ quý vị. Vì thế, cát - hung, họa - phước quả thật chỉ trong một niệm. Danh lợi hiện tiền chính là cửa ải rất đáng sợ!

Chúng tôi cũng thường khuyến khích các đồng học, chúng ta ở trong thuận cảnh, thuận theo thiện duyên, vậy là tốt. Lúc ấy, sợ nhất là khởi tham luyến; bất luận đối với người, đối với sự, đối với vật mà có tâm tham, có lòng keo kiệt, không bỏ ra cho người khác thì không xong rồi! Vừa khởi ý niệm ấy lên, chư Phật không thể hộ niệm nữa. Chẳng phải là chư Phật không hộ niệm, nhưng vì quý vị có chướng ngại nên gây chướng ngại cho sự hộ niệm của chư Phật. Oán thân trái chủ bao kiếp đều kéo đến, lúc ấy họ có dịp báo thù quý vị, phiền toái xảy ra, hung tai, họa hại liên tiếp không ngừng! Chúng tôi thấy rất nhiều đồng tu học Phật gặp phải ma nạn. Nhân tố thứ nhất gây ra ma nạn chính là tâm không thanh tịnh, phiền não tập khí chiêu cảm ma nạn. Vì thế, trong hết thảy thuận cảnh, phải đặc biệt cảnh giác danh văn, lợi dưỡng, chớ sanh tham si, như vậy mới là tốt, trí huệ, phước báo mới thực sự hiện tiền.

Phước báo hiện tiền, trọn chẳng tự mình hưởng nhận, nhất định phải biết trong thế gian này người khổ nạn rất nhiều, nếu chúng ta cúng dường phước báo cho những kẻ khổ nạn ấy thì phước báo đó sẽ vô lượng vô biên! Bởi lẽ, tu phước báo chẳng nhằm hưởng trong nhân gian, đến chỗ nào mới hưởng? Đến thế giới Cực Lạc bèn hưởng, quyết định chẳng hưởng phước ở nơi đây. Ở nơi đây thường chịu khổ một chút là được, vì sao? Chịu khổ sẽ không có cái tâm tham luyến thế gian này. Nếu trong thế gian này, cái gì cũng hưởng thụ, sẽ chẳng muốn lìa khỏi thế gian này, chẳng về được thế giới Cực Lạc. Phước chớ nên hưởng! Lúc Thích Ca Mâu Ni Phật còn tại thế, quý vị thấy Ngài có phước báo bậc nhất, nhưng cả đời Ngài chưa hề hưởng phước. Suốt một đời ba y một bát, giữa Ngọ ăn một bữa, ngủ dưới gốc cây, nêu gương cho chúng ta thấy! Ngài hưởng phước nơi đâu? Hưởng phước trong Thật Báo Trang Nghiêm Độ, Ngài ứng hóa thân trong chín pháp giới, nhất định không thị hiện hưởng phước nơi những tướng ấy, tuyệt đối chẳng thị hiện.

Tiếp đó là Đại Diệm Kiên Phật, "*biểu thị bắt đầu có đủ hai trí*". Kiên (肩) là cái vai, hai vai. Diệm (燄) là ngọn lửa, chỉ quang minh. Vì thế, đây là nói tới Quyền Trí và Thật Trí, bắt đầu có đủ hai trí! Vượt được danh văn rồi mới có Quyền Trí và Thật Trí. Trong lúc danh văn hiện tiền, nếu quý vị không vượt qua được, sẽ chẳng có Quyền Trí lẫn Thật Trí. Vượt qua danh văn thuận lợi, quyết định không có tâm tham luyến danh văn, lợi dưỡng, lúc ấy Quyền Trí và Thật Trí bèn hiện tiền. "*Phát tâm tiếp nối huệ mạng của Phật, hoằng pháp lợi sanh, tức là tự lợi và lợi tha*". Ở đây, quý vị phải hiểu thật rõ: Để hoằng pháp lợi sanh thì phải có Quyền Trí và Thật Trí. Thật Trí là gì? Thật Trí là tâm thanh tịnh. Chân thành, thanh tịnh, bình đẳng là Thật Trí; chánh giác, từ bi là Quyền Trí. Quý vị hãy nghĩ xem: Nếu danh lợi hiện tiền, trong tâm có chút gì tham chấp thì sẽ chẳng chân thành, không thanh tịnh, cũng không bình đẳng. Nói cách khác, Thật Trí không có. Không có Thật Trí thì Quyền Trí cũng chẳng có. Nói khác đi, chẳng có tâm giác ngộ thì tâm từ bi cũng chẳng có, tâm từ bi chính là Thế Gian Ái Duyên Từ, vui vẻ đối với người khác, từ bi đối với người khác. Quý vị chán ghét người khác tức là đối với người khác không có tâm từ bi, không bình đẳng!

Xưa nay, trong nước, ngoài nước, không ít kẻ vì danh văn lợi dưỡng mà bị đào thải, bị đào thải với một mức độ rất lớn. Tướng trạng đào thải chúng ta thấy rất rõ: Danh văn, lợi dưỡng hiện tiền, đúng là [những kẻ ấy] tạo vô lượng vô biên tội nghiệp mà không biết. Nếu trí huệ hiện tiền thì họ sẽ hiểu rõ, dùng danh văn, lợi dưỡng để hộ trì chánh pháp, để giúp đỡ hết thảy chúng sanh khổ nạn. Vì thế danh văn, lợi dưỡng đưa đến cũng chẳng cần phải tránh né, cốt yếu là quý vị dùng nó như thế nào, dùng như thế nào cho

hợp trí huệ thì sẽ có lợi ích lớn lao! Nếu dùng theo kiểu ngu si, sẽ bị họa hại rất lớn! Đại hại hay đại lợi đều là do một niệm giác hay mê, rất quan trọng! Tiếp đó còn hai vị Phật nữa, nay đã hết giờ rồi!

*

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp vị Phật thứ tư ở phương Nam:

Tu Di Đăng Phật.

須彌燈佛。

"*Biểu thị tu Huệ, tự chuyển Thức thành Trí, lại còn giúp đỡ người khác*". Học Phật, giáo hóa chúng sanh, quan trọng nhất là phải chuyển. Phật, Bồ Tát khác với phàm phu ở chỗ này. Phàm phu chẳng thể chuyển cảnh giới, nhất định bị cảnh giới chuyển. Chư Phật, Bồ Tát liễu giải Thật Tướng của các pháp, bởi thế, các Ngài chuyển được cảnh giới, sai biệt ở chỗ này. Chúng ta học Phật, nói thật ra, quan trọng nhất là học theo Phật, Bồ Tát xoay chuyển cảnh giới.

Bọn phàm phu chúng ta thật đáng thương; trong cảnh giới thuận, cảnh giới tốt lành sẽ bị thuận cảnh chuyển, chuyển như thế nào? Khởi tâm tham luyến. Gặp cảnh giới không tốt, cảnh giới xấu hèn, lập tức bị cảnh giới chuyển, sanh tâm nóng giận, sanh tâm chán ghét. Chúng ta thường nói là "thất tình ngũ dục đều động". Sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần, khởi tâm động niệm đều là phiền não, đều là thất tình ngũ dục, đó gọi là "tạo nghiệp"!

Đã tạo nghiệp, lẽ đâu chẳng chịu quả báo? Nhà Phật thường nói: "*Vạn pháp giai không, nhân quả bất không*" (Vạn pháp đều không, nhân quả chẳng không). Vì sao nhân quả chẳng không? Nhân tự nhiên biến thành quả, quả lại biến thành nhân; vì thế, nhân quả "*chuyển biến bất không*" (chuyển biến chẳng phải là không), nhân quả "*tương tục bất không*" (tiếp nối chẳng không). Nói chung là tiếp nối nhau, do tiếp nối nên có quả, quả tiếp nối lại biến thành nhân, "*tuần hoàn bất không*" (tuần hoàn chẳng không). Nói "*nhân quả chẳng không*" là vì có ba hiện tượng sau đây: chuyển biến, tiếp nối, tuần hoàn.

Phật, Bồ Tát hiểu rõ, hiểu rành rẽ, vì thế, các Ngài chuyển được cảnh giới, chẳng bị cảnh giới chuyển. Trong cảnh giới tốt, chắc chắn các Ngài chẳng khởi tham - sân - si - mạn, quyết định chẳng khởi thất tình ngũ dục, không hề khởi, không khởi tâm, không động niệm, chẳng bị cảnh giới chuyển. Đối với cảnh giới bất thiện, cảnh giới ác, ác duyên hiện tiền, chẳng

những các Ngài không bị chúng chuyển, mà trái lại, biến cảnh giới bất thiện thành cảnh giới thiện, biến ác duyên thành thiện duyên, thật phi phàm! Bởi thế, các Ngài thọ dụng chẳng thể nghĩ bàn!

Tây Phương Cực Lạc thế giới và thế giới của chúng ta đây có gì khác biệt? Nói thật ra, hoàn toàn giống nhau, không sai biệt chút nào! Thế nhưng, theo những gì trình bày trong kinh, sai biệt rất lớn. Vì nguyên nhân nào vậy? Không có gì khác cả, thế giới giống hệt nhau, nhưng tâm chúng sanh trong thế giới Cực Lạc đều hiền lành, đều thanh tịnh, tâm thanh tịnh sẽ biến thành Tịnh Độ, tất cả hết thảy vạn vật không gì chẳng thanh tịnh, cảnh chuyển theo tâm. Tâm con người trong thế giới chúng ta không thanh tịnh, trong tâm ô nhiễm nghiêm trọng, nên hoàn cảnh sống của chúng ta cũng bị ô nhiễm nghiêm trọng, không thanh tịnh!

Cảnh chuyển theo tâm! Bản thân cảnh không ô nhiễm, tâm thanh tịnh thì cõi Phật thanh tịnh; tâm không thanh tịnh, cõi nước mình ở cũng chẳng thanh tịnh. Đạo lý là như vậy. Nếu tâm chúng ta thực sự thanh tịnh, hiền lành, tất cả hết thảy người, sự, vật chung quanh chúng ta không gì chẳng thanh tịnh, hiền lành, Tịnh Độ sẽ hiện tiền! Tâm chúng ta hư ngụy, ô uế, bất bình, ngu si, tự tư tự lợi, tất cả hoàn cảnh chúng ta đang sống đều biến đổi theo tâm niệm, biến thành ngũ trược ác thế. Ngũ trược ác thế vốn do đây mà có, phải hiểu như thế!

Thế giới Cực Lạc cố nhiên là do A Di Đà Phật thanh tịnh, bình đẳng, từ bi mà thành tựu. Phàm những ai vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, tâm địa của mỗi người cũng phải thanh tịnh, bình đẳng, từ bi giống như A Di Đà Phật thì mới được vãng sanh. Bởi thế, kinh Vô Lượng Thọ nói trong ba bậc vãng sanh, chánh nhân vãng sanh đều là "*phát Bồ Đề tâm, một dạ chuyên niệm*". Đây là điều kiện trọng yếu nhất để được vãng sanh! Mấy năm gần đây chúng tôi đã hiểu "phát Bồ Đề tâm" rất rõ ràng, Bồ Đề tâm là gì? Chính là "*chân thành tâm, thanh tịnh tâm, bình đẳng tâm, chánh giác tâm, từ bi tâm*". Quý vị dùng cái tâm ấy để "*một dạ chuyên niệm*" thì sẽ cảm ứng đạo giao! Một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật.

Niệm Phật không đắc lực, niệm Phật vẫn có ma chướng hiện tiền là vì nguyên nhân nào? Vì quý vị không có tâm Bồ Đề! Nếu quý vị đầy đủ lòng chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi thì niệm một câu Phật hiệu bèn có công đức, hiệu quả chẳng thể nghĩ bàn! Vì thế, chúng ta phải hiểu rõ ý nghĩa những lời đức Phật giảng trong kinh, phải thực sự biết y giáo phụng hành. Chúng ta miệng niệm Di Đà tâm tán loạn; tâm tán loạn là không chân thành, không thanh tịnh, không bình đẳng, không trí huệ, không từ bi, đó gọi là tâm tán loạn. Tâm tán loạn dù một dạ chuyên niệm cũng không có hiệu quả, chẳng thể đạt công phu thành phẩm, vì nguyên

nhân gì? Vì tâm tán loạn! Điều này quan trọng hơn bất cứ gì khác. Vì thế, tu Huệ thì quan trọng nhất là phải biết chuyển, tức là chuyển Thức thành Trí, chuyển được một thì sẽ chuyển được hết thảy.

Tiếp đó, chúng tôi lại có câu giải thích đơn giản: "*Tự hành, hóa tha, phá mê, khai ngộ*": Tự mình tu hành, lấy việc phá mê khai ngộ làm mục tiêu hàng đầu; giúp đỡ người khác, giáo hóa chúng sanh, cũng là lấy phá mê khai ngộ làm mục tiêu hàng đầu! Đó là tổng cương lĩnh, tổng nguyên tắc nhất định phải nắm vững. Thức là vọng tâm, Trí là chân tâm; nói cách khác, chuyển vọng tâm thành chân tâm, dụng công nơi tâm địa! Phải hiểu tác dụng của vọng tâm, tám thức; tác dụng của thức thứ sáu là phân biệt; ý thức phân biệt; thức thứ bảy là chấp trước; thức thứ tám giống như cái kho, chúng ta thường nói là "ghi ấn tượng", mọi ấn tượng đều cất vào đó, tích trữ trong cái kho ấy. Từ vô lượng kiếp đến nay, đời đời kiếp kiếp, bất kể ấn tượng tốt hay ấn tượng xấu, thảy đều được chứa trong ấy, đó là vọng tưởng! Năm thức đầu là nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý, bản thân chúng không có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, đều nghe theo sự chỉ huy của thức thứ sáu và thức thứ bảy mà hành động. Thức thứ bảy chấp trước, thức thứ sáu phân biệt, biểu hiện ra bên ngoài, biểu hiện qua năm thức trước, tạo nghiệp như vậy đấy!

Bồ Tát thông minh, có trí huệ, Ngài có thể chuyển biến, chuyển thức thứ sáu thành Diệu Quán Sát Trí. Quán Sát là hiểu rõ, nơi mắt, tác dụng của ý thức là thấy rõ, nơi tai là nghe hiểu, nơi mũi là ngửi rõ, nơi lưỡi là nếm rành rẽ, nơi thân tiếp xúc bèn hiểu rõ ràng, nơi ý là biết rõ ràng. Quán Sát lại thêm chữ Diệu. Diệu là dẫu hiểu rõ, nhưng không chấp tướng, không phân biệt, hiểu rõ nhưng không phân biệt, đó là trí huệ chân chánh! Hiểu rõ mà tròng thêm phân biệt thì thành mê, không phải là trí huệ chân chánh, phải gọi là Thức, chẳng gọi là Trí. Giống như tấm gương soi cảnh tượng bên ngoài, quý vị thấy rất rõ ràng minh bạch, rành rẽ, thông suốt, nhưng không phân biệt, không chấp trước, không vọng tưởng. Vì thế, đức Phật thường dạy chúng ta "*dụng tâm như kính*" (dụng tâm như gương). Trong cuộc sống thường nhật, đối với hết thảy người, sự, vật, chúng ta khởi tâm động niệm giống hệt như tấm gương trong trẻo, sáng suốt, rành rẽ, phân minh, không có vọng tưởng, không phân biệt, không chấp trước. Đó gọi là Trí chiếu! Diệu Quán Sát Trí chiếu cảnh giới sáu trần.

"*Chuyển thức thứ bảy thành Bình Đẳng Tánh Trí*". Thức thứ bảy là nhiễm ô, chấp trước; chấp trước là không bình đẳng, bình đẳng thì không chấp trước. Vì thế, đối với hết thảy pháp, không còn chấp trước, tâm bình đẳng hiện tiền, Bình Đẳng Tánh Trí hiện tiền. Hễ có mảy may chấp trước, phải như thế này, phải như thế nọ mới là đúng; như thế kia là không đúng, đấy chẳng phải là Trí, mà là Thức! Thức sẽ tạo nghiệp, Trí không tạo nghiệp.

Dùng Trí không dùng Thức, dùng Trí để chu toàn mọi sự thì sẽ càng thực hiện viên mãn, trí huệ chân thật. Dùng Thức để xử sự, chẳng thấy được viên mãn, vì sao? Vì rất nhiều chỗ quý vị không thấy được. Nếu dùng Trí để xử sự, sẽ thấy thấu suốt quá khứ, hiện tại, vị lai, có thể thấy cõi này và mười phương, há làm được ư? Học Phật phải học lấy trí huệ, có như vậy mới có thể chuyển Thức thành Trí.

"*Chuyển thức thứ tám thành Đại Viên Kính Trí*". Đại Viên Kính (tấm gương tròn lớn) là tỷ dụ, Viên là viên mãn; nói cách khác, không gì chẳng biết. Vì sao không gì chẳng biết? Do trong A Lại Da Thức từ vô thủy kiếp đến nay, tích chứa chủng tử tập khí, trong ấy có nào thiện, nào ác, nào vô ký (không thiện, không ác), thảy đều chuyển thành trí huệ. Do vậy, thiện cũng tốt, ác cũng xong, thảy đều rõ ràng, thảy đều thấu suốt, nghiệp nhân quả báo chẳng mê hoặc mảy may. Vừa chuyển biến liền biến thành không gì chẳng biết. Bát Nhã vô tri, không gì chẳng biết!

Chuyển được ba thức này thì năm thức trước sẽ chuyển theo, chuyển thành "Thành Sở Tác Trí", thành tựu hành vi trí huệ, tạo tác trí huệ, không bị mê hoặc, dùng trí huệ để tạo tác nên tự lợi, lợi tha. Đối với chính mình, thành tựu ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp, trở thành bậc thầy, thành gương mẫu, thành tiêu chuẩn cho hết thảy chúng sanh noi theo, thành mẫu mực cho hết thảy chúng sanh, biểu lộ qua năm Thức trước cho nên tạo thành hình tượng ấy! Tu hành quý nhất là chuyển biến; chúng tôi cũng thường giảng như thế.

Chuyển biến từ đâu? Bắt đầu từ đâu? Nhà Phật dạy từ ngay nơi phương tiện ban đầu. Chuyển từ chỗ nào? Phải chuyển từ ý niệm. Ý niệm quá nhiều. Từ sáng đến tối, niệm trước diệt, niệm sau sanh, sanh diệt không ngừng! Đó là tướng phàm phu khổ não, chẳng giống với chư Phật và Pháp Thân Bồ Tát, các Ngài không khởi tâm, không động niệm, các Ngài trụ trong đại định, trụ trong tam-muội. Lục đạo phàm phu trụ trong vọng niệm hết sức đau khổ. Phật, Bồ Tát Thiền Định rất sâu, trong hết thảy cảnh giới không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước, đó là "*thường trụ tam-muội*". Sáu căn của chúng ta tiếp xúc cảnh giới sáu trần bên ngoài, khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước, đó là nhân; quả báo bên là luân hồi lục đạo. Nhân quả tuần hoàn, nhân quả tiếp nối.

Thưa quý vị, chúng ta hãy thực sự tu hành, đừng tu hành trên mặt hình tướng! Tu hành trên hình thức chính là đại từ đại bi biểu diễn cho người khác thấy; còn chính mình phải dụng công thực sự tu hành, người khác không thấy được. Vì thế, phải biểu diễn sự tu hành nhằm tiếp dẫn đại chúng, nhằm lợi ích chúng sanh. Vì người khác nói, diễn nói chẳng phải vì bản thân, mà vì người khác, nhằm hóa độ người khác. Để độ chính mình thì quan trọng nhất là nếu khởi tâm động niệm mà có ý niệm tự tư tự lợi thì khi

ý niệm ấy khởi lên, phải ngay lập tức diệt trừ, vì đó là tâm luân hồi! Niệm niệm nghĩ đến gì? Nghĩ sao cho chánh pháp tồn tại dài lâu, sao cho giáo huấn của hết thầy thánh hiền được thường trụ trong thế gian, được hoằng dương rạng rỡ, to lớn, lợi ích chúng sanh. Chúng ta phải thường nghĩ đến những điều này. Thường nghĩ giúp đỡ những chúng sanh khổ nạn, giúp họ lìa khổ được vui, chúng ta có thể hy sinh chính mình vì người khác, phải từ những chỗ ấy mà chuyển biến. Tuyệt đối chớ nên nghĩ như thế này: Trước hết phải tính sao cho có lợi cho chính mình, chuyện gì có lợi cho mình thì làm, chuyện gì vô ích đối với mình, có lợi cho chúng sanh thì chẳng buồn làm. Nếu vậy là lầm mất rồi! Vẫn là cái tâm luân hồi, ngày ngày tạo nghiệp luân hồi, dầu có niệm Phật suốt đời cũng chẳng thể vãng sanh, vẫn cứ phải luân hồi trong lục đạo, vì sao? Tâm luân hồi mà! Không có tâm buông bỏ luân hồi!

Nếu quý vị chuyển cái tâm luân hồi thành tâm Bồ Đề, tôi thường nói mười sáu chữ, vì sao cứ phải nói mãi? Vì chưa làm được! "*Tự tư, tự lợi, danh văn, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần, tham, sân, si, mạn*", phải đoạn mười sáu chữ ấy. Phải chuyển! Chuyển tự tư thành đại công, chuyển tự lợi thành lợi ích hết thầy chúng sanh. Vì sao không chuyển được ý niệm ấy? Quý vị phải biết tự tư tự lợi rất khổ! Lo được, lo mất, khổ không thể nói nổi! Chuyển biến được cái tâm ấy sẽ được đại lạc, lìa khổ được vui. Quý vị khởi tâm động niệm đại công vô tư thì ý niệm và nguyện vọng của mình nếu duyên chín muồi sẽ có rất nhiều người giúp mình, sự việc bèn thành tựu, vui sướng, chúng sanh có phước. Nếu không có thiện duyên, thậm chí vẫn có rất nhiều chướng duyên chướng ngại mình, chúng ta chỉ than một tiếng: "Chúng sanh không có phước báo, duyên chưa chín muồi". Vì sao? Tự mình không có ý niệm được hay mất: Việc thành công, tự mình không có ý niệm đạt được; việc không thành công, tự mình chẳng có ý niệm mất mát.

Không có ý niệm được - mất nên tâm quý vị thanh tịnh, tâm chân thành, trong tâm vui sướng, không thọ khổ. Thành công, thọ lạc; không thành công, vẫn cứ thọ lạc, không thọ khổ. Người thế gian mê hoặc, điên đảo, lo được, lo mất, sung sướng thì sướng phát cuồng; mất mát thì đau khổ quá đỗi, chẳng liễu giải chân tướng sự thật, ý niệm tự tư tự lợi quá nặng. Vì thế, "*chuyển Thức thành Trí*" phải chuyển từ chỗ này.

Lúc tôi mới học Phật, Chương Gia đại sư dạy tôi thấy thấu suốt, buông xuống. Buông xuống chính là chuyển, buông tự tư tự lợi xuống, buông danh văn, lợi dưỡng xuống, buông sự hưởng thụ ngũ dục, lục trần xuống, buông tham - sân - si - mạn xuống, trí huệ bèn tăng trưởng! Rõ ràng nhất không sai mấy là cảnh giới mỗi tháng mỗi khác, mỗi tháng đều có lạc thú; đây chính là như sách Luận Ngữ nói: "*Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ?*" (Học rồi thường tu tập, cũng chẳng vui sao?), trong nhà Phật gọi điều này

là "*pháp hỷ sung mãn*". Pháp hỷ bổ dưỡng con người, dưỡng thân, dưỡng tâm, thân tâm mạnh khỏe. Ngạn ngữ Trung Hoa có câu: "*Nhân phùng hỷ sự tinh thần sáng*" (người gặp chuyện vui, tinh thần sáng khoái), suốt cả đời quý vị sống trong hoan hỷ, đó là hạnh phúc lớn lao nhất. Quý vị không phiền não, không lo lắng, không vướng mắc chuyện gì trong lòng, vui nào sánh bằng! Niềm sung sướng ấy quý vị vốn có, nay quý vị biến thành đau khổ như vậy là vì có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, tự tư tự lợi, có tham - sân - si - mạn, hằng ngày truy cầu danh văn, lợi dưỡng; cầu được thì lại sợ mất; cầu không được bèn đau khổ không thể nói nổi! Vì thế, cầu được cũng khổ, cầu không được cũng khổ; nỗi khổ ấy do chính mình chuốc lấy, chứ đâu phải quý vị sẵn có!

Vì vậy, học Phật phải học chuyển biến cảnh giới, chuyển cảnh giới chẳng phải bên ngoài mà là chuyển biến trong nội tâm. Trong kinh, đức Phật đã giảng rất nhiều: "*Nhất thiết pháp tùng tâm tướng sanh*" (Hết thảy pháp từ tâm tướng sanh). Tâm năng tướng, cảnh giới bên ngoài là sở tướng. Quý vị muốn chuyển thì đừng chuyển nơi cái được tướng (sở tướng) mà phải chuyển nơi năng tướng. Chuyển được năng tướng thì sở tướng bèn biến đổi. Rõ ràng nhất là trong thí nghiệm kết tinh nước của ông Giang Bồn Thắng. Lần này, pháp sư Định Luật từ Nhật Bản qua Đài Loan viếng tang mẹ của Hồ cư sĩ, mang theo một cuốn băng thâu hình, Sư có cuốn băng ấy từ chỗ ông Giang Bồn Thắng. Chúng tôi thấy rất rõ, so với hình chụp trong sách rõ rệt hơn nhiều lắm. Là vì trong sách, quý vị nhìn vào hình chụp, không thấy nó biến hóa, qua băng thâu hình, thấy hình ảnh biến hóa, khiến cho người ta rất cảm động. Cảnh giới biến đổi theo tâm niệm con người, ý niệm của quý vị là tốt lành thì nó càng biến đổi càng đẹp, càng biến đổi càng to; lúc tâm lượng không lành, hình dạng của chúng rất khó coi. Điều ấy chứng minh hết thảy pháp từ tâm tướng sanh, hết thảy pháp chỉ do tâm hiện, chỉ do thức biến, chứng minh rõ ràng! Bởi thế, cảnh giới chuyển biến trong mỗi niệm.

Cư sĩ Giang Bồn Thắng [thật ra] vẫn chưa là cư sĩ, ông ta là tiến sĩ, cực lực hô hào, mong mọi người thế gian ai nấy đều có thể dùng thiện tâm, thiện niệm đối đãi hết thảy người, hết thảy sự, hết thảy vật thì quả địa cầu này sẽ biến thành tốt đẹp phi thường. Lời kêu gọi ấy giống như thiền sư Trung Phong đã nói trong Hệ Niệm Pháp Sự, tâm ta là A Di Đà Phật, A Di Đà Phật chính là tâm ta, Cực Lạc là cõi này, cõi này chính là Cực Lạc. Vậy thì quý vị biến đổi cái tâm bằng cách nào? Nếu tâm biến thành thanh tịnh, bình đẳng, từ bi, thế giới này sẽ là thế giới Cực Lạc, không phải biến đổi nơi cảnh giới mà là biến đổi nơi tâm địa!

Trong thế gian này, những người sống trên địa cầu không cần nhiều, cổ đức thường nói là một phần mười, tức trong mười người có một người tâm

địa thanh tịnh, bình đẳng, từ bi, thiện lương thì thế giới này đã biến thành thế giới Cực Lạc rồi. Chắc chắn một người có thể ảnh hưởng cả chín người kia. Vì thế, ông ta cố vũ sự giáo dục yêu thương và biết ơn. Trong những năm qua, chúng tôi thực sự không tiếp xúc với ông ta, chúng tôi cũng cố động giáo dục yêu thương, giáo dục lòng cảm ơn, không bàn tính mà cùng hợp! Vì thế, chúng tôi hoan nghênh ông Giang Bồn Thăng đến thăm Úc Châu, trong thời gian viếng thăm, tôi hy vọng ông ta có thời gian đến thăm học viện chúng ta, chúng tôi sẽ sắp xếp một buổi diễn giảng cho ông tại Đồ Văn Ba (Toowoomba). Trong phần sau là tổng kết, ở đây là tiểu kết.

"*Chiếu phá Tam Hoặc của mình lẫn người*". Tam Hoặc là ba loại mê hoặc lớn. Ba loại này chính là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Trong các kinh Đại Thừa, đức Thế Tôn thường gọi ba loại mê hoặc này là phiền não, tức Kiến Tư phiền não, Trần Sa phiền não, và Vô Minh phiền não. Kiến Tư phiền não là chấp trước, Trần Sa phiền não là phân biệt, Vô Minh phiền não là vọng tưởng, danh từ khác nhau nhưng ý nghĩa hoàn toàn tương đồng. Phải dùng trí huệ để chiếu phá, "*Tu Di biểu thị nhất thể bất nhị*", Tu Di là Pháp Thân, núi Tu Di tượng trưng cho Pháp Thân. Kinh luận thường nói: "*Thập phương tam thế Phật, cộng đồng nhất Pháp Thân*" (Mười phương ba đời Phật cùng chung một Pháp Thân), nói mười phương ba đời Phật là gộp cả chúng ta trong ấy. Ba đời là quá khứ, hiện tại, vị lai, hết thảy chúng sanh đều là Phật vị lai, mọi người chúng ta đều là Phật vị lai, chúng ta cùng với quá khứ Phật và hiện tại Phật có chung một Pháp Thân, nhất thể bất nhị, đức hiệu của vị Phật này biểu thị ý nghĩa ấy. Vị Phật cuối cùng là.

Vô Lượng Tinh Tấn Phật.

無量精進佛。

"*Biểu thị pháp tu căn bản, thiện căn Đại Thừa chỉ gồm một loại là tinh tấn, thành tựu đại huệ*". Đức Phật nói đến thiện căn, Căn là dùng thực vật làm tỷ dụ, thực vật phải có rễ (Căn) thì mới có thể sống được, tăng trưởng được, khai hoa kết quả được. Nói đến thiện căn, là sánh ví nó giống như rễ của thực vật, thiện căn có thể sanh trưởng hết thảy thiện pháp, tất cả hết thảy thiện pháp đều từ căn này sanh ra, đức Phật gọi đó là "*thiện căn*".

Thiện căn có thể gian thiện căn và xuất thế gian thiện căn. Trong lục đạo thế gian, tất cả hết thảy thiện pháp từ đâu mà sanh? Đức Phật nói có ba thứ thiện căn: không tham, không sân, không si, như trong kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo nói bất tham, bất sân, bất si là ba thiện căn! Tất cả hết thảy thiện pháp trong lục đạo đều sanh từ những Căn này. Trái với ba thiện căn là tham - sân - si, gọi là Tam Độc! Khi chúng tôi giảng kinh thường gọi

chúng là "bệnh độc", trong tâm mỗi người chúng ta có bệnh độc nghiêm trọng là tham - sân - si. Ba thứ bệnh độc tham - sân - si gây tạo tất cả hết thảy tật bệnh và tai nạn trong thế gian này. Người ta thường nói đến thiên tai, nhân họa, thủy tai, hỏa tai, phong tai, địa chấn (động đất), ôn dịch, những thứ ấy từ đâu mà có? Cội nguồn của chúng đều là tham - sân - si.

Vì vậy, quý vị phải hiểu minh bạch đạo lý sau đây: Nếu trong tâm quý vị không có tham - sân - si, sẽ tránh khỏi rất nhiều tai nạn. Dù quý vị có đến chỗ đang có bệnh dịch cũng không bị truyền nhiễm. Vì sao? Quý vị không có những điều kiện cảm ứng với chúng; virus gây bệnh truyền nhiễm phải có môi giới, môi giới chính là cái tâm bất thiện của chính mình. Ác niệm sẽ khởi cảm ứng đạo giao với chất độc ấy, sẽ lây nhiễm dễ dàng. Nếu tâm địa của chính mình thanh tịnh, tâm địa từ bi, không có ý niệm tham - sân - si, quý vị sẽ chẳng bị lây nhiễm. Từ nguyên lý, nguyên tắc mà nói thì đúng là như thế!

Bởi thế, con người chẳng thể không tu thiện. Cát - hung, họa - phước thực sự chỉ trong một niệm. Một niệm lành thì đại cát, đại lợi; một niệm không lành, đại hung, đại họa. Nếu chúng ta thực sự có tâm xu cát ty hung (tìm lành tránh dữ) thì phải xu cát ty hung bằng cách nào? Phải đoạn ác tu thiện, quý vị sẽ không có tai nạn! Đúng như cổ nhân đã nói: Người có phước báo, tâm địa thanh tịnh, có trí huệ, có phước báo! Ngạn ngữ nói rất hay, gặp phải tai nạn thì "*phùng hung hóa cát, ngộ nạn thành tường*" (gặp điều dữ hóa điều lành, gặp tai nạn biến thành chuyện tốt lành), chuyển biến đấy! Gặp phải hung tai nó bèn chuyển biến thành hảo sự, cát tường. Gặp phải tai nạn, chuyển biến thành phước báo cát tường. Đều là chuyển biến nơi tâm, lúc bình thường phải chuyển biến, chứ không phải đến lúc tai nạn mới tính chuyển thì chuyển chẳng được đâu! Công phu do lúc bình thời, bình thời niệm niệm đều thiện, niệm niệm là thiện niệm, hành vi nào cũng là thiện hạnh. Quý vị thấy đó: Thiện niệm, thiện ý, thiện hạnh thì không gì chẳng phải là tốt lành! Tâm tịnh, ý tịnh, hành vi thanh tịnh, ắt sanh Tịnh Độ. Kinh đã dạy mà cổ đức cũng thường nói: "*Tâm tịnh tắc quốc độ tịnh*" (Tâm tịnh thì cõi Phật tịnh). Quý vị khởi cảm ứng đạo giao với Tịnh Độ thì tự nhiên sẽ vãng sanh.

Trong pháp xuất thế gian, thiện căn chỉ có một, chính là Tinh Tấn. Tinh tấn là thiện căn duy nhất của Bồ Tát, "*Thiện căn Đại Thừa chỉ có một loại là Tinh Tấn*". Tinh tấn là không lười nhác, "*thành tựu đại huệ*". Mục tiêu mà chúng ta mong cầu là viên mãn rốt ráo hiện tiền thì phải nhờ vào đâu? Nhờ vào tinh tấn. Tương phản với tinh tấn chính là điều chướng ngại lớn nhất cho pháp xuất thế gian, điều gì vậy? Giải đãi! Người học pháp xuất thế quyết định không tham - sân - si, tức là hội đủ ba thiện căn thế gian cho nên mới tu pháp xuất thế. Quý vị nhất định phải hiểu đạo lý này: Tu pháp

thế gian chưa trọn mà toan tu pháp xuất thế gian sẽ chẳng thể được đâu! Chẳng thể làm người tốt trong thế gian mà lại muốn thành Phật, thành Bồ Tát, chẳng thể nào được! Chẳng thể không hiểu đạo lý này, phải hiểu thấu triệt. Vì sao? Có hiểu thì mới phát sanh ảnh hưởng đối với tâm hạnh của chính mình. Nếu quý vị hiểu rất sâu, rất triệt để, sẽ tự nhiên chịu làm như vậy. Vì sao? Làm như vậy có đại lợi ích, làm như vậy có chỗ rất tốt. Với chính mình là lìa khổ được vui, với chúng sanh cũng giúp cho họ lìa khổ được vui. Còn gì vui hơn mà không làm cơ chứ?

Rất nhiều đồng học học Phật nghe những lời này đều gật đầu, nhưng rất cảm thán bảo tôi: “Thưa pháp sư! Con làm không được!” Tôi biết vì sao họ làm không được! Vì sao họ làm không được? Vì hiểu chưa sâu, nên thường đến hỏi tôi phải làm cách nào? Tôi dạy họ nghe kinh cho nhiều. Nghe kinh nhiều không có nghĩa là kinh gì cũng nghe, phải hiểu ý này. Quý vị là sơ học, nói “*sơ học phải nghe kinh nhiều*” nghĩa là chỉ nghe một bộ kinh, tối đa là hai bộ, ba bộ kinh, đừng nhiều hơn ba. Nghe bao lâu? Từ xưa đến nay, tổ sư đại đức ấn định quy củ là năm năm.

Tôi đến Đài Trung thân cận thầy Lý. Thầy Lý cũng dạy tôi năm năm phải chuyên công! [Tức là] chuyên môn nghe một loại, hoặc là nghe hai loại, tối đa không được quá ba loại, tối đa là ba loại. Nghe đi nghe lại như vậy, hằng ngày không gián đoạn, nghe suốt cả năm năm. Tốt ở chỗ nào? Tâm quý vị bèn định. Nếu trong năm năm ấy, quý vị nghe mười mấy loại, tâm sẽ chẳng định. Há chẳng phải như kinh này dạy “nhất tâm bất loạn”, tu nhất tâm bất loạn đó sao? Nhất tâm bất loạn là tam-muội, nhất tâm bất loạn là Thiền Định rất sâu, tu như thế nào? Phải thâm nhập một môn, tâm bèn định. Cứ nghe đi nghe lại, mỗi lần nghe một lượt, quý vị lại cảm nhận, lãnh hội khác nhau. Mỗi lần nghe lại được một lần công phu định lực, mỗi lần nghe là một lần đặc trí huệ. Nghe suốt năm năm như thế, quý vị ắt có định, có huệ. Nói cách khác, dẫu chưa đạt được Căn Bản Trí, nhưng đã đạt được Tương Tự Căn Bản Trí. Từ chỗ này, quý vị có thể kiến lập tín tâm, đạt được pháp hỷ, rất sung sướng, cảm nhận rất rõ phiền não của chính mình giảm thiểu, tức vọng tưởng, phân biệt, chấp trước ít hơn, trí huệ tăng trưởng. Bất luận tiếp xúc hết thầy người, sự, vật, tợ hồ chính mình có trí huệ, chính mình xử trí rất thích đáng.

Bản thân tôi đi theo con đường này, tôi không tu pháp môn nào khác, chỉ là nghe kinh, đọc kinh, giảng kinh, cả đời vui sướng không mệt mỏi. Những chuyện đáp ứng lời mời mọc giảng diễn bên ngoài nói thật ra toàn là chuyện bất đắc dĩ, chẳng phải là tôi muốn đi; không muốn đi sao lại cứ đi? Đối với xã hội có chút lợi ích thì chúng tôi phải làm. Xã hội hiện tại là đời loạn mà! Tà tri, tà kiến, tà thuyết, tà hạnh ngập ngụa thế gian, chúng sanh rất khổ, không giác ngộ! Vì thế, có ai tìm tôi, có cơ duyên ấy, tôi cũng vui lòng dăng

chút cống hiến. Đem sở học của chính mình, đem những gì mình hiểu biết để thừa cùng đại chúng, dâng cho đại chúng tham khảo hòng tu học, tận hết chút sức kém cỏi của chính mình. Xong việc, tôi trở về gấp studio của chính mình, chẳng thích đi ra ngoài, chỉ là bất đắc dĩ mà thôi! Hết thầy là vì chánh pháp tồn tại lâu dài, hết thầy là vì chúng sanh khổ nạn. A! Hôm nay hết giờ rồi!

Trung Phong Tam Thời Hệ Niệm Pháp Sự Toàn Tập Giảng Ký, Phần 10 hết

^{5[1]} Trường Thủy là hiệu của ngài Tử Tuyền (965-1038). Sư có pháp hiệu là Đông Bình, thường được gọi là Trường Thủy đại sư (vì Ngài thường trụ tại chùa Trường Thủy). Sư là người huyện Tiên Đường, Hàng Châu, là cao tăng thuộc tông Hoa Nghiêm. Sư xuất gia từ nhỏ, xuất gia với ngài Hồng Mẫn, theo học với ngài Khế Tông chùa Phổ Huệ, chuyên dốc sức nơi kinh Lăng Nghiêm. Năm 13 tuổi, Sư đã được đặc cách thọ Cụ Túc Giới. Sư cực lực hoằng dương tông Hoa Nghiêm, được coi là người có công lớn nhất trong công cuộc trung hưng tông Hoa Nghiêm thời Tống. Những tác phẩm trọng yếu nhất của Sư là Lăng Nghiêm Kinh Nghĩa Số Chú Kinh, Lăng Nghiêm Kinh Khoa, Kim Cang Bát Nhã Toàn Yếu Khoa, Đại Thừa Khởi Tín Luận Bút Tước Ký.

^{6[2]} Tuyên đạo (宣導): Tuyên nói, chỉ dạy, hướng dẫn.

^{7[3]} Nguyên văn “*ký vấn chi học*” tức là nền học vấn do tìm đọc, học hỏi, ghi nhớ, chứ không phát xuất từ sự thể nghiệm, chứng nghiệm.

^{8[4]} Thái Sư Ý là loại ghế có lưng tựa cao, hai bên có chỗ đặt tay. Loại ghế này đã có từ thời Tống. Thoạt đầu nó giống như giao ý (giao ý là loại ghế có thể xếp được, có chỗ tựa lưng và đặt tay), nhưng không xếp được. Thành ghế và tay vịn hai bên ghế nối liền với lưng ghế và mặt ghế, chứ không tách khỏi mặt ghế như giao ý. Lưng ghế cũng thẳng chứ không xiên như giao ý. Đến thời Minh, lưng Thái Sư Ý làm cao hơn nữa và thường chạm thủng, hoa văn uốn lượn cầu kỳ sao cho phía trên của lưng ghế gồm nhiều đoạn uốn lượn, móc vào nhau, ghế cũng được làm to hơn trước, chân ghế, thành ghế đều được chạm trổ, uốn lượn thật thanh nhã. Có thuyết nói loại ghế này mô phỏng các pháp tọa giảng kinh của người Ấn Độ

